

ĐC

959.775

K 600 U'

AN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY -
ÊN LẠC CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG
BỊ ĐỊCH BẮT TÙ ĐÀM TỈNH ĐỒNG NAI

Ký ức

VÀNG LỬA



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

KÝ ỨC VÀNG LỬA

959.775

1C 609 v

**BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY -
BAN LIÊN LẠC CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG BỊ
ĐỊCH BẮT TÙ ĐÀY TỈNH ĐỒNG NAI**

KÝ ỨC VÀNG LỬA



**THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
SÁCH TẶNG**

2019/ĐC/VL

001636

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI, 2014

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

- + Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.
- + Ban Liên lạc chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đày tỉnh Đồng Nai.

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG:

- Đ/c Huỳnh Văn Tới: Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.
- Đ/c Trần Thị Hòa: Trưởng ban Liên lạc chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đày tỉnh Đồng Nai.

BAN BIÊN SOẠN, BIÊN TẬP:

- Đ/c Huỳnh Tấn Bửu: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.
- Đ/c Đoàn Trung Kiên: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.
- Đ/c Hà Thị Thanh Thúy: Báo Đồng Nai.
- Đ/c Trần Thu Hằng: Báo Lao động Đồng Nai.
- Đ/c Hoàng Ngọc Điệp: Sở VH-TT-DL Đồng Nai.

Lời giới thiệu

Trong hệ thống các nhà tù, trại giam của địch, người dân Việt Nam và dư luận quốc tế thường nhắc đến 6 nhà tù lớn nhất ở miền Nam là: Côn Đảo, Phú Quốc, Chí Hòa, Tân Hiệp, Phú Lợi và Thủ Đức.

Đây là những nơi in đậm chứng tích tội ác của giặc. Các nhà tù, trại giam của địch là hiện thân của chế độ thống trị vô cùng tàn bạo, hiểm ác. Thông qua bộ máy chính quyền tay sai và hệ thống lao tù, bằng các hình thức tra tấn của thời trung cổ kết hợp với các phương tiện hiện đại, chúng đã giết hại, đánh đập, tra tấn đến tàn phế hàng chục vạn chiến sĩ cách mạng và đồng bào yêu nước trong các nhà tù, trại giam.

Người chiến sĩ cách mạng bị bắt không chỉ phải đối mặt với đòn roi, lao động khổ sai, gông cùm, bệnh tật, chết chóc, mà trong suốt thời gian bị tù đầy, từng phút, từng giây luôn phải đấu tranh tư tưởng với chính mình để lựa chọn giữa hai con đường. Một là chấp nhận hy sinh để giữ vững khí tiết cách mạng. Hai là bị địch khuất phục.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các nhà tù, trại giam của giặc đã trở thành nơi rèn luyện, thử thách ý chí, tinh thần bất khuất của bao thế hệ cán bộ, đảng viên, chiến sĩ cách mạng. Có thể nói, nơi đây đã thử vàng trong lửa, họ đã biến nhà tù thành trường học cách mạng, nêu cao khí tiết người cộng sản, tập hợp đoàn kết thành một khối thống nhất, đấu tranh chống lại chế độ lao tù hà khắc của địch. Với lòng tin vào Đảng, vào thắng lợi của chính nghĩa cách mạng, các tù chính trị, tù binh, người yêu nước đã chiến thắng kẻ thù hung bạo.

Một phần tư thế kỷ trôi qua, kể từ khi những người tù chính trị cuối cùng thoát khỏi cảnh gông xiềng ở các nhà tù, trại

Ký ức VÀNG LỬA

giam của địch, đã có nhiều sách, nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến. Tuy nhiên, bấy nhiêu thôi chưa đủ để các thế hệ trẻ hôm nay và mai sau có thể hình dung được hết những cảnh sống tòi tệ nhất, những chịu đựng dai dẳng và sức chiến đấu bền bỉ của những con người bị cách ly hoàn toàn với thế giới loài người ở các chốn địa ngục trần gian. Vì vậy, việc tái hiện lại một giai đoạn lịch sử trong các nhà tù, trại giam của địch là nguyện vọng của các chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đầy, đồng thời là bài học cho lớp trẻ hôm nay trong việc giữ gìn, phát huy truyền thống cách mạng của các thế hệ cha ông trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.

Với ý nghĩa đó, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai đã phối hợp với Ban Liên lạc chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đầy tỉnh Đồng Nai thực hiện kế hoạch biên soạn tập tài liệu về cưu tù chính trị tỉnh Đồng Nai, với mục đích ghi chép, biên tập thành bộ tài liệu người thật, việc thật từ các nhân chứng cưu tù chính trị, bổ sung vào hệ thống dữ liệu lịch sử của tỉnh Đồng Nai.

Quá trình thực hiện, ban biên soạn, biên tập đã cố gắng tổng hợp sự kiện, tài liệu từ các nhân chứng cưu tù chính trị nhằm thể hiện một cách sinh động nhất về cuộc đời, thân phận của mỗi cá nhân, về những cuộc đấu tranh ác liệt đằng sau những cánh cổng đóng kín, bên trong những bức tường và song sắt nhà tù. Tuy nhiên, công trình biên soạn được viết theo dạng ký ức, trong đó thời gian đã làm mai một trí nhớ, chỉ thông qua việc hồi tưởng qua các sự kiện rời rạc của từng cá nhân trong từng trại tù, nhà giam của địch, nên việc tái hiện toàn bộ các diễn biến một cách chặt chẽ, khoa học để giúp người đọc hình dung một cách hệ thống có phần hạn chế.

Khi biên soạn, biên tập, chúng tôi đã được những người trong cuộc là những nhân chứng lịch sử cưu tù chính trị Đồng Nai nhiệt tình cộng tác, bổ sung hoàn chỉnh nội dung bài viết. Chúng tôi xem đây là một công trình tâm huyết của tập thể những người cưu tù chính trị Đồng Nai từng bị giam giữ trong các nhà tù, trại giam của Mỹ-ngụy. Sự giúp đỡ quý báu của các nhân

Ký ức VÀNG LỬA

chứng cừu tù chính trị Đồng Nai đã giúp chúng tôi hoàn thành cuốn sách này.

Mặc dù có sự cố gắng của Ban biên soạn, biên tập, sự đóng góp của các nhân chứng là cừu tù chính trị Đồng Nai, nhưng chắc chắn công trình không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót, rất mong bạn đọc gần xa thông cảm.

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn sách Ký ức vàng lửa tập 1

**Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy -
Ban Liên lạc Chiến sĩ cách mạng
bị địch bắt tù đày tỉnh Đồng Nai**

Phần I:

**BAN LIÊN LẠC CHIẾN
SĨ CÁCH MẠNG BỊ
ĐỊCH BẮT TÙ ĐÀY
TỈNH ĐỒNG NAI
- 24 NĂM HOẠT ĐỘNG**

CỰU TÙ CHÍNH TRỊ ĐỒNG NAI GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG KIÊN TRUNG BẤT KHUẤT

Cuộc cách mạng giải phóng miền Nam thắng lợi, giành lại độc lập dân tộc, thống nhất đất nước với chiến thắng lịch sử ngày 30/4/1975, ngay sau đó quân dân cả nước đã bước vào công cuộc kiến thiết, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong số những cán bộ tham gia chính quyền, xây dựng đất nước trong thời kỳ non trẻ với vô vàn khó khăn ấy, có rất nhiều chiến sĩ cách mạng trở về từ các nhà tù của chế độ Mỹ-ngụy.

Tại Đồng Nai, những cán bộ, chiến sĩ từng bị địch bắt, tù đầy sau khi trở về cùng đồng đội, bất chấp tình trạng sức khỏe bị suy giảm nghiêm trọng sau những năm tháng trong lao tù khắc nghiệt, tàn bạo của đế quốc, vẫn bắt tay cùng xây dựng chính quyền mới. Có thể kể như các đồng chí: Nguyễn Tạo (nguyên Chủ tịch Ủy ban MTTQ tỉnh), Nguyễn Bạch Tuyết (nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai), Nguyễn Văn Thông (Hai Thông, nguyên Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy), Nguyễn Trọng Tâm (Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân), Trần Thị Hòa (nguyên Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh), Huỳnh Lang Anh (Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội), Nguyễn Thị Thanh (Năm Thanh, nguyên Phó Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo), Trần Thị Luận (Chánh Thanh tra tỉnh), Dương Thanh Tân (Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy), Nguyễn Hoàng Nam (Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy), Hồ Văn Giang (Bí thư Huyện ủy Xuân Lộc), Lâm Thị Nguyệt (Bí thư Huyện ủy Nhơn Trạch), Nguyễn Văn Ba (tự Bá, Trưởng ban Tài chính Quản trị Tỉnh ủy), Nguyễn Tiến Tánh (Chánh Văn phòng Tỉnh ủy)...

Những năm tháng đọa đày trong lao tù đế quốc đã ít nhiều gây ra những thương tổn về mặt thể chất, tinh thần của những cựu tù chính trị, nhưng tất cả đã vượt qua nỗi đau riêng, vượt qua khó khăn hòa cùng nhịp sống của dân tộc, quê hương. Không chỉ góp công sức vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, những cựu tù chính trị năm xưa còn luôn phát huy truyền thống kiên cường, là những tấm gương sáng cho thế hệ trẻ, cộng đồng và con cháu noi theo, gìn giữ nếp nhà.

Để phát huy truyền thống bất khuất ấy, đồng thời tạo điều kiện quan tâm, chăm sóc đến sức khỏe, tinh thần và vật chất của các cựu tù chính trị trên địa bàn, ngày 12/2/1989, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai đã có thông báo số 293/TB/TU chấp thuận thành lập tổ chức của cựu tù chính trị. Giai đoạn đầu, do nguyện vọng của các cựu tù chính trị tại nhà tù Côn Đảo muốn gìn giữ truyền thống bất khuất tại chốn “địa ngục trần gian” nổi tiếng khắp miền Nam trước năm 1975, nên tổ chức có tên gọi là Ban liên lạc tù chính trị Côn Đảo, quy tụ các cựu tù chính trị đã từng bị giam giữ tại Côn Đảo qua hai thời kỳ kháng chiến chống Pháp và Mỹ.

Trong hai ngày 18 và 19/9/1989, Hội nghị Cựu tù chính trị Côn Đảo đã diễn ra tại xã Long Hải, huyện Long Đất (lúc đó vẫn trực thuộc tỉnh Đồng Nai, hiện nay trực thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Hội nghị đã nhất trí bầu ra Ban Chấp hành gồm 14 ủy viên, trong đó có 5 thường trực, gồm các đồng chí: Nguyễn Tạo (Trưởng ban Liên lạc tù chính trị Côn Đảo), Trần Tấn Lộc (Phó trưởng ban), Nguyễn Tiến Tánh (Ủy viên Thường trực), Võ Hồng Thái (Ủy viên Thường trực), Nguyễn Thị Cẩm Y (Ủy viên Thường trực). Các đồng chí trong Ban Chấp hành hội đã phối hợp với Ban liên lạc tù chính trị Côn Đảo Trung ương tổ chức sưu tầm, ghi chép, nghiên cứu thông qua các nhân chứng lịch sử là chính các cựu tù chính trị góp phần thực hiện các tư liệu về tội ác chính quyền Mỹ-ngụy, truyền thống kiên cường bất khuất của các chiến sĩ cách mạng tại nhà tù Côn Đảo nhằm giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ.

Tuy nhiên, thể theo nguyện vọng của các cựu tù chính

Kỷ ức **VÀNG LỬA**

trị đã trải qua các nhà lao khác trên khắp miền Nam trước năm 1975, hiện đang sinh sống, làm việc tại Đồng Nai, tổ chức của Hội Cự tù chính trị Côn Đảo cần được mở rộng về đối tượng, nên ngày 28/5/1997 UBND tỉnh Đồng Nai đã có Quyết định số 1467-QĐ/UBT đổi tên Ban Liên lạc tù chính trị Côn Đảo thành Ban Liên lạc tù chính trị tỉnh Đồng Nai. Tại hội nghị diễn ra trong ngày 28/5/1997, các hội viên đã nhất trí bầu ra Ban Chấp hành gồm 19 đồng chí. Trưởng ban Liên lạc cự tù chính trị tỉnh là đồng chí Nguyễn Văn Thông (cự tù chính trị tại nhà lao Tân Hiệp), Phó ban Liên lạc là đồng chí Lâm Văn Tuấn (cự tù chính trị tại nhà tù Côn Đảo) và đồng chí Trần Văn Mật (cự tù chính trị tại nhà tù Côn Đảo) là Ủy viên Thường trực, 16 ủy viên còn lại phụ trách các huyện.

Trong quá trình hoạt động, vì lý do tuổi tác, sức khỏe không đảm bảo, Ban Liên lạc nhiều lần thay đổi, bổ sung các ủy viên, trong đó bổ sung các đồng chí: Trần Thị Hòa, Trần Thị Luận, Huỳnh Lang Anh, Nguyễn Trọng Tâm, Đinh Thị Kim Thoa, Nguyễn Minh Hoàng.

Ngày 24/12/2005, UBND tỉnh có Quyết định số 174-QĐ/UBT công nhận Ban liên lạc tù chính trị tỉnh có năm đồng chí nằm trong thường trực hội. Đồng chí Trần Thị Hòa (cự tù chính trị Côn Đảo) làm Trưởng ban liên lạc, đồng chí Nguyễn Minh Hoàng (cự tù binh Phú Quốc) làm Phó trưởng ban, và 3 đồng chí ủy viên thường trực gồm: Lâm Văn Tuấn, Trần Văn Mật, Huỳnh Lang Anh. Ngoài ra, còn 12 ủy viên phụ trách 9 huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Tổng Công ty Cao su Đồng Nai.

Năm 2012, Hội cự tù chính trị tỉnh đã tổ chức Đại hội đại biểu cự tù chính trị tỉnh lần thứ I (nhiệm kỳ 2012-2017). Đồng chí Trần Thị Hòa đã được tín nhiệm bầu giữ nhiệm vụ Trưởng ban liên lạc. Ngoài ra, còn có 4 ủy viên thường trực, 17 ủy viên phụ trách các địa phương và Tổng Công ty Cao su Đồng Nai.

Sau quá trình kiện toàn tổ chức, ở các cấp huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Tổng Công ty Cao su Đồng

Nai đều đã hình thành được các ban liên lạc, mỗi đơn vị có từ 3-7 ủy viên tùy theo quy mô, số lượng hội viên. Cấp xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp cơ sở) cũng hình thành được cụm, tổ với 94 tổ và 7 cụm liên lạc liên xã (do hội viên ít nên phải tổ chức ghép).

Hiện nay, hội viên cựu tù chính trị tỉnh có 1.128 người. Trong đó, có 289 đảng viên (chiếm tỷ lệ 25,6%). Các hội viên ở Đồng Nai đã trải qua tất cả các nhà tù ở miền Nam trước năm 1975, gồm: 168 hội viên là cựu tù chính trị Côn Đảo (chiếm tỷ lệ 15%), 155 hội viên là cựu tù binh Phú Quốc (chiếm tỷ lệ 13,8%), còn lại từng bị giam giữ tại các nhà tù: Tân Hiệp, Thủ Đức, Chí Hòa, Hố Nai, Phú Tài, Phú Lợi, khám đường Biên Hòa, khám đường Long Khánh... Nhiều người trong số đó đã chuyển qua gần hết các nhà tù lớn ở miền Nam thời ấy, như Trần Thị Hòa, Lưu Thị Na, Văn Thị Chích (trừ trại giam Phú Quốc là nơi giam giữ tù binh)... Người có thời gian bị địch giam cầm lâu nhất là ông Lâm Văn Tuấn (16 năm, từ năm 1958 đến 1974), kể đến là ông Ngô Bá Cao (nguyên Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa, bị giam giữ 15 năm, từ năm 1959 đến 1974). Về nữ, người bị giam giữ lâu nhất là bà Nguyễn Thị Thoại (15 năm, từ 1960 đến 1975), kể đến là bà Lưu Thị Na (14 năm).

Đặc biệt, trong số các cựu tù chính trị ở Đồng Nai, có hai người được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, đó là các đồng chí Nguyễn Trọng Tâm (ngụ tại phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, là người lãnh đạo tổ chức nổi dậy phá khám Tân Hiệp năm 1956) và Phan Trọng Bình (tức Vũ Văn Mậu, ngụ tại xã An Phước, huyện Long Thành, cũng là một trong 5 ngôi sao sáng Côn Đảo còn sống sót). Ngoài ra, còn 5 hội viên khác được phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Về độ tuổi, hội viên cao tuổi nhất vừa mới qua đời là ông Nguyễn Văn Liễu (sinh năm 1911, ngụ tại phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa). Hai người cao tuổi nhất còn lại hiện nay đều là nữ cựu tù chính trị, gồm: Nguyễn Thị Tính (sinh năm 1915, ngụ tại thị xã Long Khánh) và Lê Thị Bảy (sinh năm 1915,

ngụ tại xã Phước Thái, huyện Long Thành. Về nam cựu tù chính trị, người cao tuổi nhất hiện nay là ông Nguyễn Văn Bốn (sinh năm 1916, ngụ tại phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa). Một số hội viên cao tuổi khác có thể kể, như: Đặng Văn Hoàng (sinh năm 1918, ngụ tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu), Phạm Thị Mười (sinh năm 1919, ngụ tại phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa), Bùi Ngọc Lương (sinh năm 1921, ngụ tại huyện Long Thành), Nguyễn Bạch Tuyết (sinh năm 1925, ngụ tại phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa)...

Người ít tuổi nhất trong số các cựu tù chính trị, năm nay cũng đã 55 tuổi, đó là ông Trần Văn Sam (sinh năm 1958, ngụ tại xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh). Ông Sam bị địch bắt năm 1973, lúc mới 15 tuổi. Các hội viên cựu tù chính trị vẫn thường nói đùa về trường hợp ông Sam: “Còn con nít cũng bày đặt ở tù”. Trường hợp ông Sam là một minh chứng cho sự vi phạm nhân quyền của chế độ Mỹ-ngụy, bắt và giam giữ cả thiếu niên. Ngoài ông Sam, còn bốn trường hợp khác cũng bị địch bắt và giam cầm khi ở tuổi vị thành niên, đó là các ông: Lê Hoàng Lãm (sinh năm 1956, ngụ tại xã An Phước, huyện Long Thành), Nguyễn Thanh Sơn (sinh năm 1956, ngụ tại xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh), Phan Thanh Hoàng (sinh năm 1956, là tù binh trại giam Phú Quốc, ngụ tại thị xã Long Khánh) và bà Lê Thị Khánh (sinh năm 1956, ngụ tại xã Bảo Vinh, thị xã Long Khánh).

Phần lớn các hội viên cựu tù chính trị hiện nay nằm ở độ tuổi 75 (chiếm tỷ lệ khoảng 36%).

Về kinh tế, theo thống kê của Ban liên lạc cựu tù chính trị tỉnh, hội viên có đời sống kinh tế khá giả chỉ khoảng 2%, phần lớn có mức sống trung bình, trung bình khá, nhưng có 13% hội viên đời sống còn khó khăn, nằm trong diện hộ cận nghèo. Nguyên nhân là do nhiều hội viên cựu tù chính trị bị ảnh hưởng bởi thời gian bị tra tấn trong tù nên sức khỏe kém, thường xuyên đau ốm, bệnh tật, một số nhiều năm đau nặng chỉ có thể nằm một chỗ. Một số hội viên khác thì không lập gia đình, sống dựa vào người thân, cuộc sống khó khăn chật vật. Vẫn còn có trường hợp

hội viên đến nay vẫn chưa có nổi mái nhà riêng cho mình, phải sống cảnh phòng thuê, nhà trọ.

Tuy nhiên, dù hoàn cảnh riêng tư có khác nhau, nhưng những năm qua các cựu tù chính trị trong tỉnh luôn giữ truyền thống kiên trung, bất khuất. Tất cả đều nhận thức rằng những thành quả có được ngày hôm nay chính là nhờ sự hy sinh xương máu, tính mạng của lớp lớp người đi trước. Vì vậy, các hội viên luôn nhắc nhở nhau giữ gìn và không ngừng phát huy truyền thống yêu nước, phát huy truyền thống của những chiến sĩ cách mạng dù trong tam tối ngục tù vẫn rạng ngời phẩm chất người Cộng sản.

Từ ngày thành lập tổ chức hội, Ban liên lạc cựu tù chính trị tỉnh đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực để giữ gìn và phát huy truyền thống, nâng cao hiệu quả giáo dục đến thế hệ trẻ. Một trong những hoạt động đã trở thành thường xuyên, đó là họp mặt cựu tù chính trị nhân dịp kỷ niệm ngày nổi dậy và phá khám Tân Hiệp 2/12 hàng năm. Ngày nổi dậy phá khám Tân Hiệp cũng trở thành ngày truyền thống của cựu tù chính trị ở Đồng Nai. Hàng năm vào ngày này, các cựu tù chính trị từng bị giam cầm tại nhà lao Tân Hiệp, trong đó có những nhân chứng lịch sử trực tiếp tham gia cuộc phá khám năm xưa như ông Nguyễn Văn Thông (Đồng Nai), bà Nguyễn Thị Liên (Thành phố Hồ Chí Minh) lại họp mặt về chốn cũ để thắp hương tưởng nhớ các chiến sĩ cách mạng đã hy sinh tại nhà lao Tân Hiệp (trong số các chiến sĩ cách mạng hy sinh tại nhà lao Tân Hiệp, có 22 người đã hy sinh trong vụ phá khám Tân Hiệp, một trong số đó là nhà báo Dương Tử Giang), đồng thời ôn lại truyền thống hào hùng, giao lưu kết nối tình đồng đội thêm đậm đà, gắn bó.

Một ngày kỷ niệm mang tính truyền thống khác của cựu tù chính trị Đồng Nai, đó là ngày 3/6 - ngày hy sinh của tập thể 18 nữ tù chính trị tại nhà lao Tân Hiệp. Vào ngày này năm 1974, một trái đạn pháo của địch đã rơi trúng phòng của các nữ tù chính trị khiến 18 người hy sinh, thi thể nát tan chẳng được vẹn toàn. Đối với nhiều cựu tù chính trị bị giam giữ tại nhà lao Tân Hiệp thời điểm ấy như bà Huỳnh Lang Anh, đây là những ký ức không thể nào quên.

Ngoài ra, Ban liên lạc cựu tù chính trị tỉnh cũng tổ chức các hoạt động giao lưu họp mặt nhân các lễ lớn, như Ngày quốc tế phụ nữ 8/3, Ngày thành lập Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam 20/10, ngày ký kết Hiệp định Paris 7/1, tham dự các cuộc họp mặt cựu tù chính trị Côn Đảo, cựu tù binh Phú Quốc. Các ngày hoạt động lớn, kỷ niệm, truyền thống của cả nước và các địa phương, Ban liên lạc tỉnh cũng đều cử đoàn tham dự, như: Đại hội cựu tù yêu nước toàn quốc, Hội người tù kháng chiến, Gặp gỡ giao lưu cựu tù binh Phú Quốc, tù binh phân khu B8, tù chính trị Côn Đảo, nữ tù binh Phú Tài (Bình Định); Ngày Phú Lợi cảm thù (1/12/1958), là ngày dịch tổ chức đầu độc hàng ngàn tù nhân tại nhà tù Phú Lợi - Bình Dương. Vụ việc đã khiến dư luận trong nước và quốc tế rất phẫn nộ)...

Đối với các huyện, tổ chức hoạt động truyền thống thường được lồng ghép với các hoạt động giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ. Nhiều cuộc giao lưu, nói chuyện với thanh niên và gần 30 thầy cô giáo, 30.000 lượt học sinh, sinh viên, đoàn viên thanh niên đã được tổ chức tại các trường học nhằm hướng đến mục tiêu khơi gợi lòng yêu nước, bảo vệ Tổ quốc, tiếp nối truyền thống cách mạng trong lớp trẻ.

Một trong các hoạt động giữ gìn và phát huy truyền thống được các hội viên đồng tình hưởng ứng, đó là tham quan về nguồn. Ban liên lạc tù chính trị tỉnh, huyện, thị xã, thành phố và Tổng Công ty Cao su Đồng Nai đã tổ chức nhiều đợt tham quan về nguồn cho hội viên tại Thủ đô Hà Nội, viếng lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, thăm khu di tích Pác Bó, An toàn khu, thăm di tích mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, di tích Bác Tôn Đức Thắng, di tích Trung ương Cục miền Nam, Chiến khu Đ... Đặc biệt, thể theo nguyện vọng của các hội viên, nhiều chuyến trở về thăm lại chiến trường xưa Côn Đảo, Phú Quốc đã được tổ chức trong sự xúc động của các cựu tù chính trị.

Hoạt động trọng tâm khác được Ban liên lạc cựu tù chính trị tỉnh xác định, đó là tham mưu các chính sách giải quyết chế độ, đảm bảo quyền lợi, chăm sóc đời sống cho hội viên về vật

chất lẫn tinh thần. Giai đoạn đầu, các thủ tục giải quyết chế độ, chính sách dành cho đối tượng là các chiến sĩ bị địch bắt, tù đầy còn nhiều khô, rắc rối, Ban liên lạc tù chính trị các cấp đã tích cực phối hợp với ngành Lao động – Thương binh và Xã hội hoàn tất các hồ sơ đủ điều kiện, “gỡ rối” cho các hồ sơ còn thiếu điều kiện, nhất là hồ sơ từ các địa phương khác chuyển về, nhằm đảm bảo quyền lợi cho các hội viên. Hội cũng tiếp nhận hồ sơ, xét duyệt và đề nghị các cấp có thẩm quyền trao tặng kỷ niệm chương cho các hội viên đủ điều kiện nhằm động viên tinh thần, ghi nhận công lao đóng góp của cựu tù chính trị trên địa bàn. Đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định trao tặng tổng cộng 1.548 kỷ niệm chương cho các cựu tù chính trị tại Đồng Nai (kể cả số đã mất hoặc chuyển đi). Hiện, 85 hồ sơ hội viên đủ điều kiện khác cũng đang chờ Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xét duyệt trao tặng kỷ niệm chương.

Đầu năm 2011, Ban liên lạc tù chính trị tỉnh đã phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tiến hành khảo sát về đời sống của đối tượng là người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt và tù đầy trong tỉnh. Kết quả khảo sát cho thấy, đời sống của nhiều hội viên còn rất khó khăn, đa số bị bệnh tật, đau yếu do hậu quả những năm tháng bị tra cực hình, tra tấn trong lao tù, sức khỏe suy giảm nên sự hòa nhập vào lao động, sản xuất trong cộng đồng cũng thua kém. Theo quy định, các đối tượng là tù chính trị ngoài chế độ trợ cấp tù đầy (nhận một lần) không còn được hưởng khoản trợ cấp nào khác, nên càng khó khăn. Trước thực tế đó, UBND tỉnh đã có Quyết định số 60-QĐ/UBT ngày 4/10/2011, đồng ý chi trợ cấp hàng tháng (bằng 50% mức lương tối thiểu) cho 391 đối tượng là người bị địch bắt, tù đầy. Ngoài ra, UBND tỉnh cũng có Quyết định 2464 - QĐ/UBND ngày 28/9/2011, công nhận Ban liên lạc cựu tù chính trị là 1/13 Hội có tính chất đặc thù.

Đặc biệt, việc chăm sóc, hỗ trợ lẫn nhau về vật chất lẫn tinh thần giữa các hội viên cựu tù chính trị với nhau luôn khiến mọi người phải cảm động trước tình cảm thương yêu, gắn bó,

chia sẻ với nhau của những người đã từng đồng cam cộng khổ trong chốn ngục tù. Các hội viên cùng khu vực, địa phương giữ mối liên hệ với nhau rất mật thiết, mỗi khi có ai đau bệnh, hoặc gặp hoàn cảnh khó khăn, các hội viên khác đều thông tin cho nhau để đến thăm nom, giúp đỡ. Trong trường hợp khó khăn quá, sẽ báo về Ban liên lạc tỉnh để tìm biện pháp giải quyết. “Chúng tôi không bao giờ quên tình cảm đùm bọc, sẻ chia giữa các bạn tù với nhau. Hồi ở trong tù, khó khăn thiếu thốn biết bao nhiêu mà anh em tù chúng tôi còn chia nhau từng cọng rau, viên thuốc được, huống gì bây giờ đã sướng hơn gấp trăm lần hồi đó”, cựu tù chính trị Lâm Văn Tuấn đã bày tỏ như thế khi đến thăm các hội viên hoàn cảnh khó khăn. Nhiều lần, các cựu tù chính trị móc tiền túi giúp đỡ lẫn nhau, phải tìm cách nói khéo “Cái này là tù giúp tù nha”, thì các anh chị em được hỗ trợ mới yên lòng nhận. “Sống trong tù kiên trung bất khuất, sống ngoài đời tình nghĩa thủy chung”, đó là câu nói thường được các hội viên tù chính trị nhắc đi nhắc lại với nhau như một phương châm sống bất di bất dịch, không thay đổi dù cuộc sống trải nhiều biến đổi.

Theo thống kê của Ban liên lạc cựu tù chính trị tỉnh, chỉ tính riêng trong 5 năm 2008 - 2012, các cấp hội đã tổ chức thăm bệnh cho 384 lượt hội viên với tổng số tiền trên 52 triệu đồng (trích từ quỹ hội, chưa tính hỗ trợ cá nhân). Đặc biệt, Ban liên lạc tù chính trị Trung ương đã thành lập Quỹ học bổng Lưu Chí Hiếu – một trong năm ngôi sao sáng Côn Đảo, đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Năm ngôi sao sáng Côn Đảo là danh hiệu mà lực lượng tù chính trị Côn Đảo đã vinh danh năm chiến sĩ cách mạng kiên cường đấu tranh chống chào cờ suốt từ năm 1957 đến năm 1964, bọn địch dù giờ tắt cả các ngón đòn tra tấn dã man nhưng vẫn không khuất phục được, gồm các đồng chí: Lưu Chí Hiếu, Nguyễn Đức Thuận, Phan Trọng Bình, Nguyễn Minh, Phạm Quốc Sắc và Lê Văn Một. Quỹ học bổng do các hội viên cựu tù chính trị trong cả nước đóng góp, vận động, được phân bổ lại cho các địa phương nhằm hỗ trợ các cháu trong gia đình hội viên cựu tù chính trị có hoàn cảnh khó khăn nhưng vẫn vươn lên học giỏi, sống tốt. Tại

Đồng Nai, đã có 126 lượt học sinh được nhận học bổng Lưu Chí Hiếu, đó cũng là nguồn động viên tinh thần lớn lao đối với các cháu học sinh trong gia đình các hội viên.

Hàng năm, Ban liên lạc các cấp đều tham mưu cho UBND địa phương, tạo mọi điều kiện tổ chức thăm hỏi, tặng quà các hội viên trong dịp Tết Nguyên đán. Từ năm 2008 đến nay, UBND tỉnh đã hỗ trợ 1.573 suất quà trị giá hơn 270 triệu đồng để thăm hỏi, tặng quà cho các cựu tù chính trị cao tuổi. UBND các huyện, thị xã, thành phố và Tổng Công ty Cao su Đồng Nai cũng hỗ trợ 795 suất với tổng trị giá 204 triệu đồng. Đó là chưa tính hoạt động tại các tổ liên lạc xã, phường. Những phần quà không nằm ở ý nghĩa vật chất, mà đó là tấm lòng của chính quyền địa phương, Ban liên lạc tù chính trị các cấp, mang ý nghĩa tinh thần rất lớn, góp phần ấm lòng hội viên trong những ngày xuân về, tết đến. 191 hội viên trong toàn tỉnh khi qua đời cũng được Ban liên lạc các cấp chăm lo hậu sự chu đáo.

Với các hội viên còn sức lao động nhưng có hoàn cảnh khó khăn, Ban liên lạc các cấp tìm cách trợ giúp từ nguồn quỹ của Ban, hoặc bảo lãnh vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội. Đã có 84 triệu đồng cho các hội viên vay không tính lãi để làm kinh tế phụ, góp phần tăng thu nhập gia đình. Thậm chí, nhiều hội viên đã xuất tiền cá nhân, hoặc thế chấp tài sản vay tiền hỗ trợ đồng đội với tổng số tiền lên đến gần 500 triệu đồng. Trong 5 năm (2008-2012), số tiền dành cho các hoạt động nghĩa tình lên đến 650 triệu đồng.

Không chỉ thế, Ban liên lạc các cấp, nhất là cấp tỉnh còn tích cực vận động các ngành, địa phương, công ty, xí nghiệp và các mạnh thường quân hỗ trợ nhà ở cho các hội viên nghèo, khó khăn. Tổng cộng, đã có 40 căn nhà tình nghĩa, tình thương đã được xây dựng hỗ trợ cho hội viên, 44 căn nhà hư hỏng, mục nát cũng được sửa chữa giúp hội viên có được mái nhà êm ấm. Tổng số tiền dành cho hoạt động này trong 5 năm vừa qua gần 1,2 tỷ đồng. Các hội viên cũng tích cực đóng góp quỹ để giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Hiện, quỹ của Ban liên lạc tỉnh đã có được gần

Ký ức **VÀNG LỬA**

400 triệu đồng từ nguồn đóng góp của hội viên, cộng thêm nguồn hỗ trợ của UBND tỉnh, Tổng Công ty Cao su, quỹ này đã đạt đến con số gần 600 triệu đồng. Ngoài ra, Ban liên lạc các địa phương cũng xây dựng được nguồn quỹ cho các hoạt động của hội, địa phương đạt cao nhất khoảng 100 triệu đồng, địa phương có nhiều hội viên khó khăn gây quỹ thấp nhất cũng được 20 triệu đồng. Các tổ liên lạc cũng lập được quỹ để hỗ trợ nhau lúc khó khăn, từ 1,5-9 triệu đồng.

Không chỉ quan tâm chăm lo trong hội, Ban liên lạc các cấp và các hội viên luôn ý thức cao về trách nhiệm đối với xã hội, giữ gìn truyền thống người chiến sĩ cách mạng bất khuất, trung kiên trong chốn lao tù của địch, là tấm gương mẫu mực trong cộng đồng. Hầu hết các hội viên đều tích cực hưởng ứng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, gắn với cuộc vận động “Ông bà mẫu mực, con cháu thảo hiền” và các phong trào khác ở địa phương. Trên 97% gia đình các hội viên đạt danh hiệu gia đình văn hóa. Dù đời sống còn khó khăn, nhưng các hội viên luôn đồng cảm, sẻ chia cùng cộng đồng, quan tâm giúp đỡ những người có hoàn cảnh không may, bất hạnh qua các hoạt động từ thiện xã hội. Đóng góp cho Quỹ Vì người nghèo, các quỹ khuyến học, khuyến tài, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt, người lang thang cơ nhỡ... Năm năm qua tổng số tiền hoạt động từ thiện nhân đạo do các hội viên đóng góp lên đến gần 256 triệu đồng – một con số rất ý nghĩa so với đời sống, hoàn cảnh của các cựu tù chính trị.

Ngoài tham gia hội chính trị đặc thù, toàn tỉnh còn có 150 hội viên còn tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể như: Mặt trận Tổ quốc, cựu chiến binh, phụ nữ, nông dân, hội làm vườn, người cao tuổi, tổ hòa giải, tổ an ninh nhân dân... đóng góp nhân lực, vật lực vào phong trào chung của địa phương nơi cư trú.

Dịp tổ chức Đại hội đại biểu cựu tù chính trị tỉnh lần thứ I (nhiệm kỳ 2012-2017) vừa qua, Ban liên lạc tỉnh cũng xây dựng được tập kỷ yếu, tập hợp hình ảnh, thông tin về toàn thể hội viên cựu tù chính trị trong toàn tỉnh. Đây là một trong những tư liệu

quý về truyền thống đấu tranh của các cựu tù chính trị, là hình thức giáo dục sinh động cho thế hệ trẻ hôm nay và mai sau mãi mãi không quên những tấm gương kiên trung bất khuất của thế hệ đi trước trong công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, những tinh thần dũng cảm, nghị lực phi thường không khuất phục trước bạo lực cường quyền. Từ đó, là lời động viên khích lệ thế hệ sau học tập, noi gương luôn vững vàng trong cuộc sống trong mọi hoàn cảnh.

Bà Trần Thị Hòa, Trưởng ban liên lạc tù chính trị tỉnh nhận xét, 24 năm qua kể từ khi Ban liên lạc tù chính trị ra đời, dù đời sống xã hội còn nhiều khó khăn, nhưng hoạt động của Ban liên lạc từng bước có sự chuyển biến tích cực và rõ nét. Có được thành quả ấy, là nhờ sự quan tâm sâu sắc của lãnh đạo tỉnh – nhân tố quyết định cho sự ra đời, tồn tại và phát triển của tổ chức tù chính trị. Bên cạnh đó, còn nhờ ý chí, tinh thần trách nhiệm của các lãnh đạo Ban liên lạc qua các thời kỳ và toàn thể hội viên. Trong một thời gian dài dù không có chế độ đãi ngộ nào, nhưng với tâm huyết, nhiệt tình và tinh thần trách nhiệm với đồng đội, Ban liên lạc đã thực sự trở thành ngôi nhà chung cho toàn thể anh chị em hội viên. Điều khiến bà Trần Thị Hòa và lãnh đạo Ban liên lạc cùng một số hội viên vẫn còn băn khoăn ray rứt, đó là toàn tỉnh vẫn còn tồn tại 140 trường hợp là những người thật sự có bị địch bắt, giam cầm, nhưng do một số vướng mắc trong hồ sơ, thủ tục theo quy định nên chưa thể giải quyết được chế độ dành cho cựu tù chính trị, tạo sự mặc cảm trong số đối tượng này.

Trong thời gian tới, Ban liên lạc tù chính trị tỉnh sẽ tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động các cấp, tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong nội bộ hội viên, phát huy truyền thống kiên trung bất khuất trong lao tù năm xưa, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, gương mẫu thủy chung trong cuộc sống.

Trong các nhiệm vụ cụ thể của nhiệm kỳ 2012-2017, Ban liên lạc tù chính trị tỉnh đặt ra chỉ tiêu đảm bảo từ 90% hội viên trở lên được học tập nghị quyết, chủ trương của Đảng và Nhà

Ký ức **VÀNG LỬA**

nước để không lạc hậu tình hình, đảm bảo tỷ lệ 90% trở lên tham gia sinh hoạt chính trị tại địa phương; đẩy mạnh Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” theo Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị.

Ban liên lạc tù chính trị các cấp cũng tăng cường công tác giao lưu với thế hệ trẻ, đoàn viên thanh niên, học sinh, sinh viên, qua những câu chuyện “người thật, việc thật” trong lịch sử đấu tranh chốn ngục tù để giáo dục thế hệ trẻ nhiệt huyết yêu nước, lòng căm thù giặc sâu sắc. Các cấp Ban liên lạc sẽ ký kết thỏa thuận cùng Đoàn Thanh niên các cấp phối hợp tổ chức các cuộc họp mặt, giao lưu truyền thống ít nhất 2 lần/năm tại các địa phương.

Để thống nhất tên gọi trong toàn quốc, ngày 25/4/2013, UBND tỉnh Đồng Nai đã ra quyết định số 1239/QĐ-UBND về việc đổi tên Ban liên lạc tù chính trị tỉnh Đồng Nai thành Ban liên lạc chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đày tỉnh Đồng Nai.

Trong thời gian tới Ban liên lạc chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đày tỉnh cũng sẽ tiếp tục tạo điều kiện, tổ chức cho anh chị em hội viên tham gia các hoạt động về nguồn, thăm lại chiến trường xưa, tham quan các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, du lịch nghỉ dưỡng, qua đó củng cố và niềm tin của hội viên đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó, Ban liên lạc cũng sẽ tiếp tục chăm lo hỗ trợ đời sống của các hội viên khó khăn, như xây dựng, sửa chữa nhà ở, cho vay vốn tương trợ, chăm sóc vật chất và tinh thần cho hội viên. Đặc biệt, Ban liên lạc sẽ vận động hình thành câu lạc bộ “Tiếp nối truyền thống” trong con, cháu các cựu chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đày nhằm động viên thế hệ trẻ luôn giữ gìn và hát huy truyền thống gia đình, truyền thống yêu nước, đoàn kết và động viên giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Thanh Thúy

Phần II

NHỮNG GƯƠNG CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG BỊ ĐỊCH BẮT TÙ ĐÀY TỈNH ĐỒNG NAI

HUỖNH LANG ANH:

TỰ SỰ CỦA NGƯỜI CHIẾN SỸ CÁCH MẠNG BA LẦN BỊ ĐỊCH BẮT TÙ ĐÀỖ

TUỔI THƠ VÙNG KHÁNG CHIẾN

Tôi tên là Huỳnh Lang Anh, tên ở nhà (tên cúng cơm) là Ba Nhỏ, tên trong tù: Nguyễn Thị Liên, Út Liên. Sinh năm 1942 tại xóm Trảng Dầu, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Khi vào chiến khu gọi bí danh là Ba Anh.

Ba tôi là giáo viên trường làng, nhưng vẫn số, qua đời lúc tôi mới 13 tuổi, Người mẹ trẻ phải tảo tần trồng hoa màu, gánh vác mọi việc trong gia đình nuôi tôi và 3 đứa em nhỏ. Nhà đơn chiếc, tuổi thơ của tôi ít có dịp rong chơi như các bạn cùng lứa trong làng mà dành cho việc phụ giúp mẹ lo việc nhà, chăm sóc em và đi học. Thỉnh thoảng mới ra đồng chơi cùng các bạn chăn trâu.

Ở trường thường nghe thầy kể chuyện lịch sử, sau đó thầy cho tôi cuốn sách *Vượt Côn Đảo*, đọc đi đọc lại nên thấm dần tinh thần yêu nước, bất khuất của dân tộc ta.

Năm 1956, ở nhà, lâu lâu có các chú đến, mẹ tôi đưa vào trong buồng. Nhà mái lợp tranh, vách gỗ nhưng có ngăn buồng, làm gì tôi không được biết nên sinh nghi mẹ tôi chứa bài; nhiều lần như vậy, tôi biết các chú là cán bộ cách mạng, như chú Ba Đắc, Ba Oanh, Bảy Hải; biết chung chung vậy thôi chứ không biết làm đến chức vụ gì. Tình cảm cách mạng này sinh từ đó.

Năm 1957, các chú thấy tôi tuy “nhỏ con” nhưng tháo vát, nhanh nhẹn nên cho tham gia làm giao liên ở địa phương; vài lần giao liên “trót lọt” được các chú tin tưởng. Năm 1958, được bố trí

đi học lớp “vỡ lòng” cách mạng. Năm 1959 tôi được chỉ định làm Phó Bí thư Đoàn Thanh niên xã, Bí thư đoàn 4 ấp. Chủ yếu hoạt động mật, nhiệm vụ xây dựng lực lượng cốt cán trong thanh niên. Quá trình tuyên truyền, giáo dục, tôi kết nạp được 17 đoàn viên và xây dựng phong trào đấu tranh chính trị trong chị em phụ nữ.

Năm 1960, tại huyện Trảng Bàng, địch đặt hệ thống cai trị ở xã, ấp dày đặc và củng cố các đồn bót. Chúng càn quét bắt lính cũng như rình mò theo dõi những gia đình có quan hệ với Cách mạng để bắt bớ và đàn áp. Phong trào cách mạng quần chúng ở đây bị đàn áp mạnh nhất là từ khi Luật 10/59 ra đời, nhà cách mạng Hoàng Lê Kha, Phó Bí thư Tỉnh ủy Tây Ninh bị chúng đưa lên máy chém.

Tuy vậy, đã đến lúc lòng dân sôi sục căm phẫn. Lúc này Huyện ủy Trảng Bàng phát động cuộc đấu tranh trực diện với yêu sách chống bắt lính, chống đàn áp, bắt người vô cớ. Huyện ủy Trảng Bàng đã hình thành Ban Chỉ đạo đấu tranh trực tiếp và Ban Chỉ đạo đấu tranh gián tiếp. Cuộc đấu tranh này do đồng chí Bảy Thiệu, Bí thư Huyện ủy Trảng Bàng làm Trưởng ban chỉ đạo chung.

Cuộc đấu tranh diễn ra với quy mô gần 10 ngàn người, dằng co ác liệt. Tuy bị địch chia cắt nhưng lực lượng nào đã vào được Quận thì đề nghị Quận trưởng phải giải quyết yêu sách chính đáng cho nhân dân. Vào một ngày trong tháng 11/1960, cuộc đấu tranh kéo dài từ 8 giờ 30 cho đến 12 giờ 30. Tôi và chị Tư Nguyệt bàn xin ý kiến cấp trên phải kết thúc cuộc đấu tranh này. Khi ra về, Quận trưởng ra lệnh bắt tôi và chị Tư Nguyệt. Sau một tháng giam chúng tôi tại Quận để điều tra và khai thác không tìm ra được gì, chị Tư Nguyệt được chúng thả về, còn tôi bị giải về Khám đường Tây Ninh.

Trong tù, tôi là thành viên trẻ tuổi, lấy cớ thấy đông người nên đến bán hàng dạo (vì lúc đó tôi có mang hàng theo), không biết gì để khai báo. Chi bộ trong nhà giam quan tâm và phân công cho tôi làm liên lạc viên với các phòng giam khác. Tôi bí mật tuyên truyền về phong trào nổi dậy ở Bến Tre và các tỉnh miền

Đông Đồng khởi. Lúc này tôi đã là đối tượng kết nạp Đảng, Chi bộ thấy tôi hoạt động tích cực nên tiếp tục bồi dưỡng và ngày 02/02/1960, Chi bộ Khám đường bí mật tổ chức kết nạp Đảng ngay trong nhà tù và chị Năm Hiệt¹ là Bí thư giới thiệu tôi về địa phương xã An Tịnh. Định giam giữ nhưng không tìm được chứng cứ nên 3 tháng sau phải thả tôi ra. Cuộc đấu tranh này, Hội Phụ nữ Trảng Bàng được báo cáo điển hình tại Hội nghị Phụ nữ khu Miền Đông.

ĐI THEO CON ĐƯỜNG ĐÃ CHỌN

Tôi về địa phương nhưng bị địch xếp vào diện tình nghi “cộng sản nằm vùng²” và thường xuyên theo dõi. Biết không thể hoạt động hợp pháp ở địa phương vì có thể bị địch bắt bất cứ lúc nào; nên tôi thoát ly³ luôn, về huyện Trảng Bàng, được phân công phụ trách công tác phụ nữ, làm ủy viên thư ký (từ năm 1962). Cuối năm 1963, tôi được đưa đi đào tạo nguồn 90 ngày ở trường Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam. Năm 1964 lại được bố trí học tại Chiến khu Đ cùng với chị Thiên Hương. Đến Chiến khu Đ, còn “chân ướt chân ráo” thì gặp cô Sáu Tuyết (Nguyễn Bạch Tuyết). Tôi báo cáo tình hình đấu tranh chính trị ở địa phương, cô Sáu lắng nghe và sau đó bồi dưỡng thêm những nét cơ bản về công tác phụ nữ. Ở đây vừa học vừa tham gia xây dựng cơ sở vật chất của trường. Các cô, chú phân công mỗi người mỗi việc tùy sức; chặt cây, hái lá trung quân lợi nhà v.v.. tuy có gian khổ nhưng tình cảm chị em càng gắn bó nhau hơn.

Sau 6 tháng, kết thúc khóa học; nhờ học giỏi nên trường giữ lại cùng một chị nữa, bố trí làm trợ lý công tác thanh niên của Hội đồng cung cấp khu, do đồng chí Sáu Trung làm trường, đồng chí Mười Niên làm phó. Công tác ở chiến khu, địa bàn hoạt động rộng hơn. Cuối năm 1964, Thường vụ Trung ương Cục, Quân ủy

¹Đồng chí Năm Hiệt sau này được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

²Cụm từ địch dùng để chỉ những người theo cộng sản nhưng trà trộn trong nhân dân, hoạt động ở vùng địch tạm chiếm.

³Đi ra vùng căn cứ tham gia cách mạng.

và Bộ Chỉ huy Miền quyết định mở chiến dịch Bình Giã ở Bà Rịa từ cuối năm 1964 đến tháng 1 năm 1965. Thường vụ Tỉnh ủy Biên Hòa quyết định thành lập Hội đồng cung cấp tỉnh.

Ngay sau khi thành lập, Hội đồng cung cấp tỉnh đã kết hợp chặt chẽ với các đoàn thể cách mạng tập trung xây dựng các cửa khẩu Bình Sơn, Phước Thái, Long Phước, Long An. Tôi được bố trí trong đoàn đi Bà Rịa cùng với chú Tư Nghiệp (còn gọi là Tư Hoàng Sào), anh Mười Lý Tường (tức anh Mười Đức, nguyên là Bí thư Huyện ủy huyện Thống Nhất) và chị Mười Hiếu (nguyên Chủ tịch Hội LHPN Biên Hòa)... Đoàn có nhiệm vụ vận động thanh niên đi dân công phục vụ chiến dịch Bình Giã.

Hội đồng cung cấp tỉnh Biên Hòa đã vận động tổng quân gần 200 thanh niên, huy động gần 1.000 lượt dân công vận chuyển vũ khí từ Bình Châu - Xuyên Mộc về Bà Rịa, Biên Hòa, Chiến khu Đ cho lực lượng vũ trang.

Ta tổ chức hàng chục cửa khẩu hậu cần để tiếp nhận vũ khí, thu mua lương thực, thực phẩm, thuốc men dọc theo các trục lộ số 1, 2, 15, 20, 23, 52... nhất là các cửa khẩu Xuân Sơn, Bàu Hàm, Phú Mỹ...Hòa Long, Long Phước, Bảo Bình, Rừng Lá... Chỉ trong vòng 2 tháng ta đã chuẩn bị được 500 ngàn lít gạo và một khối lượng lớn thực phẩm, thuốc men đảm bảo cho bộ đội ăn trong thời gian tham gia chiến dịch. Các đại đội dân công hỏa tuyến bao gồm hàng trăm du kích, nam nữ thanh niên địa phương cũng được khẩn trương tổ chức phục vụ chiến dịch. Chiến thắng Bình Giã có ý nghĩa đánh dấu bước trưởng thành, sự phối hợp nhịp nhàng giữa bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích; đồng thời đánh dấu sự thất bại cơ bản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ-ngụy...

HOẠT ĐỘNG NỘI THÀNH BIÊN HÒA

Từ năm 1966 do có vị trí chiến lược quan trọng, thị xã Biên Hòa được nâng lên thành một đơn vị tương đương cấp tỉnh, có phiên hiệu là U1, gồm thị xã Biên Hòa và huyện Vĩnh Cửu. Để thiết thực lãnh đạo, chỉ đạo phong trào quần chúng tại chỗ, Tỉnh

ủy đã bố trí cán bộ vào hoạt động nội thành Biên Hoà. Tháng 4 năm 1966, Tỉnh ủy bố trí tôi về thị xã Biên Hòa, căn cứ thị ủy tại xã Hưng Lộc.

Tháng 5/1967, tôi được bố trí vào công tác nội ô thị xã trong cánh CZ1¹, hoạt động theo nguyên tắc bí mật. Nhiệm vụ đầu tiên là xây dựng cơ sở, tạo bàn đạp để bố trí lực lượng biệt động thị xã vào ém quân hoạt động ngay trong nội ô. Tôi bám địa bàn ấp Tân Thành, đăng ký sổ gia đình (hộ khẩu) ở Bửu Long để tạo thế hợp pháp. Từ đây, tôi đi sâu tìm hiểu, dần dần móc nối gây dựng cơ sở từ những thanh niên, học sinh tích cực, xây dựng họ thành những nòng cốt. Qua tiếp cận tìm hiểu, tuyên truyền, tôi đã nắm được một số phụ nữ trong giới tiểu thương, trong thanh niên, học sinh.

Tháng 10/1967, đồng chí Ba Lễ bố trí tôi về công tác tại chi bộ Bình Đa, lúc này có các đồng chí Ba Sơn, Thanh Hải, Bảy Lang... tất cả 5 người, đều hoạt động bí mật. Tôi phải nghi trang để hoạt động trong nội thành.

Nhờ thực hiện việc bám trụ tốt từ những năm 1966 - 1967, đến đầu năm 1968, cánh CZ1 và CZ2 đã phát triển được nhiều đảng viên mới, xây dựng được 4 chi bộ khu phố nội ô và chi bộ các xã Bửu Long, Tân Thành, Hiệp Hoà, Tam Hiệp. Để chuẩn bị cho chiến dịch xuân Mậu Thân, Trung ương Cục quyết định giải thể khu miền Đông, thành lập các phân khu mũi nhọn tấn công vào đô thị Sài Gòn. Ở nội thành Biên Hòa, ta tổ chức đưa súng, thuốc nổ, kíp pháo vào ém sâu ở Gò Me và Hiệp Hòa chuẩn bị sẵn cho biệt động và trang bị trước cho du kích mật, an ninh mật chủ động kết hợp khi lực lượng vũ trang đánh mạnh các mục tiêu thì tranh thủ đánh bọn ác ôn hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị, binh vận của quần chúng.

TỪ LẦN THỨ HAI ĐẾN LẦN THỨ BA VÀO TÙ

Để chuẩn bị tiến công đợt 2, cánh của tôi tại thị xã Biên

¹CZ1 là một trong 3 mật danh của của 3 cánh công tác nội thành của thị xã Biên Hòa gồm: CZ1, CZ2, CZ3

Hòa cần một số vũ khí. Số vũ khí này đang cất tại kho vật liệu đất để nắn tượng của Trường Mỹ thuật trang trí Biên Hòa. Trong quá trình chỉ đạo đợt 1, tôi đã bị bọn mật vụ theo dõi rồi mà tôi chưa biết. Cho nên khi tôi bước đến cổng Trường Mỹ thuật trang trí thì bị bọn cảnh sát và mật vụ ập đến bắt. Chúng giam tôi ở Ty Cảnh sát Biên Hòa một tuần để điều tra. Trong số người dịch đưa đến để nhìn mặt tôi có trung úy kỹ thuật sân bay Biên Hòa, biết tôi từ đợt 1 tên là Phê. Lợi dụng khi tên này đến nhận mặt tôi không có cảnh sát theo, tôi nói với Phê, nếu anh gật đầu với cảnh sát là biết tôi, anh nhớ là tôi sẽ khai anh là người cung cấp sơ đồ sân bay cho quân giải phóng. Có lẽ vì sợ nên Phê phản cung, rằng hẳn nhầm lẫn, tôi không phải là người phụ nữ trước đây hẳn đã gặp. Thế là tôi đã vượt qua được một trận điều tra quái ác.

Sau đó bọn chúng đưa tôi về phòng biệt giam C3. Nơi đây có 24 phòng, mỗi phòng chỉ có 01 người. Ở đây thời gian điều tra diễn ra là từ 10 đến 12 giờ đêm. Vào khoảng thời gian đó, cảnh sát đến gọi từng người lên phòng điều tra để xét hỏi, thẩm vấn. Sau hai đêm âm vang ồn ào từ trong vòi nước cầu tiêu vọng ra, tôi ghé tai vào nghe:

- Số 7? Số 7? Nghe không? Trả lời đi, từ đâu đến? Tên là gì?

Tôi trả lời:

- Tôi là Liên, bị bắt tại Trường Mỹ thuật trang trí Biên Hòa, bắt lầm thôi!.

Dần dần tôi mới biết số thanh niên vào tù là do lãnh đạo của họ khai bắt nên họ mất niềm tin và rất hoang mang. Từ đó tôi quyết định gửi đến số thanh niên này niềm tin và hy vọng. Đêm nào chúng tôi cũng trao đổi, tâm sự với nhau. Tôi nói, tôi là ai thì các bạn chưa cần biết đâu, nhưng các bạn đừng quên lời của anh Nguyễn Văn Trỗi “Hãy nhớ lấy lời tôi” dù trong khám tử hình. Tôi ngâm nhiều bài thơ của Tố Hữu đã ca ngợi những người cách mạng dũng cảm ở lứa tuổi thanh niên. Có lẽ giọng nói “truyền cảm” của tôi đã có sức thuyết phục, đi vào lòng của

Ký ức **VÀNG LỬA**

các bạn ấy, biết tên một số thanh niên trong nhóm đó là Hiền, Trị, Châu, Kha... Dù lát nữa đây trong chúng tôi sẽ có người bị gọi lên phòng điều tra nhưng Hiền, Trị, Châu, Kha cứ đập ống nước gọi tôi:

- Chị Liên ơi, chị Liên ơi, ngấm thơ nữa đi để bọn em không nhớ đến dùi cui, điện, nước, xà phòng và nhiều cách điều tra tàn bạo khác...

Đếm thời gian chờ đợi từng ngày để được ra khỏi trại giam này, bản thân tôi tự nhủ, hãy vượt qua những trận tra tấn, thẩm vấn của kẻ thù. Không thể phụ lòng tin của nhân dân, đồng chí nhất là số người không biết tên gửi cho mình từng gói xôi, bịch bánh canh. Chắc là quà của các mẹ, các chị gửi cho mình đó. Đúng như vậy, bọn chúng không tìm ra được gì đành phải thả tôi.

Sau ít tháng nghỉ ngơi, tôi được Ban Thường vụ Tỉnh ủy Biên Hòa bố trí trở lại nội thành vì theo Tỉnh ủy nhận định thì tôi chưa bị lộ. Tuy vậy tôi cũng rất cảnh giác, từng bước móc nối cơ sở cũ, xây dựng cơ sở mới. Chưa đầy 3 tháng, cơ sở của tôi cho hay là một cơ sở ở Bình Đa bị địch bắt, mà cơ sở này có biết mặt tôi. Tôi phải tạm lánh lên Bửu Long; tại đây con ông chủ hầm đá Bửu Long cho tôi biết bọn mật vụ đang lảng vảng ở đầu ngõ; thấy không ổn nên tôi vội đốt thư từ và tìm cách lên Tân Mai, ở nhà cơ sở 2 ngày nhưng không bắt được liên lạc với các anh. Tình thế cấp bách, tôi tìm cách khác về Bà Quẹo, Sài Gòn tạm trú ở nhà người quen. Thế nhưng tại đây lại có đợt truy quét xét hộ khẩu, tôi bị địch bắt giải về bót Hàng Keo, Gia Định. Tôi vẫn khai tên Liên như khi bị bắt ở Biên Hòa. Qua nhiều lần, nhiều lượt điều tra, tôi quá kiệt sức nên địch đưa tôi về điều trị ở Nhà thương Chợ Quán gần 2 tháng mới đưa tôi về giam lại ở Thủ Đức.

Tháng 12/1970, địch giải tôi về Nhà lao Tân Hiệp, Biên Hòa. Tại đây đang có phong trào đấu tranh mạnh mẽ với các yêu sách:

- Đề nghị cải thiện điều kiện sống cho tù nhân.
- Phải cho thăm nuôi thường xuyên.

- Yêu cầu chấm dứt đàn áp chị em chính trị phạm. v.v...

Riêng nhóm chúng tôi vừa mới về, địch tiếp tục đàn áp để buộc chị em chào cờ 3 que và địch sai gì làm nấy. Sau tuần lễ giảng co ác liệt, chúng tôi đã bị bệnh la liệt nên cuối cùng chúng phải đưa vào trại B là trại không chào cờ 3 que. Số bạn tôi lúc ấy là Út Sâm ở Tây Ninh, Ngọc Kiều, Kháng, Chưa ở Long Khánh.

Ở tại Nhà giam Tân Hiệp, tôi không tham gia sinh hoạt Đảng trong nhà tù. Tôi luôn giữ vai vế mình là người dân tốt bị địch bắt lầm. Tuy nhiên tôi luôn là nòng cốt tham gia các phong trào đấu tranh của Chi bộ đưa ra.

TỘI ÁC KHÔNG QUÊN

Ấn tượng của đêm 03/6/1974 không thể nào quên. Vào lúc 22 giờ đêm, cả trại giam yên lặng mặc dù giờ này nhiều chị em còn thức vì mỗi người có không gian riêng của mình. Còn tôi, nhớ quá mẹ và em mình. Mới hôm nào vào thăm tôi, mẹ cũng động viên tôi:

- Ráng lên con, sắp giải phóng rồi đó; mẹ đã đi thăm em con ở Campuchia, em vẫn khỏe và nó nói thế!

Đang nghĩ miên man thì tiếng sét ở đâu nghe oành, dùng như trời sập; rồi những tiếng la lớn lên nghe một cái rần rồi tắt lịm. Kế đến nhiều tiếng rên la, đèn điện cũng tắt hết. Sau khoảng 15 phút, bọn quản trại và số trật tự trại giam ầm ầm đưa xe vào chở người bị thương.

Riêng ở trong trại “chống chào cờ” không thấy được gì vì phòng bị bịt kín. Cho đến 6 giờ sáng, bọn địch nói um sùm ngoài trại, pháo của các bà bắn vào đó, nghe không? Nhưng sau đó, các trại phản ứng ngay, pháo từ Thủ Dầu Một để giết tù nhân. Tiếng hô đả đảo, đả đảo vang ầm lên. Không lâu, bọn địch điều quân canh và canh sát đến để giữ trật tự. Đến 9 giờ, lớp trẻ chúng tôi leo lên song sắt để nhìn ra phía trước. Các trật tự viên khiêng từng cái mùng, từng manh chiếu và để lên đó từng gói một. Chúng tôi đếm được 18 gói! Nghe đâu, có linh mục nhà thờ Hà Nội cho 18 cái hòm do Mai Phùng Xuân cung cấp. Đồng

Ký ức VÀNG LỬA

chị, đồng đội của chúng tôi đã tan da nát thịt. Nỗi đau không thể diễn tả được. Những nắm thịt mà anh em trật tự đem đến và chia ra đồng đều cho 18 chị. Các chị ở chung phòng, các chị là của chung, mãi mãi!

Trong số 18 đồng chí nói trên, có Nguyễn Thị Hoa, quê ở Đất Đỏ, xã Phước Hải, là người đồng đội, người em gái dễ thương. Hoa có dáng người mảnh khảnh, lẹ làng, năng động, thích làm hơn nói, không thích nằm yên. Tôi biết em chưa phải là đảng viên nhưng em luôn thống nhất với các chủ trương của phòng giam, tích cực tham gia các phong trào đấu tranh của chị em. Hoa có nguyện vọng chuyển sang phòng lao động của trại giam để được tham gia các hoạt động như nhặt rau, làm cá... Thế là đầu giờ ngày 01/6/1970, em được điều sang trại mới... Và Hoa cũng đã ra đi mãi mãi cùng các chị...

Nhớ về những người mẹ yêu thương của chúng tôi trong trại giam này, lòng tôi nghe đau xót. Tôi nhớ có lần bị địch giải đi tình, nhìn qua khe lỗ nhỏ của trại giam tôi thấy mẹ gục ngã, có người đến dìu bà. Chắc là mẹ tôi đau đớn lắm vì bà vừa thoáng thấy con của mình da thịt bị bầm tím và phải bị đưa đi xa. Ôi, tôi hiểu tấm lòng của những người mẹ! Đau đớn lắm mẹ ơi!

Sáng ngày 03/6/1970, theo Đài tiếng nói Việt Nam Cộng Hòa Sài Gòn, Việt Cộng pháo kích tại Nhà lao Tân Hiệp, Biên Hòa chết nhiều người. Những người mẹ ở nhiều nơi đã có mặt tại công trại giam lúc 9 giờ, yêu cầu quân đồn trại cho vào thăm con dù thấy lính canh rất đông. Theo mẹ Hà kể:

- Đám lính đi qua đi lại nói, Việt Cộng pháo kích vào giết chết các con của các bà chứ ai?.

Mẹ Hà trả lời ngay:

- Con tôi đi theo Việt Cộng mà Việt Cộng bắn ư? Các ông nói láo rồi!

Sau nhiều ngày đi lên, đi về mẹ quyết ngồi lại công trại bởi ruột gan mẹ như bị ai xé ai bầm ra. Vậy đau lắm con ơi! Cuối cùng rồi tên lính thấy bà nhịn đói, nhịn khát ngồi ở đấy suốt ngày

liên hỏi:

- Con bà tên gì? Bà ở đâu để tôi vào hỏi cho?

- Tôi là Trần Thị Hà, nhà ở Phước Hải, con là Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1953.

Sau đó tên lính ra nói cho mẹ hay, con bà đã chết và đưa đi chôn rồi.

Ồi con của tôi đã chết thật rồi, đau lắm các con ơi. Mẹ nói, mẹ lại phải tìm cho được mộ con để gắn bia, để sau này không thất lạc mồ mã. Khi nghe mẹ kể tôi thâm nghĩ, mẹ có biết đâu da thịt con của mẹ đã bị nát tan ra và thành là của chung với 17 chị em rồi.

Sau kết thúc câu chuyện với mẹ, tôi và chị Ba Hòa, Trương ban liên lạc chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đầy của tỉnh rất xúc động vì mẹ năm nay vừa tròn 90 tuổi mà vẫn minh mẫn và vẫn không quên đứa con gái thứ bảy yêu thương của mình. Đây là nỗi đau của những người mẹ.

Ngày 25/12/1974 tôi được trả tự do cùng với các bạn!.

Sau này tôi được biết, tháng 10 năm 2009, sau bao năm kiên trì tìm kiếm, mẹ Hà đã tìm được mộ và xin chuyển hài cốt Nguyễn Thị Hoa từ Nghĩa trang Liệt sỹ tỉnh về an táng tại quê nhà ở Phước Hải - Đất Đỏ.

CHUNG SỨC XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG NAI

Sau ngày giải phóng 30/4/1975 thống nhất đất nước, tháng 8/1977, Đại hội Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Đồng Nai lần thứ nhất đã được tổ chức. Tôi được đại hội bầu là Ủy viên Thường vụ Hội.

Tháng 8/1977, Đại hội Đoàn toàn tỉnh Đồng Nai lần thứ nhất, tôi được bầu vào Ban Chấp hành và Ban Chấp hành bầu vào Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn (khoá I).

Tháng 7/1981, Đại hội Đoàn toàn tỉnh Đồng Nai lần thứ II, tôi tiếp tục được bầu vào Ban Chấp hành; tháng 11/1982, được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ tỉnh đoàn. Tháng 6/1983, tôi

Ký ức **VÀNG LỬA**

và đồng chí Nguyễn Minh Hoàng được bầu làm Phó bí thư Tỉnh Đoàn, tháng 12/1986 được giao Quyền Bí thư. Tháng 3/1987, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IV bầu tôi là Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ V (1991 - 1995) bầu vào Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Bí thư Tỉnh đoàn, đồng thời tham gia vào Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ IV (1992 - 1997). Từ năm 1991 đến năm 1995 là Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Từ 1995 đến năm 2000, tôi được bổ nhiệm làm Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh. Sau đó nghỉ hưu theo chính sách.

Huỳnh Tấn Bửu (ghi)

TRƯƠNG VĂN BẦY (BẦY LÌ), NGUYỄN THỊ KIỂM:

HAI CUỘC ĐỜI, MỘT CHỈ HƯỚNG

Ngày 15/11/2013, mới sáng sớm, tôi vội xách theo chiếc cặp, chạy xe máy thẳng hướng Xuân Lộc. Theo lời hẹn của cô Trần Thị Hòa (Ba Hòa), Trưởng ban liên lạc chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đầy tỉnh Đồng Nai, tôi sẽ đi gặp để viết về cuộc đời hoạt động cách mạng và tinh thần đấu tranh bất khuất của “một cặp bạn tù” là ông Trương Văn Bầy (Bầy Lì) và bà Nguyễn Thị Kiểm ở Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc.

Không biết nhà, nên khi tới Cua Heo (thị xã Long Khánh), tôi được người con út ông Bầy Lì ra dẫn tôi vào nhà. Từ Cua Heo, chúng tôi chạy theo con đường xuyên qua thị xã Long Khánh, quẹo trái, quẹo phải một hồi khoảng 10 cây số tới con đường nhựa chạy cặp sát tuyến đường sắt Bắc - Nam đoạn ấp Bảo Chánh, xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc. Tới địa danh lịch sử này làm tôi nhớ lại trận đánh ngày 19/5/1947 của Chi đội 10 vào đoàn tàu hỏa của địch để kỷ niệm ngày sinh của Hồ Chủ tịch và cũng là đợt mở màn cho hàng loạt trận đánh vào giao thông địch trên chiến trường Xuân Lộc.

Đi một đoạn nữa thì tới nhà. Hai vợ chồng ông được cô Ba Hòa báo trước nên vui mừng ra đón tôi vào. Nhìn căn nhà mới xây khang trang, ai biết rằng cuộc đời của hai người đã trải qua những năm tháng mưu sinh vất vả mới có được ngày hôm nay.

TỪ BIỆT QUÊ HƯƠNG

Tôi là Trương Văn Bầy (Bầy Lì), sinh năm 1945 tại xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, một huyện miền núi của tỉnh Bình Định. Mẹ tôi là Lê Thị Thiệt, bố là Trương Ky. Cha mẹ tôi sinh được bảy người con thì ba người đã chết hồi còn nhỏ, còn lại bốn

chị em. Tôi là con trai út duy nhất trong nhà, trên tôi là ba người chị gái. Cha mẹ tôi là thành phần bản cổ nông, nghèo đến không có miếng đất cấy dùi, phải đi ở mướn cho địa chủ.

Năm đói 1945, mẹ tôi vừa sinh tôi ra được một tháng, vì nhà không có cái ăn phải ăn khoai mì, một loại khoai mì đắng của Ấn Độ được trồng ở làng tôi rất nhiều, mẹ tôi ăn phải nên bị say chết. Chị em tôi ở với bố. Cảnh gà trống nuôi con thật vất vả khi bố tôi phải làm nuôi bốn chị em tôi. Hàng ngày cha tôi phải lên núi chặt củi đem ra chợ bán kiếm tiền nuôi con.

Người dân ở đây thật đói khổ, ruộng bậc thang, ăn nước trời, mưa thì có nước, hết mưa hết nước, nhà cửa làm dựa theo chân đồi, núi. Dân không có ruộng đất riêng, đất đai chủ yếu là của địa chủ rồi cho người dân làm mướn để thu tô thuế.

Lúc nhỏ tôi được đi học đến lớp nhất tại trường làng, tương đương lớp 5, lớp 6 bây giờ. Đi học phải mang theo cơm. Sáng 4 giờ, chị tôi dậy sớm nấu cơm rồi gói trong bẹ mọ cau hay lá chuối để tôi mang theo, trưa ở lại trường để chiều học tiếp, về tới nhà cũng đã 6, 7 giờ tối. Làng tôi không có đường, đi học phải băng qua bờ ruộng, qua gò hoang khoảng hơn 10 cây số để tới trường. Những đứa trong làng đi học rất đông, khoảng hai chục đứa con nhà nghèo, sáng chúng tôi đi rủ nhau đi, chiều lại rủ nhau về.

Năm 1960, khi tôi được 15 tuổi phải nghỉ học ở nhà phụ bố vào núi Đá Đen chặt củi đem ra chợ bán. Vì núi này được dùng làm căn cứ kháng chiến, nên hàng ngày vào núi, tôi thường gặp mấy chú cách mạng ở đây. Người dân trong làng thường gọi những người này là “Cách mạng”, còn bọn địch ở đây thì chúng kêu là “Việt cộng”. Thực ra, tôi còn nhỏ cũng chưa hiểu hết về hai từ “Cách mạng” hay “Việt cộng” là gì. Sau này, mấy chú “Cách mạng” trong núi tuyên truyền, giải thích tại sao phải đi làm cách mạng thì tôi dần dần hiểu được. Mặt khác, nghe bố tôi kể lại hồi chín năm chống Pháp, ông cũng tham gia cách mạng ở xã. Khi hiệp định đình chiến 1954 tập kết chuyển quân ra Bắc, thì cha tôi ở lại không đi. Từ đó, mong muốn được đi làm cách mạng ngày càng nung nấu trong tôi.

Quê tôi thời kỳ này địch khủng bố, kiểm soát rất gắt gao, người nào muốn thoát ly làm cách mạng cũng không đi được. Chúng phát hiện gia đình nào có người đi theo cách mạng là chúng tịch thu tài sản, bắt bớ hoặc giết hại người thân trong gia đình, nên ai cũng sợ không dám đi. Lúc này, làng tôi có một số người dân trước kia vào Nam làm ăn, mới từ trong Nam trở về, họ kể là trong miền Nam đi theo “Việt cộng”, theo “Cách mạng” dễ lắm, ai muốn đi thì đi không ai bắt bớ gì cả. Tôi nghe họ kể vậy bèn rủ thêm 5, 6 đứa trong xóm cùng trốn đi vào trong Nam.

Vào tới vùng đất thị xã Long Khánh, tỉnh Long Khánh, tôi tìm vào ở nhờ nhà hai vợ chồng người em con bà cô là Hồ Thu và Trần Thị Bep để đi làm mướn. Mấy người cùng trốn đi với tôi vào thị xã Long Khánh cũng rủ nhau đi làm mướn. Ở nhà, thấy tôi tự nhiên mất tích, không có tin tức gì, cha tôi ngày đêm lo lắng. Một thời gian sau, khi người em về ngoài quê chơi kể lại thì cha tôi mới biết tôi đã vào ở trong Long Khánh nên phần nào yên tâm.

Ở đây, tôi thường đi làm rẫy cho đứa em, hay người nào cần thì tôi làm mướn cho họ. Đôi khi đi làm thuê theo năm, mỗi năm được người ta trả cho 12 ngàn đồng, đủ để mua một lượng vàng. Hàng ngày tôi vào rẫy đi làm. Rẫy ở sát rừng, cạnh khu sân bay đi vào¹, tôi thường gặp mấy người cách mạng trong đây. Mấy anh lại tiếp tục tuyên truyền và thuyết phục tôi làm cơ sở mật cho cách mạng. Vốn đã có ước muốn từ trước, nay lại được cách mạng tin tưởng nên tôi nhận nhiệm vụ làm sơ sở, hàng ngày đi nắm tin tức bọn lính. Từ năm 1963, tôi bắt đầu thực hiện nhiệm vụ của cách mạng giao. Do tôi đã ở đây được 3 năm nên địa bàn ở đây tôi đều quen thuộc, các căn cứ, cơ quan đầu não địch đóng ở khu vực nào tôi đều nắm chắc, ngay cả mấy tên cảnh sát, mật vụ của địch tôi đều biết mặt, nên khi đi nắm tình hình cũng tương đối thuận tiện.

Hàng ngày, sau khi đi làm về tôi thường đi lòng vòng qua các khu vực đóng quân của địch như Tỉnh đoàn Bảo an, hay theo

¹Nay là phường Xuân Hòa, thị xã Long Khánh.

Ký ức **VÀNG LỬA**

dõi mấy tên mật vụ xem chúng đang theo dõi ai ở Long Khánh. Minh đi nắm rồi báo cho mấy ông trong rừng. Cứ hai ba ngày hoặc ba bốn ngày thì tôi lại vào gặp báo cáo tình hình địch một lần.

Được hai năm, thấy tôi thường hay lảnh vàng, nhòm ngó ở các khu quân sự, cơ quan của chúng nên bọn cảnh sát đặc biệt nghi ngờ, chúng quay ra theo dõi tôi. Có nguy cơ bại lộ, tôi vào báo cáo lại mấy anh trong rừng là tôi đang bị địch tình nghi theo dõi. Mấy anh nói: vậy thì đi thoát ly luôn, chứ không ở ngoài được nữa.

THOÁT LY

Ngày 1/3/1965 đi thoát ly. Trước hôm đi, tôi hẹn gặp mấy người bạn hồi trước cùng trốn nhà vào Long Khánh để tâm sự, chia tay. Mấy năm trước, khi tôi gặp mấy anh trong rừng và làm cơ sở cách mạng ở Long Khánh, mấy đứa nó biết, người em cũng biết tôi làm cơ sở cho cách mạng nhưng vẫn ủng hộ. Người em nghe tôi nói mai đi thoát ly theo cách mạng thì không nói gì, chỉ lẳng lẳng ra chợ mua vải, dây dù về may cho tôi một chiếc võng. Tối đến còn mua một con gà, mấy lít bia về ăn liên hoan để tôi chia tay với mấy người bạn. Tôi nói: “Ngày mai tao thoát ly theo cách mạng, mấy đứa tụi bay không đi theo như tao thì tụi bay đi về đi”. Mấy người bạn tôi nói: “Ông cứ đi tham gia cách mạng, tụi tôi không có điều kiện đi đâu”. Hôm sau, mấy người bạn tôi ra đón xe rú nhau đi về quê.

Khi thoát ly, tôi được đưa vào Thị ủy thị xã Long Khánh. Thị ủy Long Khánh lúc này chỉ có 7, 8 người, cơ quan đóng độc lập một nơi. Một đồng chí làm Bí thư Thị ủy là đồng chí Ba Tú, đồng chí Bảy Lãng cán bộ trên tỉnh đưa về làm công tác An ninh, Ba Chừng phụ trách công tác phong trào vận động quần chúng, Sáu Lưu phụ trách công tác Binh địch vận và một người phụ trách y tá. Căn cứ không đóng cố định một chỗ, luôn di động thay đổi, nay bám theo bờ suối này, mai theo bờ suối khác. Mỗi người được trang bị mang theo một tấm chiếu đệm để ngủ. Sau này mới đóng căn cứ ổn định.

Vào năm đầu, tôi được đưa lên Tinh đội học quân sự hết 3 tháng. Khu vực căn cứ của Tinh đội lúc này đóng trên núi Mây Tàu. Tôi học các kỹ thuật cơ bản về quân sự như tháo, ráp súng, cách bắn súng, các động tác bò, trườn... Sau khi học xong, tôi trở về Thị ủy, được mang theo một khẩu súng Mút-tam-sít của Pháp để đi bảo vệ mấy đồng chí trong Thị ủy khi ra ngoài rầy gập cơ sở, móc cơ sở hợp pháp ngoài dân vào làm việc.

Tháng 8/1965, trên bổ sung cán bộ, chiến sĩ về quyết định thành lập đội biệt động thị xã Long Khánh tại suối Nước Đục¹, tôi chuyển sang tham gia cùng đội biệt động. Đội Biệt động lúc mới thành lập được một Trung đội với 32 chiến sĩ. Chỉ huy đội gồm các đồng chí Nguyễn Văn Thanh (Năm Thanh) - Đội trưởng, Huỳnh Ngọc Được (Năm Được) - Đội phó, Trần Văn Tính - Chính trị viên. Chiến sĩ có các đồng chí: Nguyễn Hồng Nờ (Hai Nờ), Trần Văn Bảy (Bảy Li), Ba Ngộ, Hai Hát, Bán, Nuôi, Nhân, Thảo, Nhạc, Hồng, Long...

Phương pháp hoạt động của Đội biệt động là đánh theo lối đặc công vào đồn bót địch. Bằng nhiều cách đánh, ban đêm đột nhập vào trong căn cứ địch đánh trái, tùy theo điều kiện địa hình, địa vật, đội biệt động cải trang được là đánh. Cách đánh của biệt động khó hơn cách đánh của bộ binh vì chuyên môn đi “Ẩn đêm”. Mỗi người lính biệt động phải thuộc nhuần nhuyễn các thao tác tháo gỡ mìn, gài mìn. Phải biết các kỹ thuật vô hàng rào, kỹ thuật trốn ánh sáng đèn pha của nó. Phải biết đi trên lá, đi trên khô. Khi chui vào điều nghiên nắm mục tiêu thì không cắt rào, chỉ khi nào tiến hành đánh thì mới cắt rào và gỡ mìn. Khi nghiên cứu, điều nghiên, nắm tình hình, chui vào thì gỡ mìn, khi ra thì gài mìn trở lại y như cũ. Ngày hôm sau vào cũng vậy. Trên người phải làm sao cho phù hợp với địa hình ở nơi đó. Nếu đất đen thì phải thoa bùn đen lên người, đất đỏ phải thoa đỏ.

Khi chui vào, chỉ cần sơ ý do gỡ mìn không hết là sẽ phải trả giá bằng tính mạng của mình. Ví dụ như một trái mìn 16E3, nặng 1,8kg (nó có 3 chân chĩa ra nên còn gọi mìn 3 chia), khi địch

¹Nay là xã Bảo Bình, thị xã Long Khánh.

gài thì bên dưới đất trái mìn bao giờ cũng có một trái lựu đạn, hai bên hông thêm hai trái lựu đạn nữa. Khi gỡ lên mìn không nổ, nhưng ba trái lựu đạn nổ mình cũng chết. Địch không chỉ chôn mìn 3 chia không, địch còn gài mìn Clay mo. Mỗi trái mìn Clay mo địch gài ngang qua một sợi dây cước nhỏ, nếu không để ý, chỉ cần vướng vào sợi dây cước mìn nổ cũng chết. Lựu đạn thì địch treo trên mấy cây sắt theo mấy trụ rào, chúng căng sợi dây ngang qua, hai bên đầu dây được cột vào chốt của hai trái lựu đạn, nếu không biết vướng vào làm giăng hai chốt lựu đạn ra nổ mình cũng chết.

Lính biệt động khi đánh vào đồn bót địch có hy sinh chỉ hy sinh trong rào, không có con đường nào ra. Khi vào tới trong rồi nhưng rào vẫn còn nguyên, do mình làm một cây móc, mình móc dây dưới lên dây trên để chui qua. Đầu lọt là đít lọt. Đâu phải chỉ một hàng rào, hàng rào đơn, hàng rào kép, hàng rào bụi nhùi, hàng rào bầy mạ. Trong hàng rào bụi nhùi, địch chuyên gài lựu đạn trong đó. Có chỗ hàng rào nó treo lon, mình đi phải chuẩn bị dè, vào tới đó thì lấy dè nhét lon lại cho nó khỏi kêu.

Ngoài ra cần phải biết tận dụng, tránh né ánh sáng. Như trước khi đi điều nghiên một mục tiêu nào đó, tối đến mình phải đi đến đó ngồi bên ngoài hàng rào một đêm hoặc hai đêm để nắm quy luật của tên lính gác trên lô cốt, quy luật rọi đèn pha của nó. Đôi khi không có Việt cộng nhưng chúng vẫn kêu Việt cộng, Việt cộng và chúng thường hay bắn sáng. Mình ngồi xem mấy phút chúng rọi đèn pha một lần. Ví dụ 15 phút chúng rọi một lần thì mình tính ước lượng từ cọc của hàng rào này tới cọc của hàng rào kia vừa chui vừa gỡ mìn thì có đủ thời gian 15 phút hay không, đầu óc phải tính toán kỹ lưỡng, ước lượng chính xác, chứ tính không kỹ mà đến giữa chừng chúng rọi đèn sáng phát hiện thấy là chúng bắn chết. Yêu cầu chỉ cần tới cái cọc rào bên trong mình trốn thì dù chúng có rọi đèn thì cũng không thấy. Ánh đèn của địch dù gây nguy hiểm cho ta, nhưng lại tiện cho ta để đột nhập, có ánh đèn mình càng dễ đi hơn. Vì hai bóng đèn khi quét chéo có con đường tiếp giáp với nhau, mình lợi dụng đường tiếp giáp

đó mình vào. Khi quay trở ra phải gài mìn lại như cũ và xóa hết dấu vết. Sáng ra địch đi tuần quanh hàng rào chúng phát hiện thì tới đến chúng kích tại đó, mình vào là địch bắn chết ngay. Vì vậy, địch thường gọi lính biệt động là “Việt cộng tàng hình” là vì vậy.

Làm một người lính biệt động thật không phải dễ, phải có sự gan lì, nếu lý trí không vững thì chỉ cần đi ba lần thì trước sau cũng xin ra bộ binh. Vì khi đi là chỉ thấy con đường chết, không thấy con đường sống đâu hết. Khi đã vào được bên trong căn cứ địch, mỗi bộ phận phụ trách một mục tiêu thực hành tiêu diệt địch, chia nhau đánh ngược trở ra.

Về vũ khí thì tự lãnh thuốc nổ về chế tạo trái. Khi đánh xuống hầm, ở Công trường chế tạo trái 5 giây nổ, nhưng biệt động chế tạo chỉ 3 giây. Không như các đơn vị khác, biệt động không thể khảo sát mục tiêu đứng ngoài rào để nhìn vào, mà phải thực hiện nguyên tắc bắt di bắt địch là: “Tai nghe, mắt thấy, tay sờ, chân bước tới”. Nếu đột nhập vào hầm Chỉ huy của địch thì phải trực tiếp xuống hầm, còn đánh lô cốt thì phải tới tận lô cốt, đưa tay vào lỗ châu mai kiểm tra độ cấu trúc của nó như thế nào, dây mìn ra sao để khi về mới tính được lượng thuốc nổ để vào phá xập nó. Mặt khác, lỗ châu mai của địch luôn có một cái lưới sắt, nếu nó không bắn thì nó xập lưới xuống. Vì vậy, nếu không nghiên cứu kỹ thì khi đánh sẽ không đưa khối thuốc vào được.

Nguy hiểm, khó khăn là vậy, nhưng với lối đánh đặc thù được đúc kết chỉ trong 13 chữ: “Bí mật, bất ngờ, luồn sâu, ém sẵn, nở hoa trong lòng địch” làm cho tác dụng của một người lính biệt động hơn hẳn một người lính bộ binh.

Còn đánh ở bên ngoài thì tùy theo hoàn cảnh, điều kiện để cải trang. Nếu như đánh bọn lính thì mình cải trang mặc đồ theo lính để đánh, nhất là bọn lính đang đi tuần theo đường vành đai nội ô thị xã.

Khi thực hiện nhiệm vụ tôi chỉ mong sao hoàn thành được nhiệm vụ. Hàng tháng tôi phải đi nhận mục tiêu. Tình đội quy định đơn vị biệt động nào đánh chỗ nào, mục tiêu nào, mục tiêu

Ký ức VÀNG LỬA

nào đều có quy định hàng tháng. Theo kế hoạch hợp đồng tác chiến với chiến trường chung của tỉnh, huyện, hay một đơn vị nào đánh ở đây, thì đội biệt động phải đánh một mục tiêu nào đó để kìm chân Sư đoàn 18 địch. Hay tổ chức đánh vào tua pháo, hạn chế pháo địch bắn vào đơn vị bạn đang chiến đấu. Một đơn vị biệt động có thể đánh và tiêu diệt cả Trung đoàn lính ngự ngay tại căn cứ của chúng.

Cách đánh của biệt động giống cách đánh của đặc công, không khác gì cả. Một năm, đội biệt động đánh liên tục vào các căn cứ Sư đoàn 18, tua pháo, cơ quan đầu não của địch ở Long Khánh, Hội đồng xã ở Xuân Lộc, những trụ sở tề ấp của địch. Thường xuyên chỉ dùng một Tiểu đội đột nhập vào nhà đánh trái hoặc bắn B40.

Có một trận, đội biệt động của tôi vào sân bay đánh bộ Chỉ huy hành quân Việt Mỹ làm chết mười mấy tên Mỹ, hay đánh vào ấp Tân Phú thu hết vũ khí của bọn phòng vệ dân sự. Đánh ban đêm, cứ trời tối trắng là mình đánh.

Đội biệt động thường xuyên hóa trang đột nhập vào thị xã, chờ nhau trên xe honda, nghiên cứu nắm tình hình địch, phát hiện được mục tiêu là bố trí đánh ngay hoặc đêm sau đến đánh. Đánh xong, rút về căn cứ, trường hợp bị địch bao vây hoặc truy kích thì trụ lại trong nội ô, hóa trang thành dân thường hoặc xuống hầm bí mật ở các gia đình cơ sở. Trong năm 1966, đội biệt động đã đánh 7 trận lớn vào quân Mỹ, quân ngự, loại 180 tên địch khỏi vòng chiến đấu.

Sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân năm 1968, lãnh đạo đội biệt động nhiều đồng chí đã hy sinh, tôi được bổ trí lên làm Đội phó Đội biệt động, Hai Nở làm Chính trị viên.

Năm 1969, đồng chí Năm Thanh được rút về làm Thị đội trưởng, tôi thay đồng chí Năm Thanh làm Đội trưởng Đội biệt động, Hai Nở là Chính trị viên trưởng. Trong vị trí lãnh đạo đội biệt động và lập được nhiều thành tích trong chiến đấu, tôi được cử đi dự Đại hội chiến sĩ thi đua của tỉnh. Tháng 6/1969, tôi được

cử đi học khóa Đặc công và học sĩ quan ở Trường Quân chính Quân khu 7, trên Bù Gia Mập (Bình Phước), học xong một năm về tiếp tục phụ trách Đội biệt động.

Đội biệt động sau nhiều năm chiến đấu đã hy sinh “lột xác” nhiều lần. Mỗi lần lột xác được bổ sung quân số từ Tiểu đoàn 440 của tỉnh về. Vì vậy, khi đi làm cách mạng, tôi không sợ hy sinh, xác định mình không chết trước cũng chết sau, chỉ có làm sao cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ.

BẮT KHUẤT CHÓN LAO TÙ

Năm 1972, tôi bị bắt. Một hôm tôi và đồng chí Năm Thanh, Thị đội trưởng đi nghiên cứu chi khu cảnh sát Long Khánh để chuẩn bị đánh trước giờ ngưng bắn vào tết năm 1972. Anh Năm Thanh móc cơ sở nội tuyến của ông Tư Chàm, hẹn giờ, hẹn điểm để tối hôm đó tới dẫn mình đi nghiên cứu chi khu Cảnh sát. Tôi, Năm Thanh và 4 người lính biệt động của tôi cùng đi. Tới vành đai chi khu, tôi và Năm Thanh cời đồ bò qua hàng rào như kiểu đặc công, đi vào để gặp cơ sở nội tuyến. Không biết cơ sở có phản lại hay không mà khi tôi và Năm Thanh vừa vào bên trong, vừa thay bộ đồ trắng mặc sơ vin theo kiểu mình đang đi chơi thì bị địch nằm kích sẵn tại đó, chúng bắn liền. Tôi nói vội với Năm Thanh: “Anh chạy vô, tôi chạy ra, chứ hai đứa chạy về một chiều thì không được”. Anh Năm Thanh liền chạy ngược ra hướng hàng rào vành đai, chỗ mấy người lính biệt động của tôi đang chờ ngoài đó. Còn tôi thì chạy vào trong đường phố, địch bắn theo chát chúa. Tôi chạy vào một nhà dân gần đó, thấy sau nhà có khu đất còn trống tôi nhảy ra sau. Phía sau nhà dân có một hàng rào dây thép gai cao khoảng 1,2 mét với một bụi chuối dạ hương. Tôi tính nhảy qua rào, mình đặc công nhảy qua rào thì dễ lắm, lại có bụi chuối khuất bóng nữa. Qua được khỏi hàng rào thì địch sẽ không làm gì được mình nữa, mình muốn ra đường nào thì mình ra. Vì địa hình ở đây tôi đều quen thuộc hết. Không ngờ bên cạnh bụi chuối có một cái giếng sâu mấy chục mét mà tôi không biết, khi nhảy qua hàng rào thì không may lọt rơi xuống giếng. Khẩu súng K54 bị văng ra, trên người tôi bị thành giếng làm chày rách khắp thân, chân bị chật khớp không cựa quậy được.

Ký ức VÀNG LỬA

Địch bắn đuổi theo vào trong nhà tìm kiếm, chúng ra sau nhà rọi đèn xuống giếng thấy tôi nên chúng vây bắt tôi lên. Chúng đưa tôi về chi khu Long Khánh liền đánh đập, khai thác ngay trong đêm. Tôi khai mình chỉ là người trốn lính. Vì tôi sống ở đây lâu nên dân Long Khánh ai cũng biết tôi, mười người biết hết mười, nói Bảy Lì ai cũng biết, cả mấy tên cảnh sát cũng biết rành về tôi. Khi thấy tôi nói vậy, một tên cảnh sát nói:

- Mày mày, mày trốn lính hả, mày là Bảy Lì, mày đi theo Việt cộng chứ mày trốn lính!.

- Tôi trốn lính, tôi không biết Bảy Lì là ai cả.

Chúng tiếp tục đánh đập tôi thêm một tiếng đồng hồ nữa. Lúc đó tôi không còn biết gì nữa. Chúng bèn quay lại cái giếng và tìm thấy khẩu súng K54 của tôi, nó đưa khẩu súng đến trước mặt tôi:

- Đây, đây súng K54 của mày đây. Mày đang trốn lính mà mày có K54 hả.

Thấy không thể chối cãi được nữa, tôi đánh bài ngửa với chúng:

- Tôi không trốn lính thì tôi đi theo trong kia, tôi theo cách mạng.

Chúng tiếp tục đánh tôi suốt đêm. Đến sáng chúng đưa tôi qua tiểu khu. Ở đây, chúng lại tiếp tục đánh đập, chết đi sống lại nhiều lần. Mỗi lần tôi tỉnh lại chúng lại đe dọa: “Mày khai đi, chứ mày không khai thì chỉ có con đường chết. Không có ông Tôn Đức Thắng nào vào giải cứu mày được đâu mà mày không khai. Mày là cái thằng Bảy Lì ở đây ai không biết mày. Mày ra vào cái Long Khánh này như cơm bữa, mày ở trong này ai mà không biết”.

Mấy tên cảnh sát đặc biệt như Mười Dây, tên Sửu nó biết cả nhà tôi ở, biết cả em tôi. Hỏi tôi ở đi làm mướn là chúng đã biết tôi rồi. Nó nói với tôi: “Mày cố ráng chịu dữ ha, rồi mày cũng chết à”. Tôi nói: “Ừ! Tôi biết nhiều đó tôi khai nhiều đó, tôi

chết thì coi như xong, tôi hoàn thành nhiệm vụ rồi”.

Mục đích đánh đập, tra tấn tôi là chúng cố ý khai thác để tìm ra cơ sở cách mạng ở Long Khánh. Ở đây, cơ sở nào tôi cũng biết. Tôi vào ở trong nhà người ta rồi tôi đi nghiên cứu, sau đó trở ra ngoài rừng để điều đơn vị tôi vào đánh. Vì vậy, sao tôi không biết cơ sở được. Định cố khai thác nhưng tôi đều trả lời không biết gì hết, tôi là du kích, vào thấy đồn bót nào dễ, đánh được là tôi đánh chứ tôi không biết gì hết. Chúng điên tiết, tiếp tục tra tấn đúng một tuần lễ, tôi cứ nghĩ là mình sẽ chết trong đợt này. Trong đầu tôi xác định, ở ngoài mình chiến đấu đã chấp nhận hy sinh, không chết trước thì cũng chết sau. Dù mày có tra điện, hay đánh đập kiểu nào tao cũng chỉ nói vậy thôi. Cơ sở của mình, vào nhà người ta ở, người ta đem cơm nuôi mình, rồi bây giờ mình lại đi khai cho địch. Thì thà mình chết còn hơn.

Một tuần ở chi khu Long Khánh không khuất phục được, chúng tiếp tục đưa tôi về Quân đoàn III ngụ ở Biên Hòa¹. Chúng không đưa tôi đi bằng xe mà đưa đi bằng trực thăng. Chúng nói: “Mày là đặc công, chúng tao đưa mày về Quân đoàn III bằng trực thăng, chứ không sảy tay ra mày đánh người ta chết mẹ”.

Về Quân đoàn III địch tiếp tục còng tay tôi trên một cái ghế ngựa. Mỗi lần đưa ra thẩm vấn là chúng lại đánh đủ kiểu. Không được, chúng chuyển sang tra điện, tôi ngất xỉu chờ tỉnh chúng lại tiếp tục đánh. Nhất là chúng dùng dùi cui thọc vào bụng đau thốn chịu không nổi. Tôi lại ngất xỉu, chúng khiêng tôi đưa vào phòng giam đóng cửa lại. Khi tỉnh dậy, tôi được mấy người đưa cơm họ cũng tốt, người ta giấu bọn lính đem dầu nóng vào đưa cho mình thoa vết thương.

Được khoảng 3 tháng, chúng đưa tôi về Nha Cảnh sát miền Đông có tên cảnh sát là Trung tá Một làm trưởng Nha. Do chúng xiềng tôi suốt ngày đêm ở Quân đoàn III nên chân tôi teo lại, coi như bị liệt không đi được, chúng đưa tôi về trại giam C3 Biên Hòa². Tôi nghe nói, ai đã vào đây thì chỉ có con đường chết.

¹Nay là Tỉnh đội Đồng Nai.

²Nay là Đội Cảnh sát cơ động, Công an Đồng Nai.

Ký ức VÀNG LỬA

Khi tôi mới tới đây, nghe mấy người tù ở đây nói với tôi là thằng cha Trung tá Một này nếu mình khai lờ mờ là nó đánh cho chết luôn, đánh bỏ. Sau này, tôi nghe nói tên Một cũng là dân Bình Định, hình như hoạt động nội gián hai mạng. Cho nên mấy người bị nhốt ở trong xà lim bình luận, nếu người nào vô đây mà cứng rắn thì thôi, còn người nào khai ra cơ sở thì hẳn triệt luôn, giết luôn.

Chúng nhốt tôi trong xà lim, mấy người cũng đang bị nhốt ở đây hỏi tôi:

- Anh ở đâu đấy?
- Ở Quân đoàn III qua.
- Anh tình nghi hay cách mạng chính công?
- Chính công.
- Cách mạng chính công anh khai làm sao?
- Thì tôi khai tôi chỉ biết đi làm du kích, chỉ biết lên vô đồn vô bót đánh thôi chứ tôi không biết gì hết.
- Ráng cố gắng nghe, đừng có lờ cái gì hết nghe, vô đây chỉ có con đường chết chứ không có đường ra đâu.

Phải nhớ là mới đầu mình khai làm sao thì đi chỗ khác mình cũng cứ khai như vậy, đừng có khai gì khác thêm, lờ ra cái gì là nó đánh chết.

Sáng hôm sau, nghe tiếng giầy đinh khua cộp cộp rồi tiếng cửa sắt mở rầm rầm, hai tên cảnh sát vào phòng diu tôi ra phòng tên Trung tá Một. Chúng để tôi ngồi đó. Một lúc sau, tôi thấy tên Một đi xe zep từ ngoài chạy vào. Hắn bước vào phòng, thấy tôi hẳn nhòm nhòm rồi đến ngồi bên bàn hắn. Tên Một kêu mấy tên lính diu tôi tới ngồi đối diện.

- Đ.M, mày dân ở đâu?
- Tôi dân Bình Định.
- Mày dân Bình Định sao mày hoạt động ở Long Khánh?

- Thì tôi từ Bình Định vào Long Khánh đi theo cách mạng.

- Dân Bình Định của mày theo cách mạng cũng chỉ lắm đây, anh hùng lắm. Nhưng mà đi lính Quốc gia, nhiều đứa nó cũng anh hùng. Thôi bây giờ tao nói với mày như thế này, mày ở Quân đoàn III mày khai làm sao thì bây giờ mày khai như vậy. Tao kêu tụi nó lại để lấy cung.

Nói xong, tên Trung tá Một kêu một tên lại lấy lời khai, hắn lấy bản cung của tôi đã khai ở Quân đoàn III rồi viết theo bản đó, điều gì không rõ thì hắn hỏi thêm. Sau khi đã viết xong, tên Một trực tiếp đưa tôi trở lại xà lim. Hắn nói nhỏ với tôi: “Thôi, mày cố gắng đi”. Đến tối, hắn chạy xe zeeep vào lấy chìa khóa mở cửa phòng rồi tháo còng trên tay, hắn dìu tôi ra cùng ngồi với hắn ở hàng ba. Đến sáng, hắn sai tên lính đi mua bánh mì, hủ tiếu, cho tôi muốn ăn cái gì thì ăn. Rồi hắn bắt tôi tập đi từ đầu vách tường này đi qua đầu vách kia rồi ngược lại. Cứ như vậy, hắn tập cho tôi 3 tháng thì tôi bắt đầu đi được.

Ở trại giam C3 Biên Hòa, bên ngoài hàng rào bên cạnh là trụ sở của CIA Mỹ. Một tối hắn vào mở cửa dẫn tôi ra. Hắn nói: “Ra đây ngồi cho mát”. Ra ngồi với hắn, thấy tôi ngó ngó xung quanh, chắc nghĩ là tôi đang tìm cách trốn, hắn nhìn tôi: “Mày đừng có dại nghe mày, nó bắn mày chết trên rào nghe mày. Gân thống nhất rồi, gân hòa bình rồi, cũng có ngày gân về rồi, mày đừng có dại”.

Sau khi sức khỏe đã tạm ổn, hắn nói với tôi: “Thôi bây giờ mày xuống Chí Hòa, xuống đó mày có ngày về hơn”. Ngày tôi đi, hắn mua cho tôi một giỏ xách nào là đường, sữa, chanh, và mấy cây thuốc Jupit đồ (quân tiếp vụ của lính). Hắn nói: “Thôi xuống đó đi, cố gắng ở, đừng nghĩ gì hết, hòa bình tới nơi rồi”. Rồi hắn chỉ nhà của hắn và dặn: “Sau này đất nước hòa bình, mày nhớ tới nhà tao chơi nghe mày”.

Tới Chí Hòa, mấy tên trong Ban An ninh lại tiếp tục đưa tôi đi tra tấn, rồi chúng còng ở Ban An ninh gần một tháng. Sau

đó, chúng đưa lên biệt giam trong khu D gần hai tháng. Sau đó, chúng đưa tiếp tôi lên tầng trên 2G1, ở chung với số tù chính trị. Ở Chí Hòa được 6, 7 tháng thì Hiệp định Paris ký kết, dịch đưa tôi ra Côn Đảo. Chúng nói là đưa đi trao trả. Khi bọn cảnh sát đã chiến dàn hàng ngang trước cửa, chuẩn bị đưa thanh niên ra trước, ông già lớn tuổi ra sau. Chúng tôi lấy dây cột chặt cửa lại nên chúng không vào bắt anh em tù nhân được. Trong phòng thì các tù nhân đã nấu sẵn mấy nồi nước to, chuẩn bị mền nhúng vào nước để khi địch ném lựu đạn cay vào phòng thì mình lấy bỏ vào trong nồi nước. Cuối cùng địch đem gió đá thổi cửa vào cũng bắt được anh em. Trong lần này, chúng đưa cả số tù nhân ở Thủ Đức đi cùng, tổng số đợt này là 621 người. Đưa lên tàu, địch tiếp tục đánh đập, hành hạ, chúng còng tù nhân dưới hầm tàu rồi xả nước ngập lưng người. Tới Côn Đảo, tàu vừa thả neo thì tù nhân bị bọn địch lừa bước lên xà lan và chịu ngay những trận đánh phủ đầu. Chúng đưa tôi về trại 7 Chuồng cọp cùng với số tù nhân khác, tiếp tục chịu những trận đòn mà chúng gọi là “thù tục nhập trại”. Nhất là những tên trật tự thuộc đối tượng là tù thường phạm ra làm trật tự, an ninh cho địch, chúng đánh đập dã man hơn.

Ở Côn Đảo, chúng đánh tôi vì chống chào cờ, chống đi làm khổ sai. Trong khi tôi xác định mình có chết cũng không chào cờ hay đi làm khổ sai, mình chống tới cùng. Sáng chúng đánh, chiều đánh, đến nỗi tôi không ngồi dậy được, một số người chịu không được cũng dần dần phải đi làm khổ sai gần hết, trong phòng tôi chỉ còn lại 16 người quê ở Tây Ninh và Mỹ Tho. Chúng bắt tất cả lên Ban An ninh, lấy 5 cây roi mây, mỗi cây bằng ngón tay cột lại thành một bó rồi đánh. Chúng bắt tất cả nằm sấp, mỗi lần quất xuống chúng tính 5 roi, đánh bao giờ chúng đếm đủ 150 roi thì ngưng. Sau đó, chúng đưa tôi và những người khác nhốt vào trong chuồng bò, một tháng chúng lại đưa trở về khu D Chuồng cọp. Đây là khu chúng dùng để giam những người cách mạng nòng cốt tầm cỡ như Bí thư Tỉnh ủy, Trung tá quân đội... về đây thì khỏi nói, phong trào đấu tranh ngày càng dâng cao, học tập chính trị nâng cao nhận thức, xác định lập trường.

Khí tiết của người cộng sản là kiên quyết chống tới cùng, không khi nào chịu đầu hàng. Đã chấp nhận trong đất liền chúng đã đánh cỡ nào, chết đi sống lại bao nhiêu lần mà mình chịu đựng nổi, thì khi ra đây dù giá nào mình cũng không chịu đầu hàng tại nó. Chuồng cọp có hai dãy phòng hai bên có một lối đi ở giữa. Trong phòng có mấy người cỡ cấp lớn dạy chính trị, giảng về đường lối cách mạng Việt Nam, tôi tham gia học chính trị. Khi mình đã chống được rồi, nó đưa lên phòng, mình ngồi trong phòng học vẫn thảo luận, vẫn chửi Mỹ tự nhiên. Giờ nó có đi ngang qua nghe thấy nó cũng không dám đụng tới mình. Chỉ khi nào nó được lệnh từ trong Sài Gòn ra thì nó mới dám đàn áp.

Tôi nhớ vào dịp cuối năm 1974 đầu năm 1975, trong lúc chuẩn bị làm lễ đón giao thừa thì địch tiến hành đàn áp. Mỗi phòng giam Chuồng cọp bề ngang 7 tấc, dài 1 mét 4 chúng nhốt 5 người. Lúc này chuẩn bị giải phóng, chúng dồn vào tới 10 người mỗi phòng. Chúng dựng một thùng cầu trong phòng để mọi sinh hoạt của tù nhân đều diễn ra trong đó. Chúng không cho đồ cầu, chúng còn đồ phân cầu tiêu lên trên người tù nhân, dòi, bọ bò ngồn ngang, dơ dáy mất vệ sinh khủng khiếp. Tôi đến, tù nhân không có đủ chỗ để ngủ, chỉ dựa lưng vào vách tường cố gượng đứng qua đêm.

Chúng gian ác vô cùng. Mục đích của chúng lúc này là dồn 10 người vào chung một phòng để chúng hủy diệt tù nhân. Chúng đã chuẩn bị cho mỗi phòng một trái lựu đạn, nhưng không ngờ trong đất liền, lực lượng cách mạng tấn công nhanh quá nên ngoài đây chúng làm không kịp.

Ngày 30/4/1975, lúc 11 giờ đêm tên cảnh sát làm trại trưởng trại 7 nó đem vào trong phòng giam một cái máy radio để tù nhân nghe tin tức chiến sự. Trước đó, thông tin chiến thắng của ta từ các chiến trường đã được anh em tù nhân ở đây thông báo cho nhau, nắm rất chắc tình hình nên ta chủ động được. Mấy anh em trại 7 yêu cầu tên trưởng trại đưa chìa khóa để phá khám. Nó mở một phòng, rồi đưa chùm chìa khóa cho anh em tự đi mở các phòng còn lại. Chúng tôi nhận nhiệm vụ tới trại lính lấy súng

địch để tự trang bị được một Trung đội, dùng xe GMC của địch qua tiếp quản bên phi trường Cỏ Ống. Ở phi trường bọn lính nghĩa quân, địa phương quân, cảnh sát... chúng dồn tập trung về đây hết. Điều thuận lợi ở đây là ta đã được tên Đại úy đi thu gom hết súng đạn của bọn lính, nhốt bọn lính bên Côn Sơn lại bên trong đồn không cho ra. Khi chúng tôi chạy tới, tên Đại úy ra gặp, được chúng tôi tuyên truyền về chính sách khoan hồng của cách mạng, của chính phủ cách mạng lâm thời đối với anh em binh sĩ ngụy đầu hàng... tên Đại úy nghe xong dẫn chúng tôi tới kho súng để bàn giao. Ta sử dụng mấy chiếc xe GMC chở súng về bên Côn Sơn để trang bị cho ta bên đây, rồi ta tiếp quản nốt căn cứ Mỹ ở đây. Bọn lính Mỹ đến sáng ngày 30/4 chúng mới xuống tàu rút khỏi Côn Đảo.

Ở Côn Đảo, ta cho thành lập các ban để điều hành các nhiệm vụ tiếp quản, các anh em tù chính trị bị liệt, bại thì được tổ chức sắp xếp cho về đất liền trước, còn một số anh em khỏe mạnh thì ở lại tiếp quản thêm một tháng, sau đó bàn giao lại cho Quân khu 9 quản lý. Sau đó, tôi xuống tàu về đất liền cùng với Tiểu đoàn 440 của tỉnh Biên Hòa.

“ĐÔI BẠN TÙ”

Về đất liền tôi về Ban Tổ chức Tỉnh ủy, lúc này gọi là Ban quân quản, chưa tách tỉnh. Đồng Nai với Bà Rịa còn chung nên Ban quân quản còn ở dưới Bà Rịa, Tỉnh đội cũng ở Bà Rịa. Tôi được Ban Tổ chức Tỉnh ủy cho an dưỡng ở Vũng Tàu một tháng, sau đó trở lại Ban Tổ chức Tỉnh ủy làm kiểm điểm trong thời gian bị bắt ở tù, sau đó hồi phục Đảng, rồi đưa về Tỉnh đội. Một thời gian có quyết định về phụ trách công tác tuyển quân ở Huyện đội Xuân Lộc. Ngày 21/8/1988, tôi được về phục viên. Trong đợt này có 180 đồng chí sỹ quan phục viên về địa phương. Về nhà, hai vợ chồng không có nhà cửa, phải ở nhờ nhà mẹ vợ tại xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc.

Vợ tôi là Nguyễn Thị Kiêm, sinh năm 1951, là con thứ ba trong gia đình 7 anh chị em. Bố mẹ là dân công tra, quê gốc ở bên Tân Uyên, Bình Dương. Năm 1962, vợ tôi theo cha mẹ chuyển

cư vào xã Bảo Chánh, huyện Xuân Lộc. Cha mẹ về đây không có ruộng rẫy, phải đi làm thuê làm mướn kiếm sống. Năm vợ tôi 15, 16 tuổi ở vùng này là vùng xôi đậu, ban ngày là địch ban đêm là ta, vợ tôi đi làm thường xuyên gặp cán bộ cách mạng nên các anh chị tuyên truyền nên vợ tôi đã nhận thức được mục đích của việc làm cách mạng là gì. Các anh chị giao nhiệm vụ cho làm công tác nắm tin tức của địch hoạt động ở đây và đưa tin tức từ xã này qua xã kia cho cách mạng. Năm 1968, địch tăng cường củng cố hệ thống đồn bót, căn cứ, việc đi lại khó khăn nên vợ tôi thoát ly tham gia vào du kích xã Bảo Chánh do đồng chí Ba Xăng làm đội trưởng. Đội du kích có 6, 7 người, bám trụ đánh địch tại xã. Ngày 5/9/1969, trong trận bắn máy bay trực thăng của địch tới đánh phá căn cứ tại khu Lò Than¹, mấy đồng chí du kích nam nhanh chân chạy thoát, còn vợ tôi chạy không kịp nên bị địch vây bắt. Năm 1969, chúng đưa ra Côn Đảo. Năm 1973, chúng đưa về giam tại nhà lao Tân Hiệp. Được mấy tháng, chúng lại đưa trở lại Côn Đảo lần thứ hai để giam giữ cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Cũng là bạn tù hồi còn ở chung ngoài Côn Đảo. Ngày mới giải phóng Côn Đảo, tôi chưa quen biết vợ tôi, khi tôi đi tiếp quản phi trường Cỏ Ống, đến tối tôi kêu tên lính ngự lái xe zEEP về bên Côn Sơn để đi tìm đồng hương cùng ở tù quê Long Khánh. Ở Côn Sơn tôi gặp mấy chị em cùng ở Long Khánh, nên làm quen. Một tuần sau, ở đảo các tù nhân tổ chức biểu diễn ca nhạc. Từ phi trường, tôi chạy xe về Côn Sơn xem văn nghệ thì gặp vợ tôi đang múa điệu trống cơm. Từ đó quen dần. Đến lúc về đất liền thì vợ tôi cũng được đưa về Ban Tổ chức Tỉnh ủy, thuộc đối tượng Ban Tổ chức Tỉnh ủy quản lý. Vợ tôi được đi an dưỡng bên Nhà thương binh xã hội, sau chuyển ra Vũng Tàu. Sau khi an dưỡng xong, vợ tôi được phân công về công tác tại Tỉnh đoàn Đồng Nai. Tôi thì đang công tác ở Tỉnh đội, hai người tiếp tục qua lại tìm hiểu. Cuối năm 1975, chúng tôi quyết định đến với nhau, hai cơ quan Tỉnh đội và Tỉnh đoàn đứng ra tổ chức tuyên bố cho chúng tôi thành vợ, thành chồng.

¹ Nay là ấp Bảo Chánh, xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc.

Ký ức **VÀNG LỬA**

Hai vợ chồng tôi sinh được bốn người con, hai trai hai gái. Do kinh tế gia đình khó khăn nên các con tôi không được đi học đến nơi đến chốn, chỉ có người con út được gia đình cho đi học được hết lớp 12 rồi cũng nghỉ ở nhà phụ giúp cha mẹ làm công việc gia đình.

Những năm thời kỳ còn bao cấp và nhiều năm sau này, không có đất ở, hai vợ chồng phải thay nhau đi làm mướn kiếm sống, đôi khi vợ tôi phải qua Bình Dương bán vé số để có tiền trang trải và nuôi dạy mấy đứa con thơ. Cuộc sống vất vả, nhưng hai vợ chồng tôi đều tâm niệm phải sống sao cho xứng đáng với bản thân, phải cố gắng vươn lên. Cùng với sự quan tâm giúp đỡ, động viên nhiệt tình của đồng chí, đồng đội năm xưa, của Ban Liên lạc Tù chính trị tỉnh đã giúp cho chúng tôi, một “đôi bạn tù” có thêm sức mạnh để vượt qua những khó khăn trước mắt. Trời không phụ lòng người, sau nhiều năm vật lộn với cái ăn, cái mặc, hiện nay gia đình tôi kinh tế cũng đã dần tạm ổn, con cái trưởng thành và đã có gia đình. Các con tôi dù không được học hành nhưng vẫn chịu thương chịu khó làm ăn, ngoan ngoãn nghe lời cha mẹ. Đó là niềm động viên, an ủi rất lớn, bù đắp những khó khăn, vất vả của hai vợ chồng những năm trước đây. Hai cuộc đời một chí hướng, hiện nay hai vợ chồng tôi vừa mới xây được một căn nhà cấp bốn khá khang trang, hàng ngày chăm sóc, ngắm nhìn những đứa cháu nội, cháu ngoại đang vui đùa, nghịch ngợm trong cảnh sống thanh bình mà thấy lòng nhẹ nhàng, hạnh phúc, không uổng một đời mình đã đi làm cách mạng cho đất nước được độc lập, thống nhất.

Đoàn Trung Kiên (ghi)

NGÔ BÁ CAO:

KÝ ỨC ĐỒNG CHÍ NGÔ BÁ CAO

TUỔI TRẺ - CHÍ LỚN

Đồng chí Ngô Bá Cao (tức Ngô Quang Cao), sinh ngày 20/01/1924 trong một gia đình có cha là thợ mỏ, mẹ là bần nông tại xã Xuân Tiến, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định - một vùng quê nằm giữa ba con sông: sông Hồng, sông Ninh Cơ và sông Sò, giáp với Giao Thủy.

Tuổi thiếu niên, Ngô Bá Cao được cha mẹ cho thọ giáo Nho học 10 năm và học hết tiểu học; bản thân có tư chất thông minh, khả năng thơ phú, nhất là thơ Đường luật. Là con trai độc nhất trong gia đình, năm 16 tuổi cha mẹ cho cưới vợ là Vũ Thị Nhi để sớm có cháu nối dõi tông đường.

Năm 1943, Ngô Bá Cao mới 19 tuổi, trước tình cảnh khó khăn ở quê nhà, để nhẹ gánh cho gia đình; anh đã rời Xuân Trường - Thành Nam hành trình về phương Nam làm công nhân để kiếm sống. Anh đã đến nhiều nơi, từ Nhà máy đường Hiệp Hòa, Tây Ninh đến Sài Gòn, lên Đà Lạt, rồi sang Campuchia. Từ chỗ chứng kiến cảnh lâm than, khổ cực của người nông dân ở quê nhà, đến đời thợ bị bóc lột đến cùng cực trong các xưởng máy, hầm mỏ, đồn điền - mà bản thân cũng là một công nhân nên anh rất đồng cảm sẻ chia với nỗi nhọc nhằn của những người cần lao, cùng khổ. Từ đó anh sớm giác ngộ chủ nghĩa yêu nước và ý thức cách mạng.

Đầu năm 1945, Ngô Bá Cao đến Biên Hòa và chọn nơi đây làm điểm dừng chân của mình. Tại đây, anh tham gia Cách mạng tháng Tám thành công, tinh thần yêu nước cùng với nhiệt huyết của tuổi trẻ; anh đã gia nhập Quốc gia Tự vệ cuộc - tiền

thân của Công an nhân dân ngày nay, lúc đó do đồng chí Ngô Hà Thành chỉ huy.

Trong nhật ký của đồng chí Ngô Bá Cao ghi cảm xúc về Cách mạng Tháng Tám:

“Lúc đó tôi là thanh niên mới 22 tuổi, sống trong tâm trạng vui mừng không thể diễn tả nổi, tôi như sống bồng bềnh trên mây, cả ngày không một hột cơm mà vẫn lao vào công việc của Việt Minh giao...”.

TRÁCH NHIỆM NẶNG NỀ - LẠC QUAN CÁCH MẠNG

Với phong cách hoạt động sôi nổi, gắn bó mật thiết với nhân dân và đạt hiệu quả cao trong xây dựng lực lượng, tổ chức đánh địch, cuối năm 1946, Ngô Bá Cao được các đồng chí Huỳnh Văn Lũy (Tỉnh ủy viên tỉnh Biên Hòa) và Nguyễn Văn Nghĩa (Phó chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh Biên Hòa), là hai trí thức, đảng viên cộng sản có uy tín của địa phương, giới thiệu và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương.

Tháng 3/1947, khi vừa mới được công nhận đảng viên chính thức, đồng chí Ngô Bá Cao được tin nhiệm chỉ định làm Huyện ủy viên phụ trách tuyên huấn của huyện Châu Thành, tỉnh Biên Hòa. Tháng 12/1947, Tỉnh đội bộ quân dân Biên Hòa được thành lập. Quận đội bộ dân quân Châu Thành cũng được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai Ban Công tác liên thôn 4 và 5. Ngô Bá Cao là Ủy viên Thường vụ, Chính trị viên Huyện đội.

Tháng 7/1948, thực hiện chủ trương phá hoại kinh tế địch, đồng chí Ngô Bá Cao nảy ra sáng kiến, Chỉ huy lực lượng du kích và các đoàn thể huyện chốt cù thành từng đống, đốt cháy trên quốc lộ I (gần bệnh viện tâm thần hiện nay); giặc Pháp hốt hoảng, tưởng du kích ta hoạt động nên lệnh cho pháo từ tiểu khu Biên Hòa bắn vào nơi cháy sáng. Mưu mẹo của ta đã đánh lừa giặc Pháp và tự chúng dùng pháo phá đường cho kháng chiến. Kinh nghiệm “phá hoại cũng là kháng chiến” của huyện Vĩnh Cửu được Tỉnh ủy khen ngợi và phổ biến cho các nơi học tập.

Theo kế hoạch hoạt động vùng sâu, Đại đội Lam Sơn bí mật thọc sâu ém quân ở Bến Cá hỗ trợ cho du kích tập trung huyện diệt tên Tây sứt ở bót Tân Xuân.

Lúc bấy giờ Đại đội Lam Sơn đứng chân hoạt động chính tại Chiến khu Bình Đa, một căn cứ kháng chiến của huyện Châu Thành, huyện Vĩnh Cửu, chỉ cách trung tâm tỉnh lỵ Biên Hòa khoảng 3 km theo đường chim bay, là mối đe dọa thường xuyên với thực dân Pháp. Nhiệm vụ của Đại đội Lam Sơn không chỉ bảo vệ Chiến khu Bình Đa, bảo vệ Đảng và nhân dân, đánh giao thông, làm nòng cốt cho phong trào du kích chiến tranh trong địa phương, mà còn đảm đương một công việc quan trọng là đưa đón, bảo vệ các đoàn cán bộ, đảm bảo tuyến giao thông huyết mạch từ Chiến khu Đ về Hồ Cạn, Bình Đa vượt các lộ 1, 20, 15, đường sắt để về hướng Xuân Lộc (bao gồm cả huyện Long Khánh ngày nay).

Vừa là cán bộ chính trị, quân sự đồng thời làm công tác tuyên huấn; đồng chí Ngô Bá Cao đã sử dụng thơ, văn để tuyên truyền, động viên bộ đội và nhân dân kháng chiến, tiêu biểu như:

ĐẠI ĐỘI LAM SƠN

Tiền thân là Vệ quốc đoàn

Biên chế chi đội hoàn toàn - dưới trên

Lúc mang B8 là tên,

Khi làm nhiệm vụ xây nền B5,

Đường rầy, lộ: một, mười lăm

Kim chân giặc Pháp khó nhằm đánh ta

Đứng chân bám trụ Bình Đa

Định hình tên mới, ấy là Lam Sơn

Địa bàn hoạt động rộng hơn

Đại đội độc lập Lam Sơn lúc này

Tung hoành ngang dọc bấy nay

*Khiến cho lũ giặc chùn tay chiến trờng
Chuyển thành đại đội địa phương
Huấn luyện du kích mở đường lưu thông
Chống càn bảo vệ ruộng đồng
Nhân dân quý mến hết lòng thương yêu
Cấp trên tin cậy càng nhiều
Càng tròn trách nhiệm mọi điều được giao
Năm 1949, Đại đội Lam Sơn thắng lớn, đồng chí sáng tác bài
thơ ca ngợi:*

CHIẾN TUYẾN BÌNH ĐA

*Lam Sơn bám trụ Bình Đa
Đánh lũ giặc Pháp thành ma không đầu
An Hào bay chạy đi đâu
Vào Trưông nước Nhĩ mà châu Diêm Vương
Quân ta bám trụ ba đường
Giặc Pháp ngoan cố phơi xương chốn này
Lam Sơn làm chủ đường rầy¹
Đánh cho giặc Pháp đêm ngày thất kinh
Quốc lộ số 1 của mình²
Đánh cho lũ Pháp trở thành rụng đuôi
15 xir lộ chẳng nguôi³
Luôn luôn bị đánh đít đuôi bẻ đầu
Rạch Bùn mảy chạy đi đâu ?*

¹ Đường xe lửa.

² Quốc lộ 1A.

³ Quốc lộ 15, hiện nay là Quốc lộ 51 đi Vũng Tàu.

Chạy ra An Hào nhào đầu xuống sông

Bình Đa xóm Hóc đờng hòong

Chui đầu vào đó là không trở về

Truông Voi, Dốc Trại, Bờ Tre

Chưa đi tới đích chạy đề lên nhau

Mấy năm giặc Pháp bảo nhau

Đi đâu cũng được chớ vào Bình Đa

Giữa năm 1949, Đại hội đại biểu lần 2 Đảng bộ huyện Vĩnh Cửu được tổ chức tại Chiến khu Bình Đa. Đây là đại hội lần đầu tiên đã bầu cử dân chủ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện. Đồng chí Phạm Văn Bính được cử làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Ngô Bá Cao, Phó Bí thư, chính trị viên Huyện đội Vĩnh Cửu.

Tháng 6/1950, giặc Pháp càn quét Bình Đa bốn trận. Trong các trận 11 và 23 tháng 6, Đại đội Lam Sơn phối hợp với du kích Bình Đa dùng chiến thuật chim sẻ đánh từ vòng ngoài giáp đường 15 nên chúng chưa lọt vào căn cứ đã phải rút lui.

KHÍ CHẤT CÁCH MẠNG

Pôn (Paul) Thiên là linh mục nhà thờ Long Điền tự nhận là Ủy viên Mặt trận Liên Việt Nam Bộ, nhận đỡ đầu Đại đội Lam Sơn, tặng đơn vị một số tiền và hàng “để ủy lạo bộ đội”. Ông dò biết Đại đội trưởng Hoàng Maní (Lê Minh Hoàng) vốn là tín đồ đạo Thiên Chúa nên dụ dỗ anh: “Con mà về thành thì ngài Đại tá Côlônen sẽ cho làm lớn”. Anh Hoàng đem việc này báo cáo với Chính trị viên Huyện đội Ngô Bá Cao. Mặt khác, Pôn Thiên định dùng kế mỹ nhân đánh người vào cơ quan Huyện đội. Ông cài một nữ gián điệp 18 tuổi đến chỗ đồng chí Ngô Bá Cao, nói là gửi em gái ruột tham gia kháng chiến. Biết ý đồ của ông linh mục này nên đồng chí Ngô Bá Cao “từ chối khéo” bằng cách gửi cô này sang Hội phụ nữ huyện để “rèn luyện”; Pôn Thiên thấy “mỹ nhân kế” không thành nên rút cô này về.

TÌNH QUÂN DÂN

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đang trên đà thắng lợi thì năm 1952, thiên tai ập đến. Đồng chí Ngô Bá Cao ghi lại:

“Trận bão lụt lịch sử năm Nhâm Thìn bắt đầu từ ngày 18/10/1952. Mưa từ trên thượng nguồn trở xuống. Nước sông Đồng Nai cuộn cuộn chảy, lên cao từng giờ. Bầu trời xám nặng như chì nhưng đã hai ngày từ Lạc An, Đại An trở xuống vẫn chưa mưa. Huyện đội Vĩnh Cửu và Đại đội Lam Sơn đang đứng chân ở xã Đại An, quan hệ giữa đôi bên như người trong nhà. Chiều 20/10, một chiếc ghe của bộ phận quân nhu Đại đội (do anh Phát râu điều khiển) chở một số cán bộ Huyện đội và Đại đội Lam Sơn qua Lạc An làm đám cưới cho anh Chín Tô, Phó Chủ tịch huyện Vĩnh Cửu, với chị Tâm. Đám cưới gần xong thì mưa to, gió lớn nổi lên; mái hội trường lợp bằng lá dừa chằm bị tốc và sập một góc sau khi lễ cưới đã xong. Các đại biểu cơ quan dân chính Đảng tham dự đều bị ướt.

Sáng ngày 21, từ Lạc An nhìn qua màn mưa đã giảm, tôi thấy nước sông Đồng Nai tràn bờ, ngập cả đường đi và đồng ruộng mênh mông như biển. Nhiều người dân Đại An bị lũ lên bất ngờ ban đêm, không kịp chạy lên nông cao gần rừng đã trèo lên cây xoài, cây sao, cây sấu...tránh nước, chờ người đến cứu. Kiến, rắn, bò cạp... cũng leo lên cây tránh nước, bà con la hét ầm ỹ xua chúng; để sống còn, các loài vật cũng chống trả quyết liệt.

Tôi, anh Lê Thoa và các đồng chí Chỉ huy Lam Sơn hội ý quyết định:

- Phải về cứu đồng bào.

Chúng tôi lấy chiếc ghe quân nhu (anh Phát râu làm tổ trưởng). Tôi nói:

- Anh đưa chúng tôi qua bên đó với đồng bào.

- Nước sông chảy xiết thế này, qua sông không đảm bảo.

- Đảm bảo hay không đảm bảo, cũng phải đi với đồng bào, không thể để bà con la hét kêu cứu khổ như vậy, mình không

đành lòng!

Sự thật lúc đó tôi chèo ghe không giỏi, chỉ muốn động viên anh em về cứu dân. Phát có chuyên môn, quen với ghe thuyền hơn tôi nhiều. Anh phát biểu:

- Bây giờ không thể qua sông được, nước sông chảy xiết như mũi tên bắn...

Phải tìm mọi cách qua để cứu bà con. Ai đi với tôi nào? Tôi chèo lái, ai chèo mũi?

Tôi nhảy xuống ghe đầu tiên, cầm mái chèo lái, anh Đặng Tuấn, Phó Bí thư Huyện ủy, xuống thứ nhì, cầm mái chèo mũi; Phát xuống giữa ghe (làm tham mưu cho tôi), anh Tám Thăng (Huyện ủy viên) xuống thứ tư rồi đến anh Hồng Dương (cũng là Huyện ủy viên). Chuyền qua sông này cả thầy có tới bốn ủy viên cấp huyện. Qua cánh đồng Lạc An, ghe đi bình thường vì nước chảy nhẹ nhẹ. Ra tới sông Đồng Nai, nước lòng lên cuồn cuộn như tên bắn. Phát hỏi:

- Anh định đi chỗ nào?

- Tôi định vào chỗ trống dưới cây xoài đó.

- Không được, nếu thế anh phải đi vào từ đây, nếu tới đó thì ghe sẽ tấp vào bụi tre là chết hết.

Nghe lời Phát, tôi quay mũi ghe từ khoảng trống ở đoạn trên này. Dòng nước đẩy chiếc ghe lao vùn vụt như mũi tên bắn chéo qua sông. Vào được bờ Đại An, mái chèo lái quẹt vào bụi tre, chậm vài giây, chiếc ghe rúc vào bụi tre thì không anh em nào sống sót! (Sau đó tôi tuyên dương ngay Phát). Vào khu vực ruộng nước, nước không xoáy xiết nữa, chúng tôi bắt đầu đi vớt ông bà già, con nít... đưa lên các nong cao gần rừng. Số khỏe mạnh tìm cây chuối ôm bơi vào nơi an toàn.

Bà con đói, anh em chèo ghe đi tìm chuối chặt lấy buồng và lặn xuống nước nhổ những bụi khoai mì có ngọn vươn khỏi mặt nước để phân phát ăn tạm. Chúng tôi đi ngang nhà bà con, tìm thấy thứ gì có thể ăn được cũng lượm lấy rồi mang chia cho bà con. Suốt ngày quần quật chỉ với chiếc xà lòn và áo thun,

không ai thấy mệt. Chiều hôm đó, chúng tôi chèo ghe qua Lạc An để báo cáo tình hình với các đồng chí ở bên đó, kèm theo một ít khoai mì và chuối tiếp tế.

Sau đó, Huyện ủy phân công anh Bính về Tỉnh ủy, anh Chín Tò về Ủy ban kháng chiến hành chánh tỉnh, anh Lê Thoa về Tỉnh đội báo cáo tình hình và xin cấp trên tiếp tế cho bộ đội, cán bộ, cứu trợ nhân dân vùng lụt ven sông. Tôi và các đồng chí đã có kinh nghiệm vượt sông lại trở về Đại An tiếp tục giúp đồng bào.

Khi sắp lụt, Xã đội trưởng xã Đại An là anh Dậu dẫn một tổ du kích đi quan sát bót Rạch Đông. Lũ lên, anh trèo lên một cây cao tránh nước. Mang theo 13 viên đạn, thỉnh thoảng anh lại bắn một phát (có lẽ để cấp cứu); nghe tiếng nổ “đòm” rờ rạc, chúng tôi không hiểu ra sao. Sau phát hiện được, anh em chèo ghe đến đón về.

Nước lũ dâng rất nhanh, lính bót Rạch Đông và bót Ông Hường sợ quá, kêu toáng lên: “Huyện đội Vĩnh Cửu ơi, Huyện đội Vĩnh Cửu... Cứu chúng em với! Chúng em sẽ ơn đền, nghĩa trả...”. Tôi lệnh cho Đại đội Lam Sơn mượn chiếc ghe to của quân lương tỉnh (chờ được khoảng một trung đội) đi cứu họ. Ghe vừa ra tới bờ rừng thì anh em thấy một chiếc tàu lồng cu Pháp từ Biên Hòa lên vớt lính về dưới đó.

Địch rút xong, ta chèo ghe ra, anh em lặn vớt được mấy cây súng mứt và rất nhiều đồ hộp, rượu Tây... gạo thì ít hơn. Mấy anh em thấy một chiếc tủ sắt chìm dưới một gang tay nước, định tìm búa tính đập ra xem bên trong có gì. Tôi nhìn rõ chữ Frigid-aire (tủ lạnh) bèn ngăn lại, huy động anh em (khoảng một tiểu đội) khiêng vớt lên ghe chờ tủ về. Chúng tôi phân phát thịt hộp cho bà con Đại An ra đón đông vui, hoan hô chúng tôi như trong cuộc mít tinh lớn, như người dân hân hoan ra đón tàu sau chuyến đi biển thắng lợi trở về. Báo cáo lên Phân liên khu miền Đông về cái tủ lạnh, các anh trên đó mừng quá, đánh giá chiến lợi phẩm này mang lại hạnh phúc cho cả miền Đông. Các anh cấp tốc cử người xuống mang về trên. Đây là chiếc tủ lạnh chạy bằng dầu, chỉ lau chùi kỹ và sửa sơ sơ, châm dầu, đốt đèn bên trong thì tủ

hoạt động liên. Bác sĩ Hồ Thu đang nghiên cứu làm thuốc Filatov bằng nhau thai, rất cần tủ lạnh để bảo chế. Mẹ Filatov quý giá dầu tiên được dành tặng cho tỉnh Biên Hòa.

Trong khó khăn của trận bão lụt Nhâm Thìn 1952, vừa cứu đói, vừa chống dịch càn, nhưng đồng chí Ngô Bá Cao vẫn giữ tinh thần lạc quan, thể hiện trong bài thơ:

BỤNG ĐÓI ĐÁNH HĂNG

*Đánh giặc đâu màng lúc đói no
Bao đời truyền thống để gương cho
Lam Sơn bụng đói không ngừng đánh
Vĩnh Cừu bền lòng chẳng giảm lo
Bão lụt hoành hành gây thiếu đói
Quân thù lợi dụng đánh càng to
Ta càng đánh lại càng hăng máu
Pháp bại đầu hàng vác mặt mo*

(Ngô Bá Cao, 1952)

Năm 1954, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Thủ Biên trong việc phối hợp với chiến trường chính Điện Biên Phủ, Tỉnh đội chủ trương mở đợt tiến công quân sự rộng khắp. Hiệp định Genève được ký kết (20/7/1954), chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương. Ngày 11/8/1954, lệnh ngừng bắn của Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam - theo tinh thần của Hiệp định Genève được thực hiện.

NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG MỚI

Kết thúc 9 năm kháng chiến chống Pháp, đồng chí Ngô Bá Cao được Đảng phân công ở lại miền Nam, bám trụ địa phương triển khai nhiệm vụ tuyên truyền thắng lợi của Hiệp định, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên, quần chúng vào cách mạng và

Ký ức **VÀNG LỬA**

lãnh đạo phong trào đấu tranh của quần chúng.

Đầu năm 1956, Tỉnh ủy Biên Hòa được kiện toàn tổ chức: đồng chí Hoàng Tam Kỳ, Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Ngô Bá Cao và đồng chí Huỳnh Văn Lũy, Phó Bí thư. (Giai đoạn 1957 - 1959, đồng chí Ngô Bá Cao làm Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa).

Tháng 1/1957, để đối phó với hoạt động đánh phá ác liệt của địch, bảo vệ cán bộ; đồng chí Ngô Bá Cao thay mặt Tỉnh ủy Biên Hòa đến phổ biến Chỉ thị điều lắng (4 HBC) tại Bình Ý, nội dung chuyển vùng hoạt động những cán bộ bị địch phát hiện. Để đảm bảo cho việc lãnh đạo, chỉ đạo, Tỉnh ủy tổ chức các Ban chuyên môn: Ban căn cứ giao liên do đồng chí Ngô Bá Cao trưởng ban; Ban Tuyên huấn do Hoàng Tam Kỳ làm trưởng ban; Ban địch tình kiêm tài chính do đồng chí Bảy Hồng Vũ làm trưởng ban, Huỳnh Việt Thắng phó ban; Ban binh vận do đồng chí Phạm Văn Thuận làm trưởng ban...

Đầu năm 1957, địch chiếm đất làm xa lộ Biên Hòa - Sài Gòn nhằm phục vụ ý đồ mở rộng chiến tranh. Việc làm này ảnh hưởng trực tiếp đến vùng căn cứ kháng chiến cũ Bình Đa. Huyện ủy cử hai đồng chí Nguyễn Đông Châu, Phan Văn Trang xuống nghiên cứu chỉ đạo nhân dân đấu tranh, đồng chí Ngô Bá Cao cũng thường xuyên xuống đây theo sát để góp ý chỉ đạo cuộc đấu tranh.

Sau khi Đại đội C250 phối hợp lực lượng biệt động Thị xã Biên Hòa tiến công tiêu diệt hai tên cố vấn quân sự Mỹ tại Nhà máy cưa BIF Biên Hòa (7/7/1959). Địch cho rằng “chủ mưu” là “tình trường việt cộng” Ngô Bá Cao, Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa; chúng treo giải thưởng lớn cho ai bắt được Ngô Bá Cao và Phạm Văn Thuận.

Cuối tháng 8/1959, tên Ba Chánh (Trưởng ban giao liên tỉnh) bị bắt, đầu hàng giặc. Tên Ba Chánh dẫn công an bắt đồng chí Ngô Bá Cao tại nhà chị Hai Xuân ở ấp Tân Bản, phường Bửu Hòa. Chỉ trong vòng mấy tháng (từ tháng 5 đến tháng 8-1959) hơn 300 cán bộ, đảng viên trong tỉnh bị địch bắt, lực lượng cách

mạng tiếp tục bị tổn thất, nặng nhất là các cơ sở Đảng ở nội thành, nội thị. Các chi bộ Đảng ở Biên Hòa bị phá rã, có nơi trắng, có nơi còn đảng viên lẻ. Phong trào cách mạng Biên Hòa đứng trước thử thách nghiêm trọng.

ĐẤU TRANH CÂN NẪO

Sau chiêu bài dụ dỗ, mua chuộc, kêu gọi hợp tác không kết quả; suốt bốn tháng ròng, bằng đủ mọi cực hình tra tấn, Mỹ-Diệm cố ép đồng chí Ngô Bá Cao nhận trách nhiệm về trận đánh “Nhà xanh - BIF” giết hai tên sĩ quan Mỹ, làm bị thương hơn một chục tên khác. Mặc dù thân thể bầm dập tới tả, chết đi sống lại 11 lần, sức kiệt đi không nổi, nhưng đồng chí không nhận. Ngày 29/12/1959, trước tòa án quân sự đặc biệt Biên Hòa, các chiến sĩ cách mạng đều phản đối lời buộc tội của chúng¹. Bọn quan tòa đui lý, cuối cùng chúng phải tuyên bố “tha bổng” Ngô Bá Cao về tội giết Mỹ, nhưng lại ghép vào tội “cộng sản nằm vùng phá hoại quốc gia” rồi dựa vào Luật 10/59 tuyên án bừa:

- Từ hình ba người: Ngô Bá Cao, Võ Văn Khộn (Bảy Lan), Nguyễn Văn Dận (Ba Đảo).

- Võ Văn Xường 20 năm tù.

- Mười Hậu (Trần Văn Hậu) và Dương Hữu Lễ 10 năm tù.

- Tha bổng Nguyễn Văn Hải.

Trong thời gian bị biệt giam với các tù tù ở khám Chí Hòa, đồng chí Ngô Bá Cao bị giam chung với các đồng chí Hoàng Lê Kha và Nguyễn Văn Đảng. Cận kề cái chết, đồng chí vẫn luôn lạc quan tình yêu cách mạng, như đồng chí bày tỏ trong bài thơ

¹Các đồng chí đã nêu cao khí tiết của người cộng sản, danh thép tố cáo âm mưu xâm lược và tội ác của đế quốc Mỹ và tay sai: “Chúng tôi yêu nước, chúng tôi không có tội. Kẻ có tội chính là Hoa Kỳ cướp nước Việt Nam. Kẻ có tội là bọn tay sai bán nước cho Hoa Kỳ, giày xéo dân Việt Nam”. Các đồng chí đã biến tòa án quân sự đặc biệt của kẻ thù thành cuộc vạch trần bọn xâm lược và tay sai bán nước. Cuộc đấu tranh của những người cộng sản Biên Hòa đã có tác động mạnh mẽ với quần chúng nhân dân, với báo chí và dư luận tiến bộ trong và ngoài nước. Mọi người, kể cả bọn nguy có mặt tại phiên tòa đều phải khâm phục ý chí của người cộng sản.

Ký ức **VÀNG LỬA**

Trước máy chém quân thù, viết vào mùa xuân năm 1960:

*Dẫu ngày mai đâu có rơi khỏi cổ
Cũng thỏa lòng xúng đáng mặt nam nhân
Nhưng đường đi mới tới được hai phần
Thì hôm nay đã lọt vào tay giặc
Bao tra tấn, bao cực hình hà khắc
Cùng bao lần, giặc mơn trớn dụ đầu hàng
Uổng công toi, lũ bán nước dã man
Ta khẳng giữ một lòng son vì Đảng
Đã sẵn rồi một thái độ hiên ngang
Sẽ anh dũng bước trên đài gươm máy.*

Sau khi đồng chí Nguyễn Văn Đảng bị đưa lên máy chém ở Trảng Bom, rồi đến đồng chí Hoàng Lệ Kha bị đưa đi chém ở Tây Ninh, đồng chí Ngô Bá Cao vẫn bình tĩnh trước giờ kê cổ vào máy chém như lời tâm tình:

*Tôi cùng bạn chung án tử hình
Cùng vì dân nước, quyết hy sinh
Xem thường máy chém, khinh gươm súng
Một dạ trung thành, sống chết vinh.*

Tuy nhiên, bản án ngang ngược của Mỹ-Diệm vấp phải sức phản kháng của nhân dân cả nước. Các giới đồng bào Biên Hòa trong vòng kèm kẹp của giặc liên tiếp ký bốn đợt kiến nghị đòi hủy bỏ bản án. Đồng bào miền Bắc sôi nổi họp mít tinh đòi ngụy quyền Sài Gòn phải hủy bỏ bản án giết người. Hội luật gia dân chủ quốc tế cử đoàn bay sang Sài Gòn đòi hủy bỏ bản án tàn bạo để công lý của loài người được thực sự tôn trọng. Trước phản ứng rộng rãi trong nước và thế giới, Mỹ-Diệm lúng túng, lo sợ, vội vã đưa sáu người về khám Chí Hòa. Đã hai lần chúng đưa đồng chí Ngô Bá Cao ra máy chém, nhưng lại đình. Đến ngày

26/01/1961, đồng chí Ngô Bá Cao cùng các đồng chí còn lại bị chúng bí mật đày đi Côn Đảo.

Trong bài “BÁC HỒ TRONG TIM NGƯỜI TỬ TÙ - NGÔ BÁ CAO”, Huỳnh Văn Tới ghi:

Ngày 29/12/1959. Tòa án quân sự đặc biệt của Mỹ-ngụy xử tôi án tử hình theo Luật 10/59. Lãnh án tử hình, tôi biết cái chết kề bên nhưng nghe lòng bình thản lạ thường. Chỉ ân hận rằng vĩnh biệt bạn bè, người thân hơi sớm và không còn hy vọng được gặp Bác Hồ.

Những ngày nằm ở khám chờ ra pháp trường, tôi dọn lòng nghĩ đến Bác, tự kiểm điểm, động viên mình theo lời Bác dạy. Những vần thơ viết trong tù thực sự đã trở thành sức mạnh trong tôi:

*.... Mặc án tử hình giặc buộc con
Nhưng lời Bác dạy vẫn đương còn
Con thề, mãi mãi luôn ghi nhớ
Dẫu chết, không sờn dạ sắt son.*

Tôi đã chuẩn bị cho mình một cái chết thật đẹp, thật xứng đáng với lý tưởng của Bác:

*... Đã sẵn rồi một thái độ hiên ngang
Sẽ anh dũng bước lên đài gươm máy
Đầu sắp rơi, miệng vẫn còn hô mãi
Nước Việt Nam thống nhất muôn năm!
Đảng Cộng sản anh dũng muôn năm!
Hồ Chủ tịch, Người sống mãi muôn năm!*

Vì bị sức ép đấu tranh của đồng bào cả nước và nhân dân tiến bộ trên thế giới, hai lần giặc mang tôi đi chém, hai lần phải đình. Sau đó chúng đày ra Côn Đảo. Suốt 13 năm 1 tháng cầm cố tại tù Côn Đảo, tôi cùng bạn bè đồng chí tiếp tục đấu tranh để giữ tròn khí tiết. Vũ khí đấu tranh của chúng tôi, sức mạnh của chúng

tôi là hình ảnh Bác Hồ trong trái tim.

Ngày 26/1/1961, tôi bị đưa đến Côn Đảo. Tại đây, chúng giam tù từ hình vào khu “tu dưỡng” (trại II, banh I) chia thành 3 loại. Loại III là tù từ cộng sản, được xem là nguy hiểm nhất cần phải khu biệt để dễ trị. Như thế anh em tù cộng sản chúng tôi được dịp sinh hoạt chung, có tổ chức, học tập kinh nghiệm đấu tranh của các anh em đi trước.

Lần ấy, nhân ngày Ngô Đình Diệm tái đắc cử, bọn quản ngục liên hoan và muốn cả tù nhân Côn Đảo cũng phải suy tôn Diệm. Chúng mang bánh mì đến phát. Lao tù từ hình không ai chịu ăn. Tên trưởng trại đến dặn trước: “Trưởng quản đốc sắp vào thăm khu “tu dưỡng”. Ngài đến, tất cả phải cung kính, hô to khẩu hiệu: ủng hộ tổng thống Ngô Đình Diệm!”.

Đây là hiện tượng bất thường. Lâu nay, tù từ hình bị cấm cổ, chưa hề bị bắt buộc phải hô khẩu hiệu. Việc hô khẩu hiệu theo ý quản trại chỉ có bên tù thường phạm. Một cuộc hội ý chớp nhoáng để bàn cách đối phó. Anh em đều kiên quyết chống lại không suy tôn Diệm, nêu cao ý chí ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tên Thề (thiếu tá Tỉnh trưởng Côn Sơn, ác ôn khét tiếng) cùng lũ tay chân bước vào phòng 2. Tất cả tù cộng sản ngồi im, giương mắt nhìn Thề, chẳng có biểu hiện gì tỏ vẻ kính sợ. Một tên hùng hổ xông đến buộc tất cả phải đứng dậy hô khẩu hiệu. Chẳng ai nhúc nhích. Thề tức giận bỏ ra ngoài. Cả bọn thuộc hạ chạy theo. Chắc là Thề hội ý với bọn chúng cách trừng phạt cho nên chỉ nửa giờ sau, chúng quay lại đặng đặng sát khí. Một tên quản trại chỉ vào tôi:

- Thừa thiếu tá Tỉnh trưởng, đây là tên cầm đầu. Hắn là Tỉnh trưởng Việt cộng Biên Hòa. Ở đây tù cộng sản đều phục tùng nó hết.

Tôi biết cuộc chiến đấu bắt đầu, liếc mắt nhìn anh em để khẳng định lòng tin. Tên Thề bước đến túm ngực áo tôi:

- Mà tên gì?

- Ngô Quang Thanh.

- Tên thật kia?
- Ngô Bá Cao.
- Tại sao mày không chào tao hả?
- Chào theo kiểu lịch sự thì có thể, nhưng chúng tôi không thể theo lời các ông bắt buộc.
- Mày là tù, tao bắt mày làm gì chẳng được?
- Tôi không thể ủng hộ kẻ đã ra lệnh xử tử chúng tôi và dả đảo Người Cha kính yêu của mình.
- Bây giờ, tao ra lệnh, mày phải hô “Đả đảo Hồ Chí Minh”.
- Bác Hồ là người tôi nguyện suốt đời noi theo, làm sao có thể dả đảo Người cho được?

Tên Thẻ vung nắm đấm vào mặt tôi. Cuộc đấu khẩu được thay bằng trận đòn điên cuồng. Hấn đấm đá, quất nạt cho đến khi mệt lử. Tôi im lặng cố chịu đựng. Máu tươi trong miệng trào ra mằn mặn. Sau một lúc thờ hồng hộc, tên Thẻ lại túm tôi gần giọng:

- Tại sao mày im lặng hả? Hô đả đảo đi.
- Tôi biết mình đang chiến thắng, Thẻ đã thất bại. Tiếp theo là những mũi giày đá vào hông, vào ngực. Tôi ngã ra sàn, bất động. Tên Thẻ tức tối ra lệnh:
- Giam thẳng Tình trường Việt cộng này xuống hầm đá. Còng tất cả các thằng tù cộng sản này lại, đánh từng thằng cho đến khi chịu hô khẩu hiệu mới thôi.

Thế là tôi bị biệt giam ở hầm đá. Suốt ngày bị còng tay, khớp miệng, dội nước cho đến kiệt sức. Các anh em khác cũng bị còng, bị đánh đập, hành hạ liên tục. Song chẳng ai hé môi làm theo ý chúng.

Một tháng sau, thấy chẳng thể làm gì thêm được, chúng ra lệnh xả còng, cho sinh hoạt lại bình thường. Vậy là, một lần nữa, giặc thua cuộc. Chẳng ai có thể tách rời hình ảnh Hồ Chủ tịch

khỏi con tim của những người tử tù chúng tôi.

Cho đến một ngày đầu tháng 9 năm 1969...

Chúng tôi hoàn toàn bị cách ly với các nguồn tin bên ngoài. Điều gì nghe được đều phải bình tĩnh, kiểm tra lại. Thường thường, giặc hay đưa tin: khi thì đồng chí Lê Duẩn mất, khi thì đồng chí Phạm Văn Đồng, Trường Chinh mất... mục đích để lung lạc tinh thần anh chị em chúng tôi.

Ngày Bác ra đi, chúng tôi bị cầm cổ, biệt lập. Tin từ ngoài cho biết: Bác đã mất rồi! Tin sét đánh. Thật hay giả? Sao địch vẫn im lìm, tuyệt nhiên không có một thông báo nào? Anh em rất lo lắng, bồn khoăn. Một số cho rằng Bác chưa mất, vì nếu thật thì giặc đã ồn ào tung tin. Số đông nhận định: có thể Bác đã mất thật mà địch không dám loan tin vì chúng biết rõ tình cảm của người tù với Bác rất sâu nặng. Sau cùng, anh em nhất trí: Tổ chức lễ tang và cử hành lễ truy điệu Bác.

Việc chuẩn bị diễn ra âm thầm, qua mắt bọn quản trại.

Sáng hôm sau, đúng 6 giờ, tiếng kèn bình thường trở thành trang nghiêm. Anh em nhất tề đứng dậy. Trên ngực áo mỗi người một mảnh băng tang đau xót. Khi cúi đầu tưởng niệm, mọi người đều nức nở thương nhớ Bác. Tên Xo Xem, tù thường án người Khơme mật báo cho giặc để lập công. Một giờ sau, an ninh gọi chúng tôi đến hỏi. Anh em người thì nói giỗ cha, kẻ nói giỗ ông. Máy tên an ninh biết cả nhưng chỉ đe dọa rồi cho về. Chúng tôi hiểu, giặc chẳng dám đụng đến hình ảnh thiêng liêng của chúng tôi.

Bác mất, một nỗi đau hơn mọi nỗi đau trong con tim người tử tù. Đó là tổn thất lớn trong cuộc đấu tranh không cân sức với kẻ thù. Nhưng, những năm tháng tiếp theo ở lao cầm cổ, Bác vẫn là niềm tin, là sức mạnh luôn sôi động trong những trái tim bất khuất.

NỢ NƯỚC, TÌNH NHÀ

Đồng chí Ngô Quang Thanh (con đồng chí Ngô Bá Cao)

nhớ lại: Cuối năm 1965, cha tôi (Ngô Bá Cao) tìm cách gửi về cho gia đình một bưu thiếp với nội dung ngắn, gọn: “Đã thọ án tử hình được 5 năm và nay đã giảm xuống chung thân, thông báo sơ sơ về sức khỏe, gửi lời thăm mọi người và hy vọng còn sống để trở về đoàn tụ”... Nhận được bưu thiếp, tôi gửi thư hồi báo là đã nhận được thư. Sau này cha tôi kể lại: “Một hôm, có một người nội tuyến của ta đưa tám bưu thiếp đến trước cửa phòng giam và đọc to: “Ngô Quang Thanh con - Bắc phần, gửi Ngô Quang Thanh cha. TH.36 Côn Sơn, Nam phần” rồi đưa cho cha. Đọc xong, anh em trong tù chuyền tay nhau đọc bưu thiếp và chúc mừng. Không khí trong phòng sôi động như một cuộc đấu tranh đòi mở rộng việc trao đổi thư tín hơn nữa. Địch hoảng sợ kéo đến giật lấy tám bưu thiếp và không trả lại. Khoảng 5 tháng sau, cha tôi lần lượt nhờ nội tuyến chuyển về cho gia đình 2 tấm bưu thiếp nữa với nội dung là thăm hỏi gia đình và bà con thân tộc; khuyên con (Ngô Quang Thanh) cố gắng học hành thành đạt. Kèm theo hai bài thơ, trong đó có bài:

HỒI CON

*Con hỡi buồn chi nỗi vắng cha
Lúc cha còn gánh nặng sơn hà
Đền ơn Tổ quốc công còn vẫn
Đáp nghĩa Tiên nhân bước chừa xa
Dạ sắt, gan vàng con gắng luyện
Lòng son, chí cả nối theo ba
Hòa bình, thống nhất ngày sum họp
Con có lo gì nỗi vắng cha*

Sau Hiệp định Paris, ngày 27/02/1974 đồng chí Ngô Bá Cao được trao trả tại sân bay Lộc Ninh, trong đợt cuối cùng theo danh sách 5.000 tù chính trị do Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam yêu cầu.

Đồng chí Ngô Bá Cao được giao nhiệm vụ chỉ ủy viên chi

Kỷ ức **VÀNG LỬA**

bộ Trường Chính trị tại Lộc Ninh, phụ trách hướng dẫn học tập. Tháng 01/1975, đồng chí được Trung ương Cục miền Nam cho ra Hà Nội để chữa bệnh, dưỡng thương và sum họp gia đình sau 33 năm xa cách.

Sau một thời gian trị bệnh tại Trung Quốc và Cộng hòa Dân chủ Đức, đồng chí về nước học lớp cao cấp lý luận chính trị ở Trường Nguyễn Ái Quốc và được bổ nhiệm chuyên viên cao cấp, công tác tại Ban Tổ chức Trung ương Đảng. Năm 1979, đồng chí nghỉ hưu theo chính sách.

Tuy nghỉ hưu nhưng đồng chí còn nặng nợ với Đảng, với nhân dân; vẫn tích cực tham gia biên soạn lịch sử Đảng bộ các địa phương mà đồng chí từng hoạt động cách mạng; xác nhận quá trình hoạt động cách mạng cho các đồng chí để làm thủ tục hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tham gia hoạt động Hội Người cao tuổi và làm thành viên các tổ chức khác. Bản thân tự rèn luyện thể dục, dưỡng sinh để bảo vệ sức khỏe.

Do nhiều công lao cống hiến cho cách mạng, đồng chí Ngô Bá Cao được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý:

- Huy hiệu 40, 50, 60 năm tuổi Đảng.
- Huân chương Độc lập hạng Nhất.
- Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhì.
- Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất.
- Huân chương Quyết thắng hạng Nhất.
- Kỷ niệm chương chiến sỹ cách mạng bị tù đày.
- Kỷ niệm chương Cựu Chiến binh Việt Nam.
- Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa tặng danh hiệu “Người công dân kiêu mẫu”. Đồng chí được hưởng chế độ thương tật như thương binh $\frac{1}{4}$.

Năm 1986, lãnh đạo tỉnh Đồng Nai và thành phố Biên Hòa

trang trọng trao tặng đồng chí Ngô Bá Cao ngôi nhà tình nghĩa tại đường Nguyễn Ái Quốc, khu phố 6, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa. Ngày 02/5/2009 (nhằm ngày 8/4 năm Kỷ Sửu), sau ba năm chống chọi với căn bệnh hiểm nghèo, đồng chí Ngô Bá Cao từ trần. Trước khi ra đi, đồng chí đã để lại những lời vĩnh biệt đến lãnh đạo Đảng, Nhà nước, bạn bè đồng chí và gia đình, con cháu với tâm tư: Tất cả những gì đồng chí đã làm là cống hiến cho Đảng, Nhà nước, cho cách mạng... Mong muốn của đồng chí là đuổi sạch quân xâm lược, đất nước được thống nhất, độc lập và giàu mạnh, văn minh; nhân dân được tự do, hạnh phúc. Với bạn bè, đồng chí: mong tất cả hãy tôn trọng và tiếp bước theo con đường mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn. Với gia đình, con cháu hãy tiếp nối truyền thống cha, ông, vững bước phấn đấu vươn lên trong cuộc sống, dù trước mắt còn khó khăn, thử thách./.

Huỳnh Tấn Bửu (ghi)

VĂN THỊ CHÍCH (MƯỜI SEN):

HƯƠNG SEN THOM NGÁT CHỐN NGỤC TÙ

Một ngày cuối tháng 10/2013, từ trung tâm thành phố Biên Hòa tôi vượt qua cầu Hóa An mù bụi vì đang xây dựng dang dở, lẫn trong dòng công nhân tan ca đông đúc của Công ty Pou Chen để đến khu vực chợ Hóa An. Cũng thuộc thành phố Biên Hòa, nhưng đường sá nơi này chẳng khác nào vùng sâu vùng xa, gập ghềnh lồi nhón. Vòng ra sau lưng chợ, tôi hỏi thăm nhà bà Văn Thị Chích, cựu tù chính trị, cán bộ ngành Kiểm tra đã nghỉ hưu. Chẳng ai biết, dù người ở quê có thói quen biết tường tận về nhau.

Sực nhớ, tôi hỏi thăm lần nữa “Bà Văn Thị Chích còn có bí danh là Mười Sen?”. Nghe đến đó, mọi người ồ lên, rồi báo: “Tương ai, bà Mười Sen ở đây ai hồng biết, nhưng phải nói rõ là bà Mười Sen, hỏi cái tên lạ hoắc, ai biết được”. Rồi chỉ đường rất tường tận. Tôi cười thầm trong bụng, lòng thấy vui vui: Cái bí danh hoạt động cách mạng nổi danh hơn cái tên cúng cơm, ắt hẳn cô Mười Sen là cán bộ được người dân quý mến.

Trong ngôi nhà thoáng mát, cô Mười Sen, 80 tuổi, đang diu người chồng đã 93 tuổi đi từng bước. Chú vừa trải qua một cơn phẫu thuật lớn, ai nấy đều lo là chú tuổi cao sức yếu, chịu không nổi. Vậy mà người cán bộ lão thành cách mạng ấy vẫn vượt qua, kiên cường đến kỳ lạ. Hình ảnh đôi vợ chồng già, cũng là đồng đội, đồng chí của nhau, giờ lụm cụm nương tựa lẫn nhau, nâng đỡ nhau thân ái, dịu dàng, yêu thương khiến cho khóe mắt tôi cay cay.

Thật mộc mạc, chân tình, cô Mười Sen đã kể về thời thơ ấu nhiều cơ cực, về quãng đời đấu tranh không khoan nhượng với địch trong chốn ngục tù. Ai có thể hình dung ra nổi người phụ nữ

ấy đã từng trải qua 7 năm nếm đủ các đòn tra tấn, cầm giam của địch trong các trại tù khét tiếng của miền Nam như: Tân Hiệp, Chí Hòa, Thủ Đức, và “địa ngục trần gian” Côn Đảo...

TUỔI THƠ CƠ CỤC

Tôi sinh ra trong một gia đình nghèo khổ ở ấp 2, xã Tân Bình, huyện Dĩ An (tỉnh Bình Dương ngày nay). Ba má tôi, những người nông dân nghèo khổ, không ruộng đất, quanh năm đầu tắt mặt tối làm thuê kiếm sống, một chữ bẻ đôi cũng không biết, đã đặt cho tôi cái tên mộc mạc là Văn Thị Chích. Nghe má kể lại, tôi mới vừa qua thôi nôi vài ngày thì ba tôi mất vì lao lực quá sức, đau bệnh mà không có tiền chữa trị. Bơ vơ, má ẵm tôi về nương tựa bà ngoại. Tôi lớn lên thiếu hơi ấm chở che của cha, chỉ biết nép vào sự thương yêu đùm bọc của bà ngoại.

Con nhà nghèo đã khổ, mồ côi như tôi càng khổ gấp bội. Bà ngoại tôi ở chung với gia đình người cậu, mợ dẫu khó khăn nên má con tôi sống nem nép bởi thân phận ăn nhờ ở đậu. Má tôi có cái bệnh mà dân gian hay gọi là “khờ khờ”, má không biết chăm sóc con, cũng không biết tính toán tiền nong, vun vén gia đình, lại hay đau bệnh, một tay bà ngoại tôi phải đảm đương hết. Hàng ngày, nếu lối xóm xung quanh có ai kêu thì má tôi đi làm thuê cho người ta, như gánh phân tro, tria đậu, cấy gặt lúa, còn không thì má cũng ở nhà giữ con cho cậu. Ở làng quê hồi đó, phụ nữ đi làm công xá cũng bị trả ít hơn đàn ông, thua thiệt đủ đường. Má tôi đi làm nặng nhọc vậy mà tiền công một ngày chỉ có mấy xu, được bao nhiêu về đưa hết cho bà ngoại. Tôi không biết ngoại xoay xở làm sao với số tiền ít ỏi đó, chỉ nhớ hồi đó gia đình tôi sống hết sức khó khăn, hôm nào có đủ gạo ăn là cảm thấy may mắn lắm rồi. Có bận, mỗi ngày ba người chúng tôi chỉ ăn một lon gạo, phải dọn thêm rau cỏ. Má với bà ngoại tôi, hai người chỉ có một cái quần đen bằng vải ta, nếu ai ra ngoài thì người kia phải nhường quần cho mặc, còn người ở nhà chỉ mặc cái quần cụt làm bằng vải bao bố. Cả nhà ai cũng có rận. Thỉnh thoảng, bà ngoại đem đồ đặc ra lấy cái cây cán bột lăn lên, rận chết nở lớp lớp. Không riêng gì nhà tôi, cả xóm đều như vậy.

Con nhà nghèo khó, nên còn nhỏ tôi đã biết đi mò cua, bắt ốc, bắt cá. hái rau sam đất, rau dệu, bình bát, bùi ngót về làm thức ăn cho cả nhà. Bà ngoại thương tôi lắm, nhưng có những chuyện dù thương tới đâu, ngoại cũng không lo cho tôi được. Hồi nhỏ, tôi ham đi học lắm. Năm tôi 6 tuổi, thấy mấy em con cậu được đi học, tôi thèm được tới trường, được học hành như tụi nó, nhưng tôi không biết nhà mình nghèo nên khóc lóc đòi đi học. Bà ngoại tôi nói hoài không được, cũng khóc theo “Nhà người ta giàu, có tiền làm khai sanh, mua tập vở, quần áo. Nhà mình nghèo, ăn còn không đủ, lấy đâu để lo. Mày mà đòi đi học hoài, tao chết cho mày coi”. Té ra, ngay cả muốn làm khai sanh cũng phải tốn tới mấy đồng bạc lo lót cho chức việc, một số tiền mà cả nhà tôi có mơ cũng không thấy nổi. Nghe ngoại nói vậy, tôi mới thôi không khóc nữa, nhưng lòng vẫn ao ước, thèm muốn được một ngày tung tăng cắp sách tới trường, được học hành, biết mặt chữ, đọc sách như mấy đứa kia. Niềm ao ước đó mạnh mẽ, lớn lao lắm, vượt qua cả cái đói ăn, thiếu mặc hàng ngày.

Khoảng đầu năm 1943, bà ngoại tôi đổ bệnh, dân gian hồi đó kêu là phù thũng, người cứ bị sưng to dần lên, chỉ nằm một chỗ. Nhà nghèo, ăn còn bữa đực bữa cái, làm gì có thuốc Tây chữa chạy như bây giờ, bà ngoại tôi chỉ uống thuốc Nam, nặng quá thì ráng hốt vài thang thuốc Bắc uống qua loa. Để có tiền lo cho gia đình, tôi mới 9 tuổi phải đi ở đợ cho người ta. Má tôi mượn có 30 xu, vậy mà tôi ở đợ chăn trâu hơn 2 năm vẫn chưa hết nợ. Số tiền bán sức lao động của tôi chẳng thấm vào đâu so với bệnh của ngoại. Bà ngoại bệnh nằm liệt giường, ba năm sau thì mất, đó là một cú sốc lớn đối với tôi vì trước nay ngoại vẫn là trụ cột trong gia đình. Từ đó chỉ còn má với tôi, nhưng má không lo cho tôi được, tôi vẫn tiếp tục kiếp ở đợ.

Tuy còn nhỏ, nhưng lúc ấy tôi đã hiểu được nỗi khổ của người bị bóc lột qua cuộc sống khổ cực và những điều bất công mà gia đình tôi phải gánh chịu. Nhà chủ - cũng là một người họ hàng gần của tôi, có một bầy 11 con trâu. Hàng ngày tôi phải chăn bầy trâu để đổi lấy cơm ăn, dù rất vất vả nhưng không được trả công một xu, một cắc nào. Từ 3 giờ sáng, tôi đã phải thức dậy

đưa cặp trâu đực đi ăn cỏ sớm cho no, để trời hừng sáng chủ đưa trâu đi cày. Còn nhỏ, đang tuổi ăn tuổi ngủ, nhiều bữa đưa trâu đi mà buồn ngủ quá, tôi ngủ gục luôn trên lưng trâu, chừng té cái bịch từ lưng trâu xuống đất mới giật mình tỉnh ngủ, lồm cồm bò dậy rồi lủi thủi đi tiếp. Suốt ngày trên lưng trâu, người tôi lúc nào cũng hôi rình mùi trâu. Cực là vậy, mà nào có được yên. Tôi thường xuyên bị chủ đánh đập, hành hạ rất tàn ác. Cứ mỗi lần chủ nổi giận lên là cùi đòn, gây gộc phang tới tấp vào tấm thân nhỏ bé của tôi, bà ta còn túm cả tóc tôi treo lên để đánh, hoặc cột tôi treo lên cây dừa, đốt lửa ở dưới cho tôi bị nóng, lấy cây sắt nóng dí vào người tôi. Cả người tôi đầy những vết sẹo do bị đánh đập. Hồi đó, nhà tôi ở sát bên cạnh nhà anh Năm Trang (Phan Văn Trang, sau là Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai). Thấy tôi thường bị đánh đập, anh Năm thương lắm, thường an ủi, động viên tôi.

Ác nhất là có lần tôi bị bệnh, không dậy đưa cặp trâu đực đi ăn cỏ sớm được. Sáng ra nhà chủ hay, không chỉ chửi bới, bà ta còn lột sạch quần áo của tôi, trói vào gốc dừa ngay ổ kiến lửa lớn để cho kiến lửa cắn. Trời ơi, mấy con kiến ác hơn cứ nhè những chỗ hiểm mà đốt, đau muốn phát điên khiến tôi la làng, kêu khóc um trời mà bà ta cũng chẳng tha. Úc quá, tôi bèn chửi lại, thế là bà ta đuổi tôi ra khỏi nhà. Cái gan của tôi cũng muốn thà chết đói ngoài đường còn hơn chịu khổ trong nhà bà ta. Khổ nỗi, lúc đó trên người tôi không có miếng vải che thân, tôi đã định xé lá chuối che đỡ, nhưng rồi chẳng dám bước chân ra khỏi nhà vì sợ xấu hổ. Khổ sở, uất ức quá, thật lòng lúc đó tôi muốn chết cho xong, chỉ vì sợ mình chết đi má tôi không còn ai để nương tựa, tôi mới ráng nuốt nhục chịu đựng. Tôi khóc cho đến trưa thì có một người bà con tốt bụng thấy hoàn cảnh đáng thương của tôi mới lên đưa cho tôi cái quần cụt, vậy là tôi chạy một mạch lên rừng Cò Mi. Coi lại, kiến cắn tôi sưng đỏ hết cả mình mẩy, đau nhức hết sức. Một người quen khác thấy tôi như vậy, thương tình cho tôi cái áo cũ, lại xúc cho tôi tô cơm với 2 khúc cá kho, tôi ngồi dưới gốc me ăn cơm mà cảm thấy đây là bữa cơm ngon nhất trần đời của mình, không bao giờ tôi quên được bữa cơm ân tình hôm ấy. Tối, thấy tôi nằm co ro ngủ dưới gốc me, muỗi bu như vãi

trấu, bà lót manh chiếu rách trong cái lu lớn để tôi chui vô trong ngủ. Chưa từng ngủ như vậy, tôi rọt rẹt cả đêm, vậy là bà kêu tôi vô nhà ngủ chung luôn. Tình bà con lối xóm đối với tôi rất tốt, những người cư mang tôi thời khôn khó ấy, suốt đời tôi không bao giờ quên được.

ĐẾN VỚI CÁCH MẠNG

Năm 1945, Cách mạng tháng Tám thành công. Năm đó, tôi đã biết nhận xét nhiều việc, nhiều thứ. Tôi thấy cả làng như có một luồng gió mới thổi qua. Tối nào, tôi cũng chạy theo mấy anh Thanh niên tiên phong trong làng vác tầm vông vạt nhọn tập đi một, hai, tập võ thuật, vui đến rạo rức không ngủ được. Nhà tôi ở gần rừng Cò Mi, nơi sau này trở thành căn cứ kháng chiến, nên tôi cũng được thấy cảnh các đơn vị bộ đội kéo về đóng quân, tập luyện. Giặc Pháp quay trở lại chiếm nước ta, đối với dân làng tôi, chúng rất tàn ác, thường đốt nhà, giết người nên dân làng ai cũng căm hận, càng nghiêng tình cảm về phía Việt Minh. Tôi nhớ, khoảng năm 1947, trong một lần đi càn bị Việt Minh chặn đánh tơi tả, quân Pháp hăm hực rút về ngang qua làng Tân Bình của chúng tôi, trên đường đi chúng bắt 35 người dân vô tội, bắn chết hoặc xô xuống chôn sống ở một cái hố bên đường. Trong làng ai đi theo Việt Minh đều bị chúng đốt cháy sạch nhà cửa. Dân Tân Bình quê tôi đã lập mộ chung cho 35 thương dân vô tội, thường gọi là mã 35 (sau này trở thành di tích lịch sử) để ghi nhớ tội ác tàn trời của bọn giặc cướp nước.

Sau khi bị đuổi đi, tôi gặp bà Tám Tỷ là Chủ tịch Ủy ban hành chánh kháng chiến xã Tân Bình lúc bấy giờ. Biết chuyện của tôi, bà thương lắm, giới thiệu cho tôi đi giữ trâu cho mấy nhà tốt bụng. Lúc rảnh, tôi còn đi hái cau mướn. Tôi trèo cau rất giỏi nên quanh năm không sợ thiếu việc làm. Nhờ có bà Tám Tỷ, tôi không còn cánh bị chủ đánh đập, lại được trả công. Không chỉ vậy, bà Tám còn nhờ mấy anh bộ đội dạy tôi học đọc, học viết, làm toán. Trong lòng tôi ơn cách mạng không bao giờ quên. Bà Tám cũng tổ chức cho tôi và các anh Tư Bền, Ba Hốt thành lập “tổ chăn trâu”, ngoài việc hỗ trợ nhau lúc thả trâu chăn ngoài

đồng, chúng tôi còn giữ nhiệm vụ cảnh giác cho cách mạng, nếu thấy bọn lính thì báo ngay cho các cô, các chú biết.

Năm tôi 16 tuổi, bước vào tuổi thiếu nữ, tôi nghĩ coi trâu. Tâm nguyện tôi lúc đó là được tham gia phong trào cách mạng, được làm những điều giống như bà Tám Tỷ. Mấy năm ở đợ, hái cau mướn, tôi dễ dàng được 250 đồng, đối với đứa nhỏ chưa từng có được đồng bạc trong tay như tôi, đó là một số tiền rất lớn lao. Tôi mừng lắm, muốn đón má - lúc này vẫn ở đậu nhà cậu, về ở chung với mình. Ngặt cái, má con tôi làm gì có nhà mà ở. Mấy cô, chú trong chi bộ xã Tân Bình hỏi tôi: “Con có được nhiều tiền?”, tôi thiệt thà: “Dạ, mấy năm đi ở đợ, con dễ dàng được 250 đồng”. Mọi người cười ngất, khoản tiền của tôi không đủ lợp cái mái tranh che đầu, nói gì đến cất nhà. Vậy là mọi người xúm tay vô phụ với tôi. Ai có việc lên rừng Cò Mi, trở về đều tranh thủ chặt cây vác về để một góc, lần lần cũng đủ cây để dựng cái nhà nhỏ. Tôi qua Biên Hòa mua tranh đánh sẵn về lợp nhà, mớ nào thiếu thì mấy anh bộ đội vô rừng cắt tranh đánh thêm. Rồi mọi người dựng cho tôi cái nhà nho nhỏ, nhưng tôi như sống trong mơ. Từ nhỏ đến lúc đó, lần đầu tiên trong đời tôi có được mái nhà của mình, ơn cách mạng, ơn mấy cô, chú thiệt vô cùng to lớn. Cách mạng đã đem đến cho tôi đủ thứ: được tự do, được đối xử như con người, được cơm no áo ấm, lại được cả học hành. Tôi cũng ngộ ra: không có con đường nào khác là phải đi làm cách mạng, vì chỉ có cách mạng mới đem lại ấm no, quyền làm người cho những kẻ cùng khổ như tôi, chỉ có cách mạng mới giải phóng được cho giai cấp bị bóc lột như tôi.

Cũng từ đó, năm 1951 đến 1953 tôi làm giao liên cho xã Tân Bình. Ngoài ra, tôi còn cùng các chị thành lập tổ vận tải, về Biên Hòa hoặc ra Dĩ An tìm mua gạo, muối, thuốc men cho đơn vị bộ đội C330 đóng tại rừng Cò Mi và các đơn vị bộ đội đóng trên địa bàn huyện. Năm 1954, Hiệp định Genève ký kết, tôi được chọn trong đội hình tập kết ra Bắc để học tập. Nhưng má tôi lúc ấy thường trở bệnh nặng, cần có người chăm sóc, phụng dưỡng nên tôi đã xin với chi bộ được ở lại miền Nam hoạt động

vì không muốn xa má. Sau khi tham gia lớp tập huấn dành cho cán bộ mật ở lại miền Nam do anh Năm Trang triển khai, tôi được phân công phụ trách công tác thanh niên xã Tân Bình, vận động nhân dân đấu tranh đòi thực hiện Hiệp định Genève, chống bắt lính, chống áp bức.

Tháng 7/1957, tôi được vinh dự đứng vào hàng ngũ Đảng Lao động Việt Nam (tên gọi của Đảng Cộng sản Việt Nam lúc ấy), do hai đồng chí Sáu Trọng (Ủy viên Huyện ủy Lái Thiêu) và Hai Nhị (Bí thư xã Tân Bình) giới thiệu kết nạp. Năm 1959, chính quyền Ngô Đình Diệm với Luật 10/59 đã khủng bố, đàn áp cách mạng và những người kháng chiến cũ rất dã man. Chi bộ xã Tân Bình bị bắt gần hết, chỉ còn tôi và một đồng chí. Tháng 7/1960, anh Năm Trang tổ chức đánh đồn Tân Hiệp, nhưng kế hoạch bị lộ, cơ sở bị bắt, tôi cũng bị lộ không còn thể hoạt động hợp pháp. Trước tình thế đó, Huyện ủy rút tôi về Lái Thiêu công tác, tôi chính thức thoát ly hoạt động. Người đón tôi là hai anh Năm Trang và Út Hiếu (Phan Văn Nhơn). Hai anh giáo dục cho tôi về đạo đức người cách mạng. Anh Năm còn dặn dò, phải biết giữ khí tiết người Cộng sản. Trong cuộc đấu tranh nhiều gian khó, cũng có lúc sẽ bị rơi vào tay giặc, hoặc hy sinh tính mạng, nhưng dù trong hoàn cảnh nào người Cộng sản cũng phải vững lòng tin vào sự nghiệp, lý tưởng, giữ vững lập trường, không xao động, phải luôn bảo vệ cách mạng, bảo vệ đồng bào, tuyệt đối không được làm ảnh hưởng đến đồng bào đã cuu mang, giúp đỡ cách mạng. Đây là những điều mà tôi luôn thấm nhuần từ những người đi trước.

Bí danh Mười Sen của tôi cũng ra đời vào thời điểm này. Đêm đó, ba anh em tôi ở chung hầm bí mật. Hai anh nói giờ đã thoát ly, không thể dùng tên ở nhà được nữa, phải có bí danh để hoạt động. Tôi thì dốt, nên nhờ hai anh đặt cho. Sau một hồi suy nghĩ, các anh bảo: Chúng tôi chọn cho cô bí danh Mười Sen. Anh Năm Trang còn giải thích thêm: “Mười Sen, lấy ý từ hai câu thơ”:

Tháp Mười đẹp nhất bông sen

Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ.

Đây là cái tên thứ hai mà tôi rất trân trọng, tự hào vì đây là tình cảm của đồng chí, đồng đội dành cho tôi, cái tên còn gắn bó với hình ảnh Bác Hồ mà tôi vô cùng ngưỡng mộ, kính yêu. Từ đó về sau, cái tên này đã gắn bó với tôi suốt quãng đời hoạt động.

Những ngày đầu thoát ly, đối với tôi có biết bao buồn vui. Tuy trước nay hoạt động cách mạng, nhưng tôi vẫn ở quê nhà, ở gần bên má. Giờ đi đến nơi xa lạ, không còn được chăm sóc má, tôi cũng lo lắng, nhưng nghĩ đến đồng bào, đồng đội biết bao nhiêu người đang phải chịu cảnh chia ly, cách biệt vì sự nghiệp chung, tôi cố gắng nén lòng để hoàn thành nhiệm vụ.

Tôi được phân công làm Bí thư Huyện đoàn Lái Thiêu, từ năm 1967 đến năm 1968 là Phó Bí thư Huyện ủy huyện Dĩ An.

LÒNG DÂN

Năm 1965, tôi được phân công làm Bí thư chi bộ xã Hóa An (thành phố Biên Hòa ngày nay). Những năm đó tình hình rất ác liệt, cán bộ cách mạng nơi này lần lượt sa vào tay giặc, không còn ai trụ nổi, cơ sở bị tan vỡ. Vùng này trước có rừng, nhưng từ khi đồn dân lập ấp chiến lược, địch phá hết rừng, không còn nơi ẩn náu, cán bộ về hoạt động chỉ có thể ở hầm bí mật tại nhà dân, đi lại phải hóa trang hợp pháp để che mắt địch. Muốn vậy, phải gây dựng lại cơ sở. Dần dần, tôi cũng xây dựng được một số cơ sở đào hầm bí mật trong nhà, ngoài vườn, bụi tre, cây rơm... để nuôi giấu cán bộ, chứa vũ khí, tài liệu. Bà con cũng rất thương yêu, bảo vệ cán bộ cách mạng.

Một lần, tôi hóa trang hợp pháp đi công tác rồi về nhà dì Ba Bi ở ấp An Hoà (xã Hoá An) là nơi tôi trú ẩn hàng ngày. Lúc tôi đi ngoài đường, bị bọn thám báo phát hiện mà không hay. Chúng gọi bọn lính đại đội 582 kéo tới bao vây nhà dì Ba, lúc này tôi đang ngồi trong buồng, chưa kịp nhảy xuống hầm. Bọn lính xé vách lá, chĩa trung liên vào người và kẻ thúc tôi ra ngoài. Trong nhà lúc đó có dì Ba và người con gái thứ hai, dẫn theo hai đứa con về thăm nhà. Khi tôi bị lôi ra, dì Ba liền nhận: “Đây là chị chồng của con Hai, vừa ở Biên Hoà sang tìm cháu ngoại của

tui. Thằng cháu ngoại của tui bị má nó đánh đòn, sợ nên trốn đi mất, cô nó phải đi tìm chó có phải Việt Cộng gì đâu, mấy ông đừng bắt nó tội nghiệp”.

Bà Ba một mực phân bua, tôi theo đó mà giải thích, chị Hai cũng xác nhận tôi là người thân. Bọn lính tin lời, thả tôi ra. Bọn chúng vừa rút đi, dì Ba bắt ngay hai con gà đang quanh quẩn trong nhà, trói chân lại đưa cho tôi để nghỉ trang, bảo tôi thoát ngay ra đường Miếu Bà, chị Hai cũng đưa hai đứa nhỏ đi chung với tôi cho địch khỏi nghi. Đi được nửa đường, thấy tình hình đã ổn, tôi bảo chị và hai cháu quay trở về. Quả như tiên đoán của dì Ba, bọn lính sau khi rút đi, nghe bọn thám báo khẳng định: “Đó là bà Mười Sen, Việt Cộng nắm vùng, mấy ông thả lầm rồi”, thế là bọn chúng tức tối quay trở lại. Chúng hạch hỏi: “Cháu của bà lúc nãy đâu rồi?”, dì Ba tỉnh queo: “Lúc nãy mấy ông vừa đi khỏi, nó cũng đi theo mấy ông luôn rồi”. Bọn chúng tức tối, vặn vẹo khó dễ dì Ba đủ điều, nhưng không có chứng cứ nên chẳng làm gì được. Nhưng sau đó chúng kiểm chuyện, nói dì chứa chấp Việt Cộng, bắt dì đưa về phòng điều tra đánh đập rất nhiều, nhưng dì không nhận, rốt cuộc chúng cũng phải thả ra.

Nhà của ông Sáu Ra cũng là nơi trú ẩn của tôi. Ông ở gần Miếu Bà, cách đó khoảng 30m có một đại đội địch đóng quân. Ông lại có một người con đi lính, hàng ngày bọn lính ra vào nhà ông không ngớt. “Nơi nguy hiểm cũng là nơi an toàn”, nhờ ông bà Sáu một lòng với cách mạng, nên tôi ở khá lâu mà bọn địch vẫn không phát hiện.

Lúc chuẩn bị bầu cử, bọn lính kiểm tra rất nghiêm ngặt. Vào buổi chiều tôi đi công tác về đến nhà ông Sáu thì thấy bọn lính đại đội 583 đứng đầy sân nhà. Tôi bình tĩnh bước vào nhà như người thân của ông bà Sáu, vì cái thế lúc đó nếu tôi quay ra ngay bọn địch sẽ nghi ngờ. Ông Sáu không có ở nhà, bà Sáu giả vờ mừng rỡ nhận ra người quen. Bà nói với bọn lính: “Nó là cháu tui, ở Sài Gòn về Biên Hoà tìm chồng. Chồng nó đi lính ở đây, mà lâu quá không có tin tức, nên nó về đây nhờ tui hỏi thăm dùm”.

Tôi và bà Sáu luân phiên giải thích, bọn lính xem giấy

căn cước của tôi, là giấy giả, chúng không phát hiện được nhưng vẫn bắt tôi về đồn. Tôi giả vờ than thở: “Tôi đi tìm chồng, cũng là lính như mấy anh vậy, vậy mà mấy anh lại bắt tôi. Ở nhà, con tôi không ai chăm sóc, đang khóc chờ tôi về. Thử hỏi, nếu vợ con mấy anh lâm vô hoàn cảnh của tôi như vậy thì mấy anh nghĩ sao?”. Nghe tôi nói, bọn lính có vẻ đã xiêu lòng. Nhưng không may, tên Chi huy lại về tới, thấy tôi ngồi ở phòng ngoài, liền quát: “Tại sao cho bà này ngồi ở đây? Tụi bây muốn bà phá hết cái đồn này hay sao? Chi cần bà ra phá cái nhà đèn phía sau là tụi bây toi luôn đó”. Thế là tụi nó nhốt tôi vào cô-nét, là thùng sắt lớn dùng để nhốt lính bị kỷ luật.

Tôi vừa bị bắt, bà Sáu đã tức tốc đi tìm, báo tin cho ông Sáu hay. Ông bà bàn nhau, phải cứu tôi bằng mọi giá. Ông Sáu gọi anh Tư Lèo, con trai ông đang đi lính ở Đại đội 583 về, bảo anh phải bảo lãnh tôi ra khỏi đồn. Anh Tư tỏ vẻ sợ, nhưng ông Sáu thì rất cương quyết: “Bằng mọi giá, mày phải bảo lãnh cô Mười ra. Nếu tụi nó làm khó làm dễ, thì tao mài sẵn cái rựa ở đây, tao sẽ ra ngoài đồn mổ bụng để tố cáo tụi ác ôn đó”.

Sáng hôm sau, anh Tư ra đồn xin bảo lãnh tôi. Tên Chi huy hỏi: “Tại sao hôm qua, lúc bị bắt anh không ra bảo lãnh ngay, đợi đến giờ sắp giải đi anh mới tới? Chuẩn bị giải bà đi rồi, không bảo lãnh được đâu”. Tôi ngồi cạnh anh Tư, thấy anh run lẩy bẩy, tôi nhéo nhẹ chân anh ra dấu bình tĩnh. Anh Tư giải thích: “Ngày hôm qua tôi có nghe tin, nhưng về không kịp. Xin sếp thương tình, cho tôi lãnh chị tôi về, hôm qua tới giờ mấy đứa cháu tôi ở nhà không có ai chăm sóc, tội nghiệp”. Sau một hồi gọi điện trao đổi, hấn đồng ý cho bảo lãnh. Anh Tư mừng quá, tay run run không viết được giấy bảo lãnh, tên đồn phó phải ghi giúp. Hai anh em làm xong thủ tục, đi nhanh ra khỏi đồn. Anh Tư bảo tôi lên xe đạp anh chờ cho nhanh, tôi bảo anh cứ về một mình, không nên đi chung vì có thể bọn chúng nghi ngờ chạy theo bắt lại. Tôi đón xe lam về thẳng Bình Trị. Sau này, bọn chúng biết thừa làm, đã bắt anh Tư Lèo tra hỏi. Anh cứ một mực khai chỉ biết tôi là họ hàng, tôi hoạt động ra sao thì anh không biết vì ở xa. Anh bị kỷ

Ký ức **VÀNG LỬA**

luật, giam lỏng suốt 3 tháng liền.

Nhiều lần đối diện với nguy cơ, nhưng tôi vẫn thoát được là nhờ tấm lòng người dân sâu nặng với cách mạng. Câu chuyện của ông Năm Vui lại càng cảm động. Gia đình ông ở Cầu Hang (xã Hóa An), là cơ sở cách mạng. Trước, ông tham gia hoạt động mật, bị địch bắt tra tấn, giam cầm hết 4 năm vừa mới thả về, vẫn còn trong giai đoạn phải đi trình diện hàng tháng. Tôi đến vận động ông đào hầm bí mật che chở cho cán bộ, tự tay ông đã đào tất cả 7 cái hầm bí mật trong nhà và quanh nhà để nuôi giấu cán bộ cách mạng. Nhà ông là nơi chi bộ thường họp, cất giấu tài liệu, vũ khí. Năm 1968, có người ra chiêu hồi, dẫn lính về lục soát nhà ông. Khi bị giặc bắt tra tấn dã man nhưng ông quyết không khai báo. Lúc chúng giải ông đi, đến đường rầy xe lửa ông tìm cách bỏ chạy, bị giặc bắn chết. Ông Năm thà hy sinh tánh mạng chứ quyết không khai báo làm ảnh hưởng đến phong trào cách mạng (sau ngày đất nước thống nhất, ông Năm Vui đã được công nhận là liệt sĩ).

SA VÀO TAY GIẶC

Ngày 16/6/1968, tôi từ Tân Vạn đi sang xã Tân Hiệp để dự cuộc họp Huyện ủy Dĩ An. Hồi đó, cán bộ hoạt động mật như chúng tôi vẫn thường hóa trang để đi lại hợp pháp trong vùng địch. Tôi hóa trang làm người về thăm bà ngoại ở xã Bình Trị, trên tay tôi còn ẵm theo một cháu bé 6 tuổi, con của một gia đình cơ sở cách mạng. Nhưng không may, vừa đến Chợ Đồn (xã Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa ngày nay), tôi đụng ngay hai tên Tám Danh và Dũng. Tám Danh trước làm thư ký của Huyện ủy Lái Thiêu, sau về làm Bí thư chi bộ xã Hóa An. Còn tên Dũng trước là du kích xã Bình Trị, đều thuộc địa bàn tôi phụ trách. Hai tên này vì không chịu nổi khó khăn nên đã nhảy ra chiêu hồi, còn chỉ điểm cho bọn địch bắt bớ cán bộ ta. Vừa thấy tôi, hai tên chỉ điểm đã gọi bọn cảnh sát đang ngồi trên chiếc xe Zeep gần đó. Thấy không ổn, tôi đi thẳng luôn vào chợ, băng vào một lối đi nhỏ trong chợ để thoát, nhưng không may lối đi đó đã bị đóng lại. Nếu không có cháu nhỏ, một mình tôi có thể vượt qua cổng để

thoát thân, nhưng không nỡ để cháu nhỏ lại một mình, sợ cháu bị lạc thì khổ thân, tôi phải tìm lối đi khác. Chưa kịp ra tới ngoài thì bọn lính đã ập tới, bắt luôn cả hai dì cháu đưa về đồn. Tại đồn, tôi đưa thẻ căn cước hợp pháp mang tên Nguyễn Thị Hồng, khai rằng chồng đi lính, tôi đang trên đường đưa con về bên ngoại. Bọn lính còn đang kiểm tra căn cước của tôi, thì hai tên chiêu hồi đã báo cảnh sát, nói đích danh tôi là Mười Sen, Phó Bí thư Huyện ủy Dĩ An. Bọn cảnh sát lập tức đến đồn đưa dì cháu tôi về Biên Hòa.

Vừa đến Ty Cảnh sát Biên Hòa, bọn chúng đã nói thẳng: “Bà đừng chối quanh nữa, chúng tôi đã có đầy đủ hồ sơ, bằng chứng rồi. Bà là Mười Sen, Việt Cộng thứ gộc”. Chúng tách cháu bé ra, cho bánh để cháu chỉ nhà và cha mẹ. Ngày hôm sau, cha mẹ cháu đã lên đón con về. Tôi cũng yên lòng, vì cha mẹ cháu khai tôi là người lối xóm, hôm đó cho cháu bánh rồi ẵm bé đi mất, họ không biết gì về tôi, bọn cảnh sát cũng tin và thả họ về.

Riêng tôi, ngay từ ngày phút đầu tiên bước vào hang hùm, đã bị tra tấn, đánh đập rất ác liệt. Thật ra, chúng đánh rất đau, nào là ma trắc, giày đinh, nắm đấm, cùi chò cứ quật, nện, thoi, đá, đập vào người tôi như mưa suốt mấy tiếng đồng hồ, nhưng hình như trời sanh ra tôi để chịu đòn nên tôi “tĩnh bơ”. Lòng tự nhủ “tụi bây đánh bắt quá cũng giống như hồi nhỏ tao đã từng ăn đòn vậy”. Đánh đến mệt mà tôi vẫn làm thỉnh, bọn chúng đồ quạu, chửi thề: “Mẹ, cái con mẹ này hình như bằng đất hay sao đó, đánh mà nó hồng đau”.

Do tôi không thừa nhận mình là Mười Sen như hai tên chiêu hồi đã khai báo, nên chúng đã áp dụng ngay kiểu tra tấn “quay điện”. Chúng dí dây điện vào tai, vào người tôi, rồi bật cầu dao điện. Cả người tôi bị giật bắn lên, ngất xỉu ngay tại chỗ, chúng lấy nước tạt vào mặt cho tôi tỉnh, xong tra hỏi, rồi chích điện tiếp. Cứ vậy, tôi chết đi sống lại không biết bao nhiêu lần. Sau một ngày điều tra không có kết quả, chúng gọi hai tên chiêu hồi vào. Lúc đó, tôi đã yếu sức, nhưng thấy mặt hai tên phản bội, tôi nổi sung lên. Lừa lúc có cơ hội, tôi thộp cổ tên Tám Danh,

quát to: “Tại sao tụi bây lại chỉ tao? Nếu tao biết tụi bây hại tao, tao không tha cho tụi bây đâu”. Vừa quát, tôi vừa đá túi bụi vào tên Tám Danh. Bất ngờ, lúng túng, và chắc có phần xấu hổ nữa, tên Tám Danh chỉ biết lo chống đỡ. Bọn cảnh sát ủa vào đánh tôi túi bụi, gỡ tôi ra rồi nhốt vào khám tối. Tôi tiếp tục đập cửa đòi gặp hai tên chiêu hồi để “đổi chất” cho rõ trắng đen, nhưng trong lòng lo lắng không biết hai tên phản bội này đã khai những ai, gây tổn hại ra sao cho cách mạng.

Ngày hôm sau, trong buổi thăm vấn, chúng đưa cho tôi coi tờ khai của Ba Bình (Bí thư Huyện ủy Dĩ An, bị bắt trước tôi). Trên đó là danh sách hơn mười cán bộ ủy viên của huyện Dĩ An, trong đó có tôi. Đúng là nét chữ của Ba Bình, người cấp trên trực tiếp của tôi. Tôi cảm thấy chua xót trong lòng, lòng tự nhủ: Đây là những giờ phút chiến đấu quyết liệt với kẻ thù, sao anh Ba Bình lại khai báo? Riêng về phần mình, tôi thề chấp nhận hy sinh, quyết không để mất khí tiết người Cộng sản như lời anh Năm Trang đã dặn dò. Nhớ đến tấm lòng thương yêu, cứu mạng của bà con cơ sở cách mạng trong những năm qua, tôi càng cương quyết không khai, không thể làm hại đến bà con. Đây cũng là cuộc đấu trí căng thẳng giữa ta với bọn địch nham hiểm, cần phải hết sức tỉnh táo.

Bọn cảnh sát bảo tôi:

- Bà chính là Mười Sen, Phó Bí thư Huyện ủy Dĩ An. Thăng Danh với thằng Dũng đã chỉ đích danh bà. Ba Bình, cấp trên của bà cũng đã khai tên bà rõ ràng giấy trắng mực đen rồi. Bà nhận đi, sẽ có chính sách khoan hồng của Quốc gia.

Tôi cãi:

- Tui không biết Mười Sen nào hết. Mấy ông đưa tờ giấy ai viết đâu tui hông biết rồi cứ nói tui là ông là bà gì đó. Tui tên là Nguyễn Thị Ba, tui có nấu cơm cho bộ đội ăn, mấy ông có bắt tội tui là nấu cơm cho bộ đội ăn thì tui nhận, chớ tui có biết phó bí thư là cái gì đâu. Hay là mấy ông kia thấy tui nấu cơm giỏi quá rồi phong tui làm phó bí thư gì đó thì tui đâu có biết.

Vậy là tụi nó lại nhào vô, đánh tôi dã man hơn: đồ nước xà bông vô bụng, tréo mề gà, bốn tên giữ tay và chân cho một tên khác leo lên dận trên lưng, bẻ sườn. Lạ, càng đau đớn, tôi càng thấy căm phẫn, hể còn hơi sức là tôi chửi mắng lại bọn chúng, kiên quyết không nhận bất cứ những gì mà bọn chiêu hồi và Ba Bình khai báo.

Sang ngày thứ 4, chúng đưa tên thám báo Ngân ở xã Hóa An nhận mặt tôi, xác nhận tôi là người ở xã Tân Bình, nói rõ tôi hoạt động cách mạng như thế nào. Tôi phủ nhận hết, nhứt định không ký vào biên bản khai cung.

Ngày thứ 5, bọn chúng treo tôi lên trần nhà, hỏi: “Bây giờ muốn đi “máy bay” hay “tàu lặn” (kéo cho đập đầu vô tường, hoặc trần nước), tôi trả lời: “Tụi bây cứ bắn chết tao đi, đánh làm chi cho mệt, tao không biết gì đâu”. Vậy là năm thằng, mỗi thằng một cái chày vô thi nhau mà đập vào người tôi như đập bao gạo, máu tuôn ướt hết cả người tôi. Tôi ngất đi, tỉnh dậy chúng lại đánh tiếp, suốt hai ngày liên tục như vậy.

Suốt mấy ngày tôi bị tra tấn, hôm nào cũng có hai tên sĩ quan Mỹ đến kiểm tra, giám sát thông qua phiên dịch. Sáng ngày thứ 6, chúng hỏi tôi đã khai gì chưa, bọn cảnh sát trả lời: “Bà này đánh hết cách rồi, đánh mỗi tay thì nghỉ chớ bà không khai gì hết”, hai tên Mỹ giận dữ quát tháo: “Phải có cách nào khác chứ sao lại hết cách?”, khiến bọn cảnh sát cũng bức bối. Nhân cơ hội đó, tôi nói: “Tui là người Việt Nam, mấy ông cũng là người Việt Nam, vậy mà mấy ông nghe theo tụi Mỹ đánh tôi thân tàn ma dại như vậy, ông có thấy tụi Mỹ nó ác với dân mình không”. Bọn cảnh sát la lên: “Bà này nói chuyện nghe rất mùi Việt Cộng”. Tôi cười: “Mấy ông nói Việt Cộng ác ở đâu tui không thấy, tui chỉ thấy rõ ràng tụi Mỹ ác với dân mình”. Cơ thể tôi lúc này bầm dập toí tả, mềm như trái chuối, chỉ nằm một chỗ không gượng dậy nổi, nhưng nếu có chút sức lực là tôi lại đấu khẩu với bọn chúng.

Ngày thứ 7, tên trưởng phòng khét tiếng là tàn bạo trực tiếp đến tra khảo tôi. Anh chị em trong tù bảo tôi: “Thằng cha này đánh là ác nhứt trong đám, chị phải cẩn thận, ráng chịu đựng”.

Ký ức **VÀNG LỬA**

Hắn hỏi gì, tôi vẫn một mực trả lời: “Tôi không biết gì cả, mấy ông muốn đánh, muốn đập kiểu gì thì cứ làm đi, vì trước sau tôi không biết gì hết thì lấy gì mà khai? Tôi là phụ nữ, mà mấy ông đánh đập tôi dã man như vậy, có giỏi thì mấy ông đem bắn tôi đi. Mấy ông gán tội thì tôi phải chịu ngồi tù, chứ tôi có biết gì đâu mà khai báo”. Thế là hắn cho tra điện ngay đầu lưỡi tôi. Tôi chết giấc, chừng tỉnh lại thì đầu lưỡi tôi tê dại, mất cảm giác, nói chuyện cũng khó khăn, chỉ ú ớ chứ không nói được tròn tiếng.

Ngày thứ 8, chúng kết thúc điều tra và bắt tôi ký vào biên bản. Tôi kịch liệt phản đối và nhất định không ký. Chúng lại đánh thêm một chập, rồi nói: “Tội tôi phải chịu thua bà. Không ai chịu nổi những đòn tra tấn ở đây, vậy mà bà “chì” quá, sếp trưởng cũng phải chào thua. Bây giờ tội tôi đưa bà qua C3, nếu qua đó mà bà khai, tội tôi đem bà về giết luôn đó”. Tôi nhẹ cả người, vậy là tôi đã vượt qua được “cửa ải” đầu tiên.

Ngày thứ 9, chúng đưa tôi sang Nha cảnh sát. Tại đây, tôi gặp lại hai tên Mỹ và tên thông dịch viên. Chúng hỏi:

- Tại sao bà lại nghe lời Cộng sản?

Tôi trả lời:

- Tôi không nghe lời ai cả. Tôi thù Mỹ, nên tôi đi đánh Mỹ.

- Mỹ làm gì mà bà thù? Mỹ xây trường học, làm đường sá, giúp đỡ đất nước này phát triển mà.

Tôi đồng dục:

- Mấy ông nói láo. Mấy ông sang đây cướp nước tôi, giết đồng bào của tôi. Mấy ông nhìn đi, bao nhiêu làng mạc bị mấy ông ném bom phá hủy, bao nhiêu người bị chết vì bom đạn của các ông? Mấy ông còn rải chất độc hóa học làm chết hàng loạt cây cối. Đất nước tôi đã không còn màu xanh vì chất độc hóa học của các ông.

Hai tên quay qua nói gì đó với nhau bằng tiếng Mỹ. Một tên quay lại hỏi tôi:

- Nếu bây giờ chúng tôi thả bà ra, bà có còn đi đánh Mỹ nữa không?

Tôi nói dần từng tiếng, rất rõ ràng:

- Tôi sẽ vẫn tiếp tục đi đánh Mỹ, cho đến khi nào Mỹ không còn xâm lược nước tôi nữa mới thôi!

Hai tên Mỹ giận dữ, mặt đỏ bừng bừng, quát bọn lính nhốt tôi cho chết rục trong tù để xem còn chống Mỹ nữa không. Bọn lính kéo tôi đi, tống vào một phòng toilet nhỏ xíu. Nơi đây có một dãy toilet nhỏ như vậy dành để giam những người tù “cứng đầu cứng cổ”. Sức khỏe tôi rất yếu, nên khi bị nhốt trong không gian tăm tối, chật hẹp như vậy, tôi bị ngộp không thở nổi. Mỗi một giờ trôi qua, tôi có cảm giác mình đang chết dần, cái lạnh cứ kéo dần lên từ hai chân, rồi đến đầu gối. Ráng thu hết sức lực, tôi cố gắng đập vào cửa, đòi phải đưa ra ngoài. Khá lâu sau, hai tên lính mở cửa lôi tôi ra ngoài, thả vào phòng giam tập thể. Các chị trong phòng giam thấy tôi yếu quá, lấy dầu xoa bóp tay chân cho tôi, nhưng tôi cứ lịm dần đi. Mấy chị kêu la, đòi phải đưa tôi đi bệnh viện. Lúc tôi được đưa đến bệnh viện, bác sĩ thấy tình trạng của tôi, đã lắc đầu “chê”, bảo với bọn lính: “Người ta là phụ nữ mà mấy ông đánh đập dã man thế này, còn đem ra chữa trị làm gì?”. Vậy mà không hiểu sức sống từ đâu, tôi vẫn vượt qua được lưỡi hái tử thần, dần dần hồi phục. Vừa khỏe lại, chúng đã đưa tôi trở lại C3 để điều tra tiếp, nhưng không thu được kết quả, chúng bèn kết thúc hồ sơ, giải qua khám đường Biên Hòa.

Tháng 8/1968, dịch chuyển tôi sang nhà lao Thủ Đức, ở trại C. Nhà lao Thủ Đức là nơi có truyền thống đấu tranh của nữ tù chính trị rất mạnh mẽ. Tại đây, với kinh nghiệm học hỏi từ các chị em tù chính trị, tôi tham gia cùng các chị em tổ chức đấu tranh chống chào cờ, đòi quyền dân sinh, chống bắt cóc phân tán, chống đàn áp, đòi thả tự do... Do sơ suất, tôi bị lộ, bị dịch tống vào biệt giam.

Ngày hôm sau, giám đốc trại giam tên Minh đến gặp tôi, hỏi:

- Tại sao bà dám tổ chức đấu tranh chống Chính phủ?

Tôi trả lời:

- Do tôi thấy bất công. Các ông đối xử với chị em trong tù rất tàn ác, bất công, không thực hiện đúng quy định về chế độ đối xử với tù chính trị.

Hắn dụ dỗ, bảo tôi thi hành nội quy của trại, sẽ được trả tự do. Tôi vẫn khẳng khái nhất định thà chết chứ không chào cờ của địch. Tên giám đốc giận quá, sai lính đưa tôi đến phòng điều tra an ninh. Lại ma trắc, dùi cui nện vào đầu, vào thân thể tới tấp, bắt tôi phải khai ra tổ chức. Tôi bảo: “Chẳng có tổ chức nào cả, chỉ là tôi thấy bất công nên đấu tranh thôi!” Đánh chán, chúng đem còng treo tôi ở phía sau phòng an ninh suốt 12 ngày đêm, chỉ được thả ra vào bữa ăn và buổi tối. Sáng ngày thứ 13, có một tên mang cáo trạng đến, bảo tôi chuẩn bị ra tòa.

Phiên tòa xử tôi được tổ chức ở Bạch Đằng, cùng phiên xử hôm đó với tôi có một chị phụ nữ trung niên và 6 thanh niên là sinh viên đấu tranh bị bắt ở Sài Gòn. Khi đi ngang qua chỗ tôi, chị phụ nữ bảo nhỏ: “Phải tẩy chay phiên tòa này nha”. Tôi gật đầu, lòng thấy vui nhẹ nhẹ vì thấy nơi đâu, lúc nào, hoàn cảnh nào những người cách mạng cũng một lòng kiên cường.

Trong buổi xét xử, các sinh viên tẩy chay phiên tòa, tố cáo chính quyền Sài Gòn là không có công lý, các anh đập bàn hô la dữ dội, rất khí thế. Vụ của tôi thì chỉ có một mình, không liên quan đến ai, khi bị bắt cũng không có vũ khí, tài liệu trong người, vì thế tôi cứng rắn phán đối, lên án chính quyền Mỹ-ngụy là không công lý, không tình người, chỉ vì nghe thám báo chỉ bậy mà bắt giam, tra tấn dã man một phụ nữ chân yếu tay mềm, không có bằng chứng mà ép buộc phải nhận tội.

Sau buổi hội ý, tòa tuyên bố: Bà Nguyễn Thị Ba (là tên giả của tôi khai lúc bị bắt) tuy khi bị bắt không có vũ khí, tài liệu, không có người liên quan, nhưng tội của bà là chống Chính phủ quốc gia, nên tuyên án 3 năm tù. Tôi lập tức đứng dậy đập bàn, hô to: “Phiên tòa này không có công lý. Tôi không nhận án tù. Các ông có đi tù thì đi, tôi về với anh em tôi”.

Sau phiên tòa, chúng đưa tôi trở lại nhà lao Thủ Đức và

tổng ngay vào phòng kỷ luật 7. Một thời gian sau, chúng đưa tôi qua phòng biệt giam D, ở chung với 30 chị em tù chính trị, trong đó có các chị Ba Sang, Trương Mỹ Hoa (sau này là Phó Chủ tịch Nước), Trần Thị Hòa (Ba Hòa)... Trời! chúng đưa tôi vào đây, khác nào “cá gặp nước”, tôi cùng các chị em tổ chức học tập, đấu tranh, chúng tôi còn thành lập cả chi bộ Đảng trong tù để sinh hoạt, chị Ba Sang được bầu làm Bí thư chi bộ. Cũng trong trại giam này, sau thời gian thử thách, chúng tôi giới thiệu và kết nạp Ba Hòa vào Đảng. Hai tiếng “thử thách” ở ngoài đời nói nghe nhẹ tênh, nhưng trong hoàn cảnh giam cầm như chúng tôi, thử thách ở đây là tinh thần đấu tranh, khí tiết cách mạng trước đòn roi tra tấn tàn bạo của kẻ thù, thử thách bằng sự đau đớn về thể xác, tinh thần, bằng mưu trí của người tù trước âm mưu thâm độc, nham hiểm bằng mọi cách của địch.

Chi bộ trong nhà tù đã xây dựng ra các ban: ban đấu tranh chính trị, ban đấu tranh quân sự, ban hậu cần, ban y tế, ban binh vận... Các ban phối hợp nhau tổ chức đấu tranh, bảo vệ tù nhân, vận động tranh thủ bọn lính gác. Một hôm, có một nữ tù chính trị sau khi dự phiên tòa xử chị về, chúng bắt đứng ở ngoài chào cờ. Chị không chào, bị chúng đánh chết ngay tại chỗ. Các trại, các phòng đều phần uất, hò la đấu tranh suốt 2 ngày đêm đòi giải quyết vụ giết người, chống đàn áp, áp bức.

Tháng 8/1969, địch giải tôi và một số chị em khác sang nhà lao Chí Hòa. Tại khám đường nổi tiếng khắp miền Nam vì sự tàn ác, những người tù chính trị tay không tác sát, bị giam cầm, o ép, đánh đập khảo tra vẫn thành lập được các chi bộ Đảng và Đảng ủy. Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy nhà lao, phong trào đấu tranh của tù chính trị, đặc biệt của các chị em nữ tù vẫn rất mạnh mẽ khiến địch nhiều lúc phải bó tay chào thua, nhượng bộ. Tôi vẫn nhớ nhất cuộc đấu tranh đòi đề tang và làm lễ truy điệu Bác Hồ khi tù chính trị hay tin Bác qua đời. Tôi được chị em trong phòng cử làm trưởng ban đấu tranh, đòi đề tang Bác trong 7 ngày. Tên Tuấn, phó giám đốc nhà lao nói: “Ở đây là trung tâm Sài Gòn chứ không phải căn cứ địa của các bà, mà các bà đòi làm lễ truy

điều, đòi đề tang công khai, hát quốc ca, xung quanh người ta nghe hết thì còn gì là chánh thể Việt Nam Cộng hòa?”. Đoàn đấu tranh của các nữ tù chính trị cũng rất cương quyết: “Dù các ông không thừa nhận, thì chúng tôi vẫn sẽ cử hành tang lễ, vì đây là lãnh tụ của chúng tôi”.

Khi trở về phòng, tất cả các anh chị em tù chính trị tại các phòng trong trại giam Chí Hòa đều tiến hành lễ tang Bác. Vào lúc 7 giờ sáng mỗi ngày, công chức chưa đi làm, chúng tôi - những nữ tù chính trị các phòng OB1, OB2, OB3 và OB4 trên 300 người đồng loạt quần khăn tang trắng trên đầu và hát bài *Giải phóng miền Nam, Chiêu hồn liệt sĩ*, âm thanh vang dội cả khu vực khám Chí Hòa.

Tháng 11/1969, địch đưa tôi và các chị em khác, khoảng 30 người đi đày tại Côn Đảo. Tập thể nữ tù chính trị đấu tranh quyết liệt, chống đày đi Côn Đảo. “Nếu có đi, chỉ đi bằng lưng (tức bị khiêng đi), chứ không đi bằng chân (tự đi)”, đó là quyết tâm của chị em. Địch phải túa vào khiêng, lôi kéo, ném từng người lên xe áp tải như liệng khúc củi. Đến tàu, lại điệp khúc chị em chống cự, chúng đánh đập rồi khiêng vớt xuống tàu. Ra đến đảo, sau màn đánh đập “chào sân”, chúng tổng cả nhóm nữ tù chính trị vào Chuồng cọp, cứ 5 người vô 1 chuồng.

Chế độ giam cầm ở Côn Đảo, đặc biệt là Chuồng cọp thật khắc nghiệt. Phòng giam chật cứng, mọi người phải nhường nhịn nhau từng cái củi chõ, đầu gối để đủ chỗ nằm. Ăn thì toàn là khô mực, mắm ruốc có dòi, chỉ nghe qua mùi là muốn lộn mửa, lại không có chút rau xanh nào, chị em ai cũng bị thiếu chất. Nước uống, tắm giặt cũng bị hạn chế, ai cũng ghê lở đầy người. Khổ nhất là chuyện kinh nguyệt hàng tháng. Không được phát vải vệ sinh, chị em phải xé ống quần, tay áo, lai áo làm băng vệ sinh, riết rồi quần áo ai cũng cụt ngắn không còn chỗ để xé. Chị em nữ tù lại đấu tranh, chúng phải nói lòng điều kiện giam giữ, chỉ còn 2-3 người/chuồng. Nhưng khi chị em đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, cải thiện điều kiện ăn uống, chúng đàn áp dã man bằng cách lấy vôi bột đổ từ trên nóc Chuồng cọp xuống đầu cổ, mình

mấy chị em, ác hơn hơn, sau khi đổ vôi, chúng đổ tiếp nước bắn xuống. Vôi bột gặp nước thì sôi lên sùng sục, chị em nhiều người bị phỏng, da phỏng lên, đau đớn vô cùng, nhiều người sau đó bị lở loét không chữa trị hết. Nhưng chị em tù chính trị vẫn kiên cường, cuộc đấu tranh kéo dài đến 27 ngày thì địch buộc phải nhượng bộ. Tại đây, chị em nữ tù cũng thành lập chi bộ Đảng, sinh hoạt và chỉ đạo đấu tranh.

Tháng 11/1970, tôi cùng các chị em khác bị địch chuyển về nhà lao Tân Hiệp (Thành phố Biên Hòa). Chị Ba Sang tiếp tục được bầu là Bí thư chi bộ, tôi là ủy viên, trưởng ban đấu tranh của phòng. Như những trại giam khác mà chúng tôi từng đi qua, cuộc đấu tranh tại nhà lao Tân Hiệp luôn mạnh mẽ, sôi nổi dù bị địch đàn áp khốc liệt. Trong thời gian bị giam cầm tại đây, chúng tôi đã tổ chức 4 cuộc đấu tranh lớn và 1 cuộc tuyệt thực, chống bọn địch dùng tâm lý chiến chia rẽ, chống đàn áp bằng lựu đạn cay, dòi dân sinh dân chủ. Bọn địch đã tung cả trăm trái lựu đạn vào phòng, nhiều chị bị thương, bị phỏng, bị ngột ngạt xiêu, nhưng tất cả đều quyết tâm đấu tranh đến cùng. Cuộc đấu tranh đó đã giành được một số thắng lợi, địch đã phải giải quyết trả tự do cho một số chị đã hết hạn nhưng bị chúng cố tình giam giữ thêm, thức ăn hàng ngày cũng có thịt cá, được phát quần áo mới, được gia đình thăm nuôi.

Tháng 6/1972, địch tiếp tục đưa 380 chị em ở trại 2 nhà lao Tân Hiệp đày ra Côn Đảo lần thứ 2. Dù đi đâu, ở đâu, tôi và các chị em tù chính trị luôn giữ vững khí tiết, đấu tranh mạnh mẽ với địch. Ngày 5/3/1974, thi hành Hiệp định Paris, tôi được trao trả tại Lộc Ninh (Bình Phước). Tính ra, tôi đã bị chúng giam hơn 7 năm, dù kêu án chỉ có 3 năm. Ngày trở về với đồng đội, tôi mừng đến độ không kiềm được nước mắt. đồng thời tự hào vì tôi đã luôn xứng đáng là người đảng viên, lao tù, kèm kẹp lẫn bạo lực của địch không thể khuất phục.

Trong thời gian được điều trị, chăm sóc sức khỏe tại Lộc Ninh, tôi nhận được sự quan tâm đặc biệt của anh Nguyễn Văn Liềm, quê ở xã Phú Thạnh (huyện Nhơn Trạch), là cán bộ tổ chức

của Trung ương Cục miền Nam, nằm trong ban đón tiếp tù chính trị được trao trả. Anh rất hiền lành, luôn quan tâm chăm sóc đồng đội, đồng chí, nhưng mọi người đều nhận ra được tình cảm đặc biệt anh dành cho tôi. Trước đây khi còn hoạt động, cũng có người ngỏ ý thương tôi, nhưng hoàn cảnh lúc ấy quá ngặt nghèo, tôi sợ mình vướng bận gia đình không thể hoạt động nên tôi đã làm lơ, từ chối tình cảm lứa đôi đợi ngày đất nước thống nhất. Giờ, tôi cũng đã bước vào tuổi “quá lứa lỡ thì”, quan trọng hơn sau 7 năm trong lao tù của địch, sức khỏe tôi giảm sút nghiêm trọng, liệu có đảm đương được chắc năng làm vợ, làm mẹ? Mấy chị em tù chính trị cùng được trao trả với tôi biết tình cảm và băn khoăn của cả hai, đã chủ động gặp anh để phân tích “Anh có thiệt lòng thương Mười Sen không? Mười Sen coi vậy chớ “phồn vinh giả tạo”, vì sau mấy năm ở trong tù sức khỏe chỉ hiện giờ rất yếu. Phải thiệt lòng thương, thì mới chấp nhận được hoàn cảnh của chị, chăm sóc cho chị”. Anh bảo rất hiểu điều đó, nguyện sẽ thương yêu, chăm sóc tôi trọn đời, nhưng trong lòng tôi vẫn nhiều băn khoăn, trăn trở. Tôi bảo anh, thôi đợi giải phóng rồi hẵng hay. Anh cũng nghe tôi, nén lòng chờ.

Sau khi sức khỏe phục hồi, tôi được điều về công tác Ủy ban kiểm tra Trung ương Cục, đóng tại Tây Ninh. Anh Liêm công tác bên Ban tổ chức, cũng gần nên chúng tôi có điều kiện tìm hiểu nhau thêm. Ngày 30/4/1975, hay tin giải phóng Sài Gòn, thống nhất đất nước, các ban ở Trung ương Cục chúng tôi vui mừng quá, tổ chức liên hoan. Trong buổi tiệc vui, bất ngờ anh em công bố “gả” tôi cho anh Liêm vì lời hẹn “Đất nước thống nhất mới thành vợ chồng” của tôi đã đến. Niềm vui riêng của chúng tôi đã hòa vào niềm vui chung của đất nước, dân tộc như thế đó.

Thanh Thúy (ghi)

HUỖNH MINH CƯỜNG (SÁU CƯỜNG):

CHIẾC QUẦN KỶ NIỆM

Lâu nay, mọi người thường gọi tôi là Sáu Cường – Huỳnh Minh Cường. Thật ra, tên “cúng cơm” của tôi là Huỳnh Văn Khiêm. Tôi sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo, thiếu ruộng vườn, đông con cái ở xã Phước Long, huyện Long Thành (nay thuộc ấp 2, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch). Trong bảy anh chị em, tôi thứ sáu nên thường gọi là Sáu Khiêm. Trước tôi có các anh chị: Hai Tình, Ba Giác, Năm Thế (người thứ tư chết hồi nhỏ); sau tôi là các em: Bảy Tiếp, Tám Lưỡng, Chín Lộc.

Ba má tôi đến với nhau từ năm nào, tôi không rõ. Chỉ nghe chuyện kể rằng: Có một anh tá điền nghèo tên Huỳnh Văn Phê, phải lòng cô thôn nữ Lâm Thị Trừ, con gái một nhà khá giả trong làng. Một lần nọ, chàng trai họ Huỳnh cùng với nhóm trai làng đến giúp việc đưa đám cho gia đình họ Lâm. Chàng trai tinh nghịch, lấy dầu trét vào kèn đồng của đội nhạc kèn, chuyện bị lộ, chàng trai bị chủ nhà “căng nọc” phạt đánh hết mấy roi. Cô gái họ Lâm thương tình, đem dầu thoa vết đau cho chàng trai. Vết thương lành thì tình cảm giữa họ cũng trở nên sâu nặng. Không lâu sau, chàng trai họ Huỳnh được nhà họ Lâm gả con gái cho mà không nề hà chuyện môn đăng hộ đối. Hai người đến với nhau bằng ân nghĩa, sống với xóm làng cũng bằng ân nghĩa, đem câu ân nghĩa làm tài sản truyền lại cho con cái. Mái ấm của gia đình họ êm ả với xóm làng, cho đến khi cả miền Nam “đi theo tiếng kèn sơn hà nguy biến” từ mùa thu 1945 lịch sử.

Trước năm 1945, cả dân tộc chìm trong kiếp sống nô lệ bởi thực dân Pháp, nhưng ở xã Phước Long xa xôi, nghèo khổ của chúng tôi, điều ấy chưa được cảm nhận một cách rõ ràng. Chỉ cho đến khi Cách mạng tháng Tám bùng lên, Việt Minh giành được chính quyền, dân làng mới thấy được ý nghĩa quý báu của đời

sống tự do, độc lập. Nhưng vui chẳng tày gang, thực dân Pháp đã chiếm nước ta một lần nữa. Cả gia đình tôi cũng như nhiều người dân làng Phước Long lúc ấy đều hút theo phong trào Nam Bộ kháng chiến. Cũng vì dã tâm xâm lược của địch mà gia đình tôi từ đó mất đi cuộc sống yên lành, bắt đầu chuỗi ngày gian nan, lận đận, xiêu bạt, ly tán.

Trong hai năm 1946, 1947, tai họa liên tiếp giáng xuống gia đình tôi. Má tôi mất do bạo bệnh mà không có thuốc men chữa trị, anh Hai Tình sau khi bị bắt đi phu cũng ra đi vì lao nhọc quá mức. Ba tôi “gà trống nuôi con” vất vả trăm đường, nhưng rồi cũng bị nghịch cảnh chiến tranh cướp đi mạng sống một cách oan uổng. Chị em chúng tôi thành những đứa nhỏ mồ côi. Các chị Ba Giác, Năm Thế đi làm thuê làm mướn nuôi các em, tôi mới 15 tuổi đã trở thành đàn ông trụ cột của gia đình, gánh vác những việc nặng nhọc phụ với hai chị. Cứ vậy, chị em chúng tôi sống chiu chít, yêu thương đùm bọc nhau trong hoàn cảnh khó khăn chung của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Phong trào Việt Minh ngày càng phát triển rộng khắp. Giặc Pháp truy bức, đánh phá toàn xã Phước Long, nhà cửa, ruộng vườn của dân làng phần lớn bị thiêu rụi, hủy hoại. Căn nhà lá cùng tài sản ít ỏi của chị em tôi cũng bị đốt cháy trụi. So với những gia đình khác có cha có mẹ, có người lớn làm trụ cột, thì hoàn cảnh của chị em chúng tôi thật khốn khó mọi bề. Chị em tôi tuổi lại còn nhỏ, kiếm được miếng ăn để không chết đói là đã may lắm rồi, chưa đủ trí khôn để đánh vật với cuộc sống nhiều biến động lúc đó.

Theo sự hướng dẫn của tổ chức Việt Minh, chị em chúng tôi dắt díu nhau vào khu kháng chiến để tham gia cùng các cô chú, đồng thời để được các cô chú cứu mang, giúp đỡ. Chị Ba Giác và Năm Tiếp thì tham gia công tác phụ nữ xã. Em Bảy Tiếp (Bảy Phụng) làm giao liên cho phụ nữ huyện ở Bàu Bông, em Tám Lưỡng (Tám Hùng) là liên lạc cho bộ đội địa phương. Các em hãy còn nhỏ tuổi, gọi là “tham gia công tác”, nhưng thực ra là để “kiếm cơm” chứ chưa đóng góp được gì nhiều cho kháng

chiến. Riêng tôi, bằng sức lực tuổi thiếu niên, tôi làm đủ việc: chài lưới, câu trủ, cấy mướn... để nuôi thân và “chấn dất” em Chín Lộc lúc bấy giờ chưa đầy 10 tuổi. Ngoài ra, tôi cũng tham gia sinh hoạt của tổ thiếu niên nhi đồng trong xã. Đây là giai đoạn rất quan trọng, hình thành nên nhận thức về cách mạng để tôi và các em trưởng thành nhanh, vững vàng trong phong trào kháng chiến chống Mỹ sau này.

Buổi đầu, tôi chưa hiểu gì về lòng yêu nước, về phong trào cách mạng, thậm chí cũng rất mơ hồ về lòng căm thù giặc. Chỉ biết rằng giặc Pháp ác quá, giết nhiều người trong làng, trong đó có cả người thân của chúng tôi, làm cho đời sống người dân thật khổ cực, vì vậy phải làm việc tổ chức giao cho để chống lại cái ác, thoát được cái khổ. Đầu tiên, tôi được phân công phụ trách thiếu niên nhi đồng của xã Phước Long. Đến năm 1949, giặc Pháp gia tăng hoạt động quân sự, tàn phá ruộng vườn, triệt đường sản xuất và cung cấp lương thực cho khu kháng chiến, đánh lan ra Rừng Sác, cuộc sống của dân quân kháng chiến cực kỳ khó khăn, nhất là về lương thực và nhu yếu phẩm. Đối phó với tình hình này, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện chỉ thị đưa đại bộ phận người dân xã Phước Long về vùng Phước Khánh để giải quyết vấn đề lương thực, ổn định cuộc sống. Số còn lại được sáp nhập với ấp Phước Hòa, thành lập xã mới Tập Phước. Tôi là một trong số cán bộ được đưa về xã mới, nhận nhiệm vụ tiểu đội trưởng dân quân và nhân viên thông tin xã.

Năm 1956, sau khi Hiệp định Genève không được thực thi với sự tráo trở, lật lọng của địch, trước yêu cầu của tình hình mới, chị em chúng tôi chuyển về làm công nhân ở đồn điền cao su Bình Sơn, hoạt động mật. Thời kỳ này có thể nói là đen tối của phong trào cách mạng: chính quyền Ngô Đình Diệm khủng bố người kháng chiến ở khắp nơi, máu và nước mắt tuôn đổ hàng giờ, hàng phút, làm tan nát biết bao gia đình ở miền Nam. Gia đình tôi cũng lâm vào cảnh ấy.

Tôi không thể nào quên cột mốc ngày 4/5/1959. Hôm đó, như thường ngày, tôi dậy từ rất sớm, soạn lại mớ truyền đơn

do ông Bảy Thường xã đội trưởng giao, rồi đạp xe đi làm từ xã Phước Long, ngang qua thị trấn Long Thành để vào Bình Sơn. Vừa đi, tôi vừa kín đáo rải truyền đơn từ ngã ba Mả bà Mười Hiền (Phước Long) đến cầu Mạch Bà (Phước Lai). Cùng đi có anh rể tôi là Nguyễn Văn Bính, anh Huỳnh Văn Nữ và Huỳnh Văn Cẩn. Trời nhập nhoạng, tôi lại đi phía sau nên mấy anh này không biết tôi rải truyền đơn. Đến xã Phước Lai thì truyền đơn đã rải hết, lúc này có thêm anh Nguyễn Văn Hai nhập bọn, vừa đạp xe thông dong vừa nói chuyện rất vui vẻ. Qua khỏi Phước Thiện một đoạn, chúng tôi thấy truyền đơn ai đó rải trắng đường. Đi đến cua Lò Heo, chúng tôi thấy có xe pha đèn đuổi theo. Ngỡ là xe dò, chúng tôi rủ nhau đạp nhanh, không để xe qua mặt khỏi bị bụi. Đến khúc đường nhựa, chúng tôi đạp chậm lại, không ngờ một chiếc xe công an chạy đến cúp ngay đầu xe cả nhóm làm chúng tôi bị té dòn cục. Chưa kịp ngồi dậy, chúng tôi đã bị bọn công an nắm đầu đánh cho một trận nhừ tử, rồi đẩy cả năm người lên xe, còn thành một xâu. Trên xe chất đầy truyền đơn, biểu ngữ do bọn chúng thu gom trên đường. Lúc đó, khoảng 4 giờ sáng.

Vừa về đến công an Long Thành, lập tức chúng tôi bị đưa vào điều tra. Hỏi thì ít, nhưng tra tấn thì không dừng tay, đủ các kiểu. Nào là đạp bằng chân, đánh bằng tay, bằng cây, bằng roi điện; đổ nước sôi, nước mắm vào bụng... Chúng bắt anh em tôi phải nhận truyền đơn ấy là do mình rải, đồng thời phải khai nhận truyền đơn của ai, ở đâu. Trong năm người, anh Bính và tôi bị "chiếu cố" nhiều nhất vì biết chúng tôi là những người tham gia kháng chiến trước đây. Không khai thác được gì, 5 ngày sau chúng đưa anh em tôi và số truyền đơn trên về công an Biên Hòa.

Tại đây, chúng tôi bị điều tra gần một tháng nữa. Những ngón đòn tra tấn ở đây cũng tàn ác hơn. Tôi và anh Bính bị đánh chết đi sống lại không biết bao nhiêu lần. Khi chúng kết thúc hồ sơ, chúng tôi bị đưa về khám đường Biên Hòa. Sáu tháng sau, cả nhóm bị đưa về nhà lao Chí Hòa. Gần một năm sau, chúng mới đưa ra tòa đại hình Sài Gòn kêu án. Do không có chứng cứ, chúng tôi được trắng án, nhưng thay vì phải đưa chúng tôi về thả ở Biên Hòa, bọn chúng lại đưa cả nhóm đến thành Ôma ở Sài Gòn giam

nửa tháng, đưa đến nhà lao Gia Định 10 ngày, đưa đến nhà lao Thủ Đức giam tiếp 1 tháng nữa, rồi mới đưa về lại khám đường Biên Hòa. Tới đây, chúng tôi tưởng sẽ được thả, không ngờ lại bị đưa đến nhà lao Phú Lợi. Tôi được thả ngày 26/10/1960, tính ra là bị ở tù hơn 15 tháng, dù không bị kêu án. Về nhà cũng chẳng được yên thân, cứ cách 10 ngày lại phải ra công an huyện trình diện, 30 ngày thì lên trình diện tại công an tỉnh Biên Hòa.

Đầu năm 1961, em Bảy Tiếp thoát ly theo kháng chiến. Thế là tôi bị bắt lại ngay tại nhà với tội danh “tiếp tay cho em theo Việt Cộng”. Đầu tiên, chúng đưa tôi ra đồn Cũ (xã Phước Long) để tra khảo. Lần này, tôi tiếp tục bị đánh tàn khốc, thân thể mềm nhũn, mình mẩy sưng húp không đi lại nổi. Ba ngày sau, chúng đưa vào đồn thêm một người nữa là anh Nguyễn Văn Gòn ở xã Phước Thọ, bị chúng tình nghi tiếp tế cho Việt Cộng. Chúng giám tra tấn tôi, tập trung vào anh Gòn nhằm phăng tìm anh Nguyễn Văn Trị - một cán bộ “Việt Cộng nguy hiểm”. Chúng đánh anh Gòn bằng nhiều cách như đã đánh tôi. Ngày đầu, chúng đánh kiểu tứ trụ (bốn tên đứng bốn góc, tên này đánh văng sang tên kia, tên kia đập văng qua tên nọ như chơi cầu), đánh suốt 4 tiếng đồng hồ, anh Gòn chịu không nổi, lăn ra bất tỉnh. Chúng lôi anh vào, còng chung tay anh với tay tôi, anh nằm sát bên tôi mà như người đã chết. Lúc ấy, người tôi cũng sưng húp, mình mẩy đau như dằm. Đợi chúng quay đi, tôi gượng dậy thoa bóp, làm động tác hồi sức cho anh, đến tối anh mới tỉnh.

Chúng tôi bị bỏ đói suốt 3 ngày liền, người nhà không được vào thăm, gởi cơm vô chúng cũng không cho ăn. Hôm sau, anh Gòn vẫn tiếp tục bị đánh, đổ cả vôi bột, xà bông, nước mắm vô bụng. Khi đưa anh trở lại chung với tôi, anh ói máu tươi ướm đỏ cả anh và tôi. Đến ngày thứ ba, chúng không đưa anh đi mà treo anh ngay cạnh chỗ tôi ngồi. Chúng cột hai ngón tay cái quặt ra sau lưng, treo xách lên trần lô cốt, cổ chân cũng bị treo xách lên, ngực và bụng căng ra, gọi là “đi máy bay”. Mỗi lần chúng hỏi, anh không nói thì chúng đá mũi giày đinh vào ngực, bụng, nguy hiểm nhất là vào háng, hoặc cầm sợi dây treo hai chân anh

rồi đẩy mạnh vào vách tường lô cốt bằng đá ong. Khi được thả xuống, người chắm đất thì anh Gòn ngã gục, hai tay không trở lại bình thường được nữa. Chúng dùng giày đinh đập vào ngực anh, kéo cánh tay anh phía trước, anh đau quá kêu thét lên.

Anh Gòn còn nằm sóng sượt chưa tỉnh, thì đến lượt chúng treo tôi lên. Lúc đầu, tôi còn cảm giác đau đớn, biết chúng đang tra tấn mình như đối với anh Gòn. Nhưng ít lâu sau thì tôi không còn cảm giác gì nữa. Chúng thả tôi xuống lúc nào, tôi cũng không hay. Khi tôi tỉnh dậy, thì thấy mình đã bị còng chung với anh Gòn. Anh vẫn còn mê man chưa tỉnh, không hỏi gì được. Tôi nằm nghe tiếng gà trong xóm gáy vang, không đoán được là mấy giờ, nhưng trong lòng bỗng nhớ gia đình da diết, thêm được thức dậy trong ngôi nhà nhỏ quen thuộc của mình, nghe tiếng mấy đứa con ngủ mớ nói lảm nhảm, tiếng con mèo mướp gừ gừ nơi góc bếp. Một ước ao vô cùng đơn giản, vậy mà khó vô cùng khi xóm làng còn trong vòng kìm kẹp của địch.

Năm ngày sau, chúng giải chúng tôi ra Phước An. Trên đường đi, phần thì bị kiệt sức, phần do bị còng tay, chúng tôi đi không nổi nên càng bị địch đánh đá túi bụi. Ngủ lại Phước An một đêm, sáng hôm sau chúng tôi bị đưa về tiểu khu Phòng IV Biên Hòa, đóng ở thành Kèn. Tôi và anh Gòn bị còng chung, giam trong ngôi nhà dột nát. Được 2 ngày yên ổn, ngày thứ 3 chúng lại gọi từng đứa lên phòng điều tra, tiếp tục tra khảo, thường là vào buổi tối. Tôi bị chúng tra điện, dí điện khắp người, nhất là mặt, mũi, miệng, có lần làm gãy hai răng cửa, đau đến ngất xỉu. Hai anh em cứ vậy mà động viên nhau vượt qua đau đớn.

Mấy ngày sau, anh Gòn được thả nhờ gia đình chạy chọt, đưa ra được cái thẻ chứng minh anh đi lính cho Pháp trước đây. Còn lại mình tôi, bị còng tay và cùm cả hai chân, nằm còng queo trong góc nhà ẩm ướt. Mỗi ngày chỉ được một nhúm cơm lạt, không thức ăn, không mắm muối.

Hai ngày sau, chúng đẩy vào phòng một cô gái, bị bắt ở Tân Triều (huyện Vĩnh Cửu). Chúng còng chung tay cô vào tay tôi như anh Gòn. Cô e dè, khóc thút thít. Tôi lựa lời hỏi thăm,

an ủi, động viên nhưng cô không nói lời nào. Khoảng 8 giờ tối, chúng đưa cô lên phòng điều tra. 2 tiếng đồng hồ sau, cô bị lôi về, bất tỉnh, quần áo ướt sũng, đầu tóc rối bù, nằm thiêm thiếp. Tôi muốn giúp cô như anh Gòn, nhưng quả tình nam nữ khác biệt nên tôi cũng bối rối, không biết làm sao. Đến hừng sáng, nghe tiếng gà gáy, cô mới cựa mình, mở mắt. Bỗng cô rên mấy tiếng, rùng mình rồi ới mưa lênh láng. Trời sáng trắng, cô mới tỉnh hẳn. Hỏi thăm, tôi được biết cô tên Lê Thị Tư, 22 tuổi (nhỏ hơn tôi 4 tuổi), nhà ở Bến Cá đã được cha mẹ hứa gả chồng, sắp làm đám cưới. Trên đường đi chà lúa, cô bị bọn lính ập đến bắt vì nghi tiếp tế cho Việt Cộng, số gạo chà được cũng bị tịch thu.

Qua chuyện trò, cô Tư biết tôi là người có thể tin cậy được, lại có “kinh nghiệm” ở tù, nên cô nhận tôi làm anh và nhờ hướng dẫn cách đối phó với bọn lính, vượt qua đồn thù mà không phải khai báo gì.

Liên tiếp hai ngày sau, cứ đến 8 giờ tối là chúng đến lôi cô Tư lên phòng điều tra. Đêm thứ ba, có lẽ chúng đánh quá nặng, quần áo cô bị rách bươm, không che kín được thân thể. Sáng ra, càng thấy rõ hơn, cô bị đánh rách bươm cả người, thân thể tím bầm như bị xát hột mùng tot. Cô kể, chúng buộc cô phải nhận có tiếp tế cho Việt Cộng, và phải khai tiếp tế cho ai, đi đường nào, đến nhà nào, ai là người trực tiếp nhận. Cô một mực không khai nên chúng đánh và xé nát quần áo cô, dùng cây vuông đánh vào người, nhất là từ đầu gối đến háng, ngay cả ngực cũng bị đánh bầm tím. Vừa thều thào kể, cô vừa chỉ cho tôi những dấu vết khảo tra trên người, thỉnh thoảng cô lại ới ra ngum máu đỏ bầm. Tôi bị còng một tay, tay còn lại giúp cô xoa những chỗ bị thương. Hôm sau, tôi năn nỉ xin người nấu bếp cho miếng muối giấu dưới đáy chén cơm, lấy muối hòa với nước đọng trên nền nhà để thoa những vết bầm cho cô. Trông cô thân tàn ma dại, hai cánh tay bị liệt không cử động được, tôi thương xót như đứa em gái ruột thịt trong gia đình. Đến giờ ăn, cô không cử động tay được, tôi phải đút từng muỗng cơm nhỏ cho cô nhai trệu trạo. Cơm ảm mốc, lạt lẽo, cô vừa ăn vừa chửi bọn giặc vô nhân tính. Tôi thấy rõ ở một

cô gái nhỏ, ban đầu chỉ là một cô gái yếu ớt, nhưng lòng căm thù giặc tàn bạo đã biến cô thành một phụ nữ mạnh mẽ, quyết tâm cứng rắn, không chịu khuất phục đòn thù của địch.

Ba hôm sau, cô bị giải về công an Biên Hòa. Lúc cô ra đi, thấy quần áo của cô không đủ che kín thân thể, tôi bảo: “Áo thì không cách nào giải quyết được, nhưng cô phải nhận cái quần của tôi mặc đỡ khi ra ngoài”. Sau một hồi từ chối, nhưng vì thấy rõ không thể ăn mặc như thế trước mặt bọn địch, cô đành nhận, đồng thời ôm chầm lấy tôi khóc ràn rụa. Trông thấy cảnh đó, bọn địch “ngứa mắt” xông vào đá tôi túi bụi rồi lôi cô đi.

Tôi lại bị chúng đưa lên nhà tù Phú Lợi lần thứ 2. Nhà tù Phú Lợi có nhiều trại khác nhau, tôi bị giam ở trại Đồng Đa. Thoạt đầu, tôi bị đưa vào phòng N một thời gian, sau đó chuyển qua phòng B, còn gọi là khu hòa thực, gần 4 tháng sau thì chuyển qua phòng D. Phòng F dùng để giam nữ tù nhân. Hàng ngày, tôi phụ trách quét dọn và lo lãnh cơm nước cho số anh em đi làm. Khi đi quét dọn, tôi thường tìm cách đến sát khu F. Địch quy định: tù nam quét khu vực này phải đúng giờ, trong khi đang quét thì tù nữ không được ra. Tuy nhiên, phòng F có nhiều cháu nhỏ bị giam chung với mẹ, khu này lại có hàng cây trứng cá chín đỏ quanh năm, các cháu rất thích. Vì vậy, khi quét dọn khu vực này chúng tôi thường hái trái trứng cá, xếp hàng trên những chiếc lá rụng cho sạch sẽ, sau đó nói trông chừng thật lớn để các cháu nghe rõ: “Để trứng cá đây nha, ai ăn thì đến lấy nha”. Khi cầm chổi quay đi, chúng tôi liếc lại thấy các chị ra, hốt trái trứng cá chia cho mấy cháu nhỏ. Việc có vậy thôi, mà chúng tôi thấy rộn vui trong lòng, cảm thấy như có điều gì gắn bó với phòng F, nơi có những người phụ nữ, trẻ con như vợ, con chúng tôi ở nhà.

Một hôm, tôi đang lui cui xếp trái trứng cá, chợt nghe tiếng khóc và tiếng kêu nức nghẹn “Anh Sáu...”. Quay mặt lại, liếc vào cổng, tôi sững sốt nhận ra cô Tư đang lột khăn choàng như muốn cho tôi nhìn rõ mặt. Cô nói nhanh: “Em khỏe, vừa được thăm nuôi”, nói xong cô đi mất hút vì quy định ở trại cấm ngặt tù nhân trao đổi, chuyện trò, ra dấu với nhau, nếu bắt được

chúng phạt rất nặng. Tôi chỉ kịp nói với theo: “Tôi cũng khỏe, thường quét dọn ở đây”. Hôm sau, khi quét ở khu vực này, tôi ngó quanh mong được gặp cô Tư. Chẳng thấy cô đâu, chỉ thấy một cái gói nhỏ. Tôi lộn cái gói vào người, vào nhà vệ sinh mở ra: đúng là cái quần của tôi đưa cho cô trước đó, nay cô gởi trả lại cùng với miếng giấy rất nhỏ ghi mấy chữ: “Trả lại vật kỷ niệm, chúc anh khỏe!”. Tôi cho mảnh giấy vào miệng nhai nát, một niềm thương cảm, xúc động dâng lên trong lòng. Từ đó, tôi không biết tung tích gì về cô nữa, không biết cô còn sống hay đã chết. Nhưng hình ảnh cô gái nhỏ kiên cường ấy bao năm qua vẫn in sâu trong tâm trí tôi không thể nào quên, và những kỷ niệm nho nhỏ về cô tôi vẫn nhớ mãi.

Lần ở nhà tù Phú Lợi này, tôi chịu đủ điều cay cực, kéo dài đằng đẵng đến ngày 26/10/1963, chúng mới thả tôi về với lý do “mãn hạn cải huấn”. Tính ra, lần này tôi ở tù đến gần 2 năm. Khi tôi về đến nhà, gia đình đã tan tác: chị Năm Thế, em Tám Hùng, Chín Tấn đều đã thoát ly, chị Ba Giác cùng với vợ tôi ở nhà lo làm lụng nuôi dưỡng hết các con và cháu, hoàn cảnh hết sức cơ cực, khốn khó. Bọn tề ngụy lại biết gia đình tôi có người đi kháng chiến nên o ép đủ điều. Tôi về, nhà có đàn ông, thêm hơi ấm, nhưng tôi vẫn chưa được hoàn toàn tự do, mỗi tuần phải trình diện tại công an huyện Long Thành. Chúng còn buộc tôi phải nhận làm mật thám báo cáo tình hình Việt Cộng cho chúng, nhưng tôi kiên quyết từ chối, lấy lý do sức khỏe kém, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Tôi về nhà mới 6 ngày thì nhận được tin sét đánh: chị Năm Thế trên đường đi công tác bị địch phục kích, hy sinh vào ngày 15/10 âm lịch. Bọn địch còn nhử tâm phoir xác chị hỏa thiêu tại chợ Phước Long. Tôi năn nỉ xin đem xác chị về chôn cất, phải đến chiều chúng mới đồng ý, nhưng làm khó, không cho tôi khiêng. Tôi phải dùng dây quàng vào cổ làm “trâu”, cùng một người em họ kéo quần tài chị ra khỏi chợ, trong lòng tôi đau đớn như dao cắt. Chị Năm tôi là một người phụ nữ hết sức hiền lành, từ nhỏ đã có tính táo tợn, chịu thương chịu khó, lúc nào cũng quan tâm